Trùng Đính Tây Phương Công Cứ (Như Hòa dịch)

Tịnh Độ — sách & giảng giải

Trùng Đính Tây Phương Công Cứ Dật Nhân pháp sư biên thuật, Ấn Quang pháp sư giám định (dịch theo bản Trùng Đính Tây Phương Công Cứ do Đài Trung Liên Xã ấn hành, năm Dân Quốc thứ 82 (1993)) Chứng nghĩa: Hòa Thượng Thích Đỗng Minh Chuyển ngữ: Như Hòa

Lời trần tình của người chuyển ngữ Tịnh Độ là một pháp môn thật đặc biệt: Hầu như người Phật tử nào cũng biết đến pháp môn này, cũng hiểu khái niệm Tịnh Độ tư lương cũng như cách hành trì pháp môn này; nhưng thật ít người thấu hiểu tường tận những điểm thâm áo, huyền diệu, siêu việt sự tướng của một pháp môn mà nếu chỉ nhìn bề ngoài sẽ dễ ngộ nhận nó là một pháp thiên trọng sự tướng, hoàn toàn mang tính chất tiêu cực, van xin, quỵ lỵ! Do đó, không ít những người tu Tịnh Độ chúng ta đôi khi cảm thấy tự ti mặc cảm vì pháp môn này quá giản dị, quá đơn giản nên dễ bị chao động, chạy theo tu tập những pháp môn khác có vẻ “trí thức, cao siêu” hơn đến nỗi lơ là Tịnh nghiệp. Ngay cả mạt nhân cũng từng vướng phải khuyết điểm này trong khi đang dò dẫm trên bước đường tu tập. Do phước thừa, mạt nhân được đọc những sách giảng dạy tường tận về Tịnh Tông của chư tổ và thiện tri thức Trung Hoa do hội Tịnh Tông Đài Loan ấn hành nên niềm tin vào Tịnh Độ lại được củng cố, lại dốc lòng chuyên tu Tịnh nghiệp. Khi trò chuyện cùng các liên hữu thân quen, mạt nhân giật mình thấy không những chỉ riêng mình mắc phải căn bịnh “đứng núi này trông núi nọ ấy” mà hầu như không ít thì nhiều, đa phần Tịnh nghiệp hành nhân cũng từng mắc phải căn bịnh oái ăm ấy. Bởi vậy, mạt nhân bèn đánh liều chuyển ngữ những văn bản Tịnh Độ giá trị bằng tiếng Hán sang Việt ngữ chỉ với tâm nguyện chia sẻ pháp lạc cùng các liên

hữu cũng như giúp cho những bạn đồng tu được tăng thêm tín tâm, hạnh nguyện thêm kiên cố. Chuyển ngữ một tác ph)m thông thường đã khó, huống hồ là phiên dịch những tác ph)m đặc thù của Phật giáo. Muốn chuyển ngữ thành công một văn bản Phật giáo từ tiếng Hán, người dịch phải thấu hiểu nội điển lẫn văn hóa Trung Hoa cũng như thấu hiểu sâu sắc cả Hoa ngữ lẫn Việt ngữ. Tiếc thay, mạt nhân không hề hội đủ những điều kiện ấy. Bản dịch nháp tác ph)m Trùng Đính Tây Phương Công Cứ được hoàn thành vào tháng 6 năm 2000, nhưng do mức độ hiểu biết về đạo học lẫn thế học của người dịch quá nông cạn, bản dịch nháp ấy không tránh khỏi những sai lầm ấu trĩ khó thể tha thứ. May mắn sao, vào tháng sáu năm nay (2002), nhờ sự giúp đỡ tận tình của đạo hữu Minh Lập và sư cô Như Hạnh chùa Dược Sư (Sài Gòn), bản dịch nháp thô vụng này đã được Hòa Thượng chùa Long Sơn (Nha Trang) hoan hỷ giáo chánh, hiệu đính và ấn khả. Xin mượn lời trần tình này để dâng lời cảm tạ chân thành lên: Hòa Thượng thượng Đỗng hạ Minh, viện chủ chùa Long Sơn (Nha Trang) kiêm trưởng ban phiên dịch Pháp Tạng Việt Nam, dù bận rộn trăm công ngàn việc vẫn từ bi dành thời gian giảo chánh và chứng minh bản dịch, Hòa Thượng thượng Trí hạ Tịnh đã sách tấn, cổ vũ; Hòa Thượng thượng Tịnh hạ Không và các đạo hữu trong hội Tịnh Tông Đài Loan

đã hoan hỷ ban bố pháp thí khiến cho con có được các tài liệu Tịnh Độ quý giá này. Xin đặc biệt cảm tạ sư cô thượng Như hạ Hạnh (chùa Dược Sư, Bình Thạnh, Sài Gòn) đã bỏ nhiều công sức giúp cho con có được cơ duyên trình các bản dịch nháp lên Hòa Thượng Long Sơn. Bản dịch này không thể hoàn thành được nổi nếu không có sự sách tấn, khuyên nhủ, cổ vũ

của bổn sư là Thượng Tọa thượng Giải hạ Thắng (viện chủ chùa Bửu Quang, Sài Gòn) và sư cô thượng Đàm hạ Nhật (trụ trì chùa Đức Viên, California) cũng như của các đạo hữu Từ Hỷ, Tuệ Cường, Huệ Toàn, Không Châu; xin đặc biệt cảm tạ các đạo hữu Minh Lập, Vạn Từ và Huệ Trang đã dành nhiều thời gian duyệt bản thảo và góp ý sửa chữa. Kính nguyện hồng ân Tam Bảo thường gia hộ cho các vị ân sư, liên hữu trên đều luôn được thân tâm an lạc, đạo hạnh tinh tấn, một hậu cùng sanh Cực Lạc quốc, diện kiến từ phụ A Di Đà. Nếu như việc phiên dịch này có chút công đức nào thì đều xin hồi hướng cho tất cả chúng sanh đều được vãng sanh Cực Lạc, chóng thành Phật quả. Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa kính bái.

Lời tựa bản Trùng Đính Tây Phương Công Cứ Một quyển Tây Phương Công Cứ lưu truyền đã lâu; những lời bàn luận được trích tuyển [trong sách này] hoặc rườm rà hoặc giản dị chẳng đồng. Có bản thì in kinh Di Đà và chú Vãng Sanh ở đầu sách; cũng có bản chẳng in; nhưng các bản thường in hình Tam Thánh và chín phNm đài sen có những chấm tròn để người ta chấm vào đó hầu ghi nhớ số [lần niệm Phật]. Trong đa số các bản, trên đài sen chín phNm có vẽ một tượng Phật. Sau đấy mới chọn đăng những lời khai thị thiết yếu tự xưa nay và thuyết minh sự tích để mọi người ưa thích, sanh tín, nguyện quyết định; dùng những điều quyết định ấy để làm tư lương vãng sanh. Dụng ý thật là sâu xa, chu đáo. Nhưng khi niệm đủ số, hoặc sau khi chết đi, ta thường đem đốt đi, chẳng hề biết mình đã phạm lỗi hủy hoại kinh, tượng. Thành thử, một cuốn sách tốt có lợi cho

người đời rốt cuộc bị phó cho mồi lửa, chẳng những chỉ tàn hại đến trời lẫn vật mà còn chẳng thể lợi ích rộng khắp tất cả. Nếu lưu lại bản sách ấy để truyền cho đời thì đã bị vòng, chấm đen đúa rối bời khiến kẻ khác khó lòng ưa thích. Suy đi tính lại, khó tìm được cách nào thích hợp. Bạn tôi là ngài Dật Nhân đã lưu tâm san định thứ tự sách này: đầu sách in kinh, chú, nghi thức niệm Phật, rồi mới nêu các lời khai thị xưa nay [nghĩa lý] rõ ràng hay kín nhiệm, ý tứ cạn hay sâu. Tiếp đấy, lại chú trọng đến một phương pháp trợ niệm lúc lâm chung ngõ hầu tránh cho [người niệm Phật] sắp đến kỳ công phu thành tựu lại bị quyến thuộc vô tình phá hoại. Kế đó, giảng về Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện, Tứ Đế, Tứ Liệu Giản; mỗi phần đều giải thích sơ lược. Và [cuối cùng] là trăm bài tụng niệm Phật, những mong người sơ phát tâm biết đại khái ý nghĩa nên soạn thành một bản để làm sách lưu truyền vĩnh viễn. Còn các bức vẽ chín phNm niệm Phật để ghi số thì in thành bản riêng, biến thành phụ bản của phần chính để giúp hành giả nhớ số ngõ hầu mai sau [niệm xong] thì thiêu đi. Cách này rất hay, đáng nên in ra

để rộng lưu hành, kính biếu. Những mong hết thảy những người cùng hạnh cùng được vãng sanh. Phải biết là ngoài đức Phật ra không ai thấu hiểu trọn vẹn nổi lợi ích của pháp môn Tịnh Độ. Bởi thế, trong kinh Hoa Nghiêm sau khi đã chứng Đẳng Giác, [ngài Phổ Hiền] còn dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh. Trong Quán kinh, lúc sắp đọa địa ngục, [kẻ ngũ nghịch thập ác] niệm chưa hết mười tiếng liền được dự vào chín phNm. Thật đúng là mười phương tam thế hết thảy chư Phật: trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh, không vị nào chẳng nhờ vào pháp này làm [pháp tu

hành] ban đầu mà rốt ráo cũng quy về pháp này vậy. Phổ nguyện những người cùng hạnh cùng sanh chánh tín.

Dân Quốc năm thứ mười chín (1930), Canh Ngọ, giữa mùa Thu, Cổ Tân Thích Ấn Quang soạn

Phụ lục: Bài Tiểu Tự sách Tây Quy Chỉ Quy Tập Nguyên Giáo Môn của ngài Đại Hựu Do một đại sự nhân duyên, đức Đại Thánh Nhân phương Tây xuất hiện trong đời để khiến cho chúng sanh được khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Do căn cơ phân chia lợi, độn nên cả hơn bốn mươi năm, trong hơn ba trăm hội, Phật đã tùy cơ giáo diễn các pháp: Đại, Tiểu, Thiên, Viên chẳng đồng. Tuy các pháp ấy đều là pháp Nhất Thừa, nhưng Phật đã dùng phương tiện [diễn giảng sai khác]. Trong pháp hội Linh Sơn, ngài quy tất cả về Nhất Thật đạo, giảng bày bổn hoài; tam thế chư Phật xuất thế độ sanh không vị nào chẳng làm như thế. Nhưng xét đến pháp giản dị nhất, dễ dàng nhất [khiến cho] kẻ tâm hèn kém, sơ tâm phàm phu đốn ngộ thượng thừa, mau đạt lên Bất Thối thì chẳng có pháp nào bằng nổi con đường quan yếu Tịnh Độ cả! Chúng ta thường nói: “Phật tánh của chúng sanh vốn sẵn thành, chẳng do người khác dạy. Vô Thượng Bồ Đề ta vốn tự có, nào phải do tu mới có được”. Nhưng chúng sanh mê tình sâu nặng, trầm đọa bao kiếp; nếu chẳng gặp được Phật, Bồ Tát, thiện tri thức dùng phương tiện khai thị thì không cách nào liễu sanh thoát tử, nhập Phật trí huệ được nổi! Vốn tự ngài Pháp Tạng Tỳ Kheo gặp đức Thế Tự Tại Vương Phật phát ra bốn mươi tám lời nguyện nên pháp Niệm Phật Tam Muội đây mới được phát khởi trong vô lượng kiếp số nhiều như số bụi trần trước đây.

Do đó, nay đức Di Đà hiện hữu nơi cõi Thanh Thái, đức Thích Ca Văn giảng dạy trong cõi Trúc Càn; trong mười phương cõi nước, hằng sa chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài tán dương pháp môn Tịnh Độ là chánh nhân Tịnh nghiệp của tam thế chư Phật. Nguyên do truyền bá giáo pháp là như vậy đó. Còn ngài Huệ Viễn đời Đông Tấn kết Liên Xã tại Lô Sơn chỉ là nhằm phát huy di huấn của các đức Phật trước đó mà thôi. Bởi thế, mới nói: Các tam muội danh hiệu rất nhiều, nhưng công cao dễ thành thì phải kể Niệm Phật Tam Muội trước hết. Do đấy, biết được rằng: Lúc còn tu nhân, chư Phật, Bồ Tát đều tu pháp này. Khi chứng quả vị, để độ sanh, các vị cũng cùng nói pháp này. Phàm muốn hoàn tất đại sự sanh tử, dạo trong tánh hải của chư Phật thì không thể không nhờ vào pháp này được!

Trùng Đính Tây Phương Công Cứ Số lượng pháp môn tu trì rất nhiều, nhưng ổn đáng nhất không chi bằng Niệm Phật. Điểm mầu nhiệm của pháp Niệm Phật là quý tại Tín, Nguyện. Tín, Nguyện chơn thành, thiết tha thì vạn người tu, vạn người đạt. Niệm làm chánh hạnh; Tín, Nguyện phụ trợ. Ba pháp đầy đủ sẽ quyết định vãng sanh. Cạn tấc lòng thành, dốc kiệt lòng kính như con nhớ mẹ, cảm ứng đạo giao, chóng siêu sanh tử. Thích Dật Nhân kính đề

Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật, Bồ Tát (3 lần) Phật nói kinh A Di Đà (lược phần này không dịch)

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 7

Bạt nhất thiết nghiệp chướng căn bổn đắc sanh Tịnh Độ đà ra ni (chú Vãng Sanh) Nam mô a mi đa bà dạ, đá tha già đá dạ, đá địa dạ tha, a mi rị đô bà tì, a mi rị đá tất đam bà tì, a mi rị đá, tỳ ca lan đế, a mi rị đá tì ca lan đá, già mi nị, già già na, chỉ đa ca lệ, sa bà ha.

Niệm Phật khởi chỉ nghi (Nghi thức niệm Phật)

Kệ tán Phật
A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
Cám mục trừng thanh tứ đại hải
Quang trung hóa Phật vô số ức
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh
Cửu phNm hàm linh đăng bỉ ngạn
Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới đại từ, đại bi
A Di Đà Phật
Nam mô A Di Đà Phật (hoặc năm trăm tiếng, một ngàn tiếng, dù ít hay nhiều cần phải chí thành khNn thiết. Từng câu, từng chữ cần phải từ trong tâm niệm ra).
Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (10 tiếng)
Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (10 tiếng)
Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải chúng Bồ Tát (10 tiếng, rồi tiếp tục tụng bài nguyện)
Ngã kim xưng niệm A Di Đà
Chơn thật công đức Phật danh hiệu
Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ
Chứng tri sám hối cập sở nguyện
8 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp
Giai do vô thỉ tham, sân, si
Tùng thân, ngữ ý chi sở sanh

Nhất thiết ngã kim giai sám hối.
Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời
Tận trừ nhất thiết chư chướng ngại
Diện kiến bỉ Phật A Di Đà
Tức đắc vãng sanh An Lạc sát
Bỉ Phật chúng hội hàm thanh tịnh
Ngã thời ư thắng liên hoa sanh
Thân đổ Như Lai Vô Lượng Quang
Hiện tiền thọ ngã Bồ Đề ký
Mông bỉ Như Lai thọ ký dĩ
Hóa thân vô số bách câu chi
Trí lực quảng đại biến thập phương
Phổ lợi nhất thiết chúng sanh giới
(Tạm dịch:
Con nay xưng niệm A Di Đà,
Danh hiệu Phật công đức chơn thật.
Xin nguyện từ bi thương nhiếp thọ
Chứng biết con sám hối, phát nguyện
Con xưa trót tạo bao ác nghiệp
Đều do vô thỉ tham, sân, si
Từ thân miệng ý phát sanh ra
Hết thảy con nay đều sám hối
Nguyện con vào lúc sắp lâm chung
Trừ sạch hết thảy các chướng ngại
Tận mặt thấy Phật A Di Đà
Liền được vãng sanh cõi An Lạc
Chúng hội của Phật trọn thanh tịnh
Con được sanh trong hoa sen nhiệm
Được thấy Như Lai Vô Lượng Quang
TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 9

Hiện tiền thọ ký quả Bồ Đề
Con được Như Lai thọ ký xong
Hóa thân vô số trăm câu chi
Trí lực rộng lớn trọn mười phương
Lợi khắp hết thảy chúng sanh giới)
Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh, thấu rõ đạo cả, phát lòng vô thượng. Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như biển. Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, hết thảy vô ngại (Hành trì như thế, mỗi ngày hoặc hai lần, hoặc bốn lần, hoặc sáu lượt, dốc trọn vẹn lòng thành kính, tùy phận,

tùy sức thực hiện. Người như vậy quyết định vãng sanh).

Phụ lục: Thập Niệm Pháp Môn (Pháp mười niệm này, ai ai cũng tu nổi, người bận rộn chẳng chuyên tu nổi thì nên thành tâm thực hành vào mỗi sáng, tối thì quyết định được vãng sanh). Mỗi ngày sáng, tối hai thời, súc miệng xong; nếu không có tượng Phật thì hướng về phương Tây xá hoặc lễ bái. Có tượng Phật thì lễ Phật ba lạy, quỳ thẳng ngay ngắn, chắp tay, cung kính, dứt bặt các duyên, nhiếp tâm một chỗ, liên tiếp niệm Nam mô A Di Đà Phật cho đến hết một hơi thì coi là một niệm. Mười hơi như thế gọi là Thập Niệm. Chỉ tùy theo hơi dài, ngắn, chẳng nệ vào số lần niệm Phật, chỉ lấy hơi thở làm hạn. Tiếng niệm chẳng cao, chẳng thấp, chẳng gấp, chẳng hoãn, nhịp nhàng, vừa phải, liên tục chẳng dứt. Ý nương theo hơi thở để nhiếp tâm khiến tâm chẳng tán loạn. Tâm đã thuần nhất thì công chẳng lớn lao hay sao? Pháp mười niệm này là do khi đức Di Đà còn tu nhân đã có nguyện rằng: ‘Nếu có

chúng sanh nghe danh hiệu ta chí tâm tin ưa, dẫu chỉ mười niệm mà nếu chẳng vãng sanh thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác’. Vì thế, hành giả trọn đời thọ trì chẳng để gián đoạn. Khi kẻ ấy lâm chung, vì bổn nguyện lực, đức Phật sẽ đích thân đến tiếp dẫn vãng sanh Tây phương. Một khi đã sanh Tây phương liền chứng địa vị bất thoái, vĩnh viễn thoát cái khổ sanh tử, luân hồi vậy. Trân trọng, trân trọng. Niệm xong lại hồi hướng rằng: Nguyện con lúc lâm chung không chướng ngại. A Di Đà Phật xa đón, Quán Âm rưới cam lộ trên đầu con, Thế Chí đặt đài vàng dưới chân con. Trong khoảng sát na lìa ngũ trược, như trong khoảng co duỗi cánh tay, về đến ao sen. Hoa sen nở rồi được thấy Từ Tôn, đích thân nghe được pháp âm rành rẽ. Nghe xong liền ngộ Vô Sanh Nhẫn, chẳng rời An Dưỡng, vào lại Sa Bà, khéo biết phương tiện cứu độ chúng sanh. Khéo dùng trần lao để làm làm Phật sự. Con nguyện như thế, xin Phật tự biết. Rốt ráo trong tương lai sẽ được thành tựu.

1. Văn Thù dạy răn (ba mươi bảy thiên tiếp theo đây, đều do Đại Hựu thiền sư trích từ sách vở của các bậc cổ đức rất hay, chớ xem thường) Trong niên hiệu Đại Lịch đời Đường, Pháp Chiếu pháp sư đi lễ núi Ngũ Đài, ngài Văn Thù ứng hiện nơi Đại Thánh Trúc Lâm Tự chiếu sáng cả giảng đường. Sư thấy ngài Văn Thù ở phía Tây, ngài Phổ Hiền ở phía Đông; vạn chúng Bồ Tát vây quanh thuyết pháp. Sư Pháp Chiếu làm lễ, thưa hỏi: ‘Chúng sanh đời mạt, trí thức thiển lậu, không cách chi hiển hiện Phật tánh tâm địa, con chưa biết tu pháp môn nào là thiết yếu nhất?’ Bồ tát Văn Thù đáp:

- Lời ông vừa hỏi thật là đúng lúc. Các môn tu hành không môn nào bằng Niệm Phật. Trong quá khứ, ta do niệm Phật nên đắc Nhất Thiết Chủng Trí. Sư Pháp Chiếu lại thưa: - Nên niệm ra sao? Ngài Văn Thù dạy: - Phía Tây thế giới này có Phật A Di Đà nguyện lực khó nghĩ lường, ông nên hệ niệm chẳng để gián đoạn thì lâm chung quyết định vãng sanh. Nói xong, lại xoa đầu ngài Pháp Chiếu. Sư nghe xong hớn hở, vui mừng. Tại nơi mình ở, ngài xiển dương pháp môn Niệm Phật. Vua Đức Tông sắc truyền đón sư vào cung dạy cung nữ niệm Phật, pháp đạo lừng lẫy.

2. Duy tâm phát hiện Vô Công cư sĩ nói: “Cực Lạc cách đây mười vạn ức cõi. Phàm phu mạng chung khoảnh khắc liền tới nơi là vì tự tâm vốn nhiệm mầu. Vì vậy, kinh Lăng Nghiêm chép: ‘Ông do chưa rõ hết thảy phù trần, các tướng huyễn hóa, ngay nơi này sanh ra, cũng theo ngay nơi đó mà diệt. Nhân duyên hòa hợp, hư vọng có sanh. Nhân duyên biệt ly, hư vọng gọi là diệt. Bởi chẳng biết sanh, diệt, đến, đi, bổn Như Lai tạng thường trụ diệu minh trong tánh chơn thường nên cầu nơi đến, đi, mê, ngộ sanh tử thì trọn không có chi để được’. Theo đó mà suy, trong lúc mạng chung, cái duyên nhiễm trược tan lìa nên đương xứ Sa Bà huyễn diệt. Duyên thanh tịnh hợp lại nên đương xứ Cực Lạc huyễn sanh. Cõi này diệt, cõi kia sanh chẳng xen hở dẫu chỉ bằng khoảng sợi tóc, còn bàn luận gì nổi việc xảy ra chỉ trong khoảnh khắc? Thấy dường như trọn ngày lấy, bỏ mà chưa hề có lấy, bỏ vậy.

3. Niệm Phật thông, biệt

12 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

[Sách Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ] Diệu Tông Sao chép: ‘Đức Tỳ Lô Giá Na Phật ở khắp hết thảy chỗ; hết thảy các pháp đều là Phật pháp. Tức là: vị Phật nơi tánh đức của chúng sanh chẳng phải là tự, chẳng phải là khác, không phải nhân, chẳng phải quả. Vị Phật ấy chính là thể Viên Thường Đại Giác. Vì thế, luận Khởi Tín chép: “Giác nghĩa là tâm thể ly niệm. Tướng ly niệm giống như hư không giới, không đâu chẳng hiện hữu. Pháp giới nhất tướng chính là Như Lai thường trụ pháp thân. Nương theo pháp thân ấy mà nói thì gọi là Bổn Giác”. Phải nên biết rằng: cái thể viên minh của quả Phật chính là tánh đức vốn sẵn đủ của bọn phàm phu ta. Vì vậy, hết thảy hạnh pháp đã được giảng dạy, không pháp nào chẳng nhằm để hiển minh cái giác thể này. Thế nên, tuy bốn pháp tam muội cùng được gọi chung là Niệm Phật, nhưng quán pháp của từng tam muội không giống nhau. Chẳng hạn như: Nhất Hạnh tam muội quán thẳng vào tam đạo, hiển lộ bổn tánh Phật. Phương Đẳng tam muội thì kiêm tụng chú, Pháp Hoa kiêm tụng kinh. Quán Âm kiêm đếm hơi thở, giác ý suốt cả ba tánh. Ba thứ tam muội ấy tuy xét về sự thì khác nhưng xét về mặt niệm Phật lại đồng vì cùng để hiển lộ cái Đại Giác Thể vậy. Tuy [các tam muội ấy] đều cùng nhắm vào niệm Phật nhưng đều dùng những cách chung chung để hiển lộ bản thể của chư Phật. Còn như quán môn này (tức là các pháp quán dạy trong Quán kinh) và Ban Châu tam muội thì lại nương vào cảnh y báo và chánh báo của cõi An Dưỡng, dùng vi diệu quán chuyên chú nơi đức Di Đà để hiển lộ cái thể của chơn Phật. Tuy phải dựa vào cảnh, nhưng ta nên biết rằng y báo, chánh báo ấy đều cùng ở trong Nhất Tâm. Tâm tánh trọn khắp, không pháp nào nó chẳng tạo, không pháp nào nó chẳng sẵn đủ. Nếu có một mảy pháp

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 13

nào sanh từ ngoài tâm thì chẳng gọi là Đại Thừa Quán vậy”.

4. Ví như mài gương Kinh dạy: “Ví như mài gương, hết dơ thì sáng hiện”. Gương cổ bị bụi lấp, dẫu vốn sẵn có quang minh nhưng ắt phải nhờ mài giũa thì sau đấy quang minh mới hiển hiện. Đấy là ý nghĩa tu được thành tựu vậy. Tuy cần phải mài thì gương mới được tỏa sáng, nhưng cái sáng ấy toàn là vốn sẵn có, chứ chẳng phải là do từ bên

ngoài mà có! Đấy là nghĩa tánh đức. Nếu chấp khư khư rằng quang minh vốn sẵn có chứ chẳng phải do mài mà được, dẫu có bị chất dơ phủ kín, gương cổ vẫn có thể soi được sự vật thì thành ra cái lỗi: chấp tự nhiên! Nếu chấp nhất định rằng do mài giũa mà có được sự sáng suốt ấy thì mài ngói cũng thành được gương, thành ra cái lỗi: chấp nhân duyên! Kinh nói: 'Tâm này làm Phật' là ước theo tu đức mà nói. Ý nói chúng sanh tuy có Bổn Giác thể, nhưng ắt cần phải do công năng của Thỉ Giác thì sau đấy mới chứng được. 'Tâm này là Phật' là ước theo tánh đức mà nói. Ý nói: tuy do tu chứng mà Phật tánh của chúng sanh được hiển lộ, nhưng đó toàn là tánh đức vốn sẵn có, chứ nào phải do từ cái khác mà có được!

5. Trí có thể dẫn dắt hạnh Tâm chánh thì hạnh chánh; trí tà hạnh ắt tà. Các hạnh tu của Đại Thừa Bồ Tát đều dùng Bát Nhã để dẫn đường nên đều là cái nhân để thành Phật, thẳng vào biển Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí). Phàm phu làm lành, cho là thật có nên quả báo [bị hạn cuộc] trong cõi trời, người. Khổ hạnh của ngoại đạo lấy tà kiến làm chủ nên hưởng báo trong tam

đồ. Hạnh tu của bậc Nhị Thừa chuyên chí nơi Thiên Không nên chỉ chứng Tiểu Quả. Bậc Tiệm Tu Đại Sĩ tuy dùng lý để viên dung sự, nhưng vẫn còn có công dụng, chưa thể với mỗi mỗi pháp đều tương ứng với Chơn Đế nên rớt vào Đệ Nhị. Viên đốn hành nhân thì mỗi một mảy điều lành lượng đều đồng pháp giới, khế hợp Chơn Như, chẳng hướng đến Nhị Thừa, chẳng ứ trệ trong ba cõi; thấu rõ hết thảy pháp đều là lý Tam Đế chẳng thể nghĩ bàn nên hết thảy pháp đều là cái nhân để thành Phật; dùng bất tư nghị quán tu Niệm Phật tam muội là diệu hạnh viên đốn. Há có thể dùng cái vọng tình chấp trước của phàm phu, ngoại đạo để suy lường nổi sao!

6. Nương theo nghiệp phát hiện Sách Vạn Thiện Đồng Quy Tập chép: "Ôi! hai vầng thiện ác, hai báo khổ, vui do ba nghiệp tạo, do bốn duyên sanh, bởi sáu nhân thành, thuộc vào năm quả. Nếu có một tâm niệm giận dữ, tà dâm thì [đó là] nghiệp địa ngục. Keo tham chẳng bố thí thì thành nghiệp ngạ quỷ. Ngu si che lấp tối tăm là nghiệp súc sanh. Kiêu căng, ngạo mạn là nghiệp Tu La. Giữ chắc năm giới là nghiệp loài người. Tu ròng Thập Thiện là nghiệp cõi trời. Chứng ngộ nhân không là nghiệp Thanh Văn. Biết duyên tánh ly là nghiệp Duyên Giác. Tu trọn lục độ là nghiệp Bồ Tát. Chơn từ bình đẳng là nghiệp của Phật. Nếu tâm tịnh thì đài hương, cây báu, hóa sanh cõi tịnh. Tâm nhơ thời gò nổng, hầm hố, thác sanh trong uế độ. Đấy đều là cái quả bình đẳng, là duyên để cảm được sự tăng thượng. Rời ngoài nguồn cội tự tâm thì chẳng có cái Thể nào khác cả!"

7. Bốn thứ hạnh nguyện

Vì viên tri phủ Hàng Châu là ông thị lang Mã Lương nên ngài Từ Vân Sám Chủ bèn soạn văn Quyết Nghi về hai môn hạnh nguyện. [Theo ngài] hạnh nguyện gồm có bốn môn: a. Thứ nhất là Lễ Sám Môn: lễ Phật, sám hối, trừ sạch nghiệp chướng khiến cho thân, tâm trong sạch như ruộng sạch cỏ. b. Thứ hai là Thập Niệm Môn: chấp trì thánh

hiệu, định tâm thành hạnh, lập nguyện định hạn kỳ, gieo chánh nhân vãng sanh Tây phương như gieo hạt giống. c. Thứ ba là Hệ Duyên Môn: yêu mến, giữ gìn, trưởng dưỡng, thấm nhuần mầm, thân [của chánh nhân vãng sanh] như xối mưa ngọt. d. Thứ tư là Chúng Phước Môn để giúp cho [chánh nhân vãng sanh được] xum xuê, chóng kết thành hoa, quả, giống như tưới bón cho mầu mỡ. Tuy có các tướng trạng như vậy, nhưng nếu chẳng rảnh rỗi thì chỉ cần tu một môn cũng đều được vãng sanh. Mỗi một môn trong bốn môn này đều có đủ Hạnh, Nguyện, đều là chánh nhân vậy. Trong những ngày lục trai cũng nên tu pháp Thập Niệm; còn đối với hai môn kia thì tùy sức mà hành.

8. Lúc ngủ nhập quán Tập Chư Kinh Lễ Sám Hối Văn chép: “Khi nhập quán và trước khi ngủ, trước hết, người tu Tịnh Độ nên đứng lên chắp tay, nhất tâm hướng về Tây, mười lần niệm A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng xong, liền nguyện rằng: ‘Đệ tử hiện còn là phàm phu, tội nghiệp sâu nặng, luân hồi trong sáu nẻo chưa xuất ly nổi. Nay gặp bạn lành được nghe danh hiệu công đức của Phật Di Đà, một lòng xưng niệm nguyện

sanh Tịnh Độ. Nguyện Phật xót thương, xòe tay tiếp dẫn. Đệ tử chẳng biết thân tướng quang minh của Di Đà Thế Tôn. Nguyện Phật, Bồ Tát thị hiện thân tướng và các sự trang nghiêm trong cõi nước’. Nói lời ấy xong, nhất tâm chánh niệm, rồi thì nhập quán hay ngủ. Hoặc trong khi đang phát nguyện được thấy các điềm lành, hoặc khi đang nhập quán được thấy, hoặc trong mộng được thấy. Gần đây, pháp này có sự linh nghiệm lớn, chẳng thể thuật đủ. Có siêng gắng tu hành thì mới có thể tin là pháp này chẳng dối vậy.

9. Hiếu dưỡng cha mẹ Ngài Trường Lô Trách thiền sư soạn văn khuyên hiếu thuận gồm một trăm hai mươi thiên. Một trăm thiên đầu giảng rõ hiếu dưỡng ngọt bùi là sự hiếu thế tục. Hai mươi thiên sau giảng rõ: khuyên cha mẹ tu Tịnh Độ là sự hiếu xuất thế. Cái hiếu của thế gian một đời là hết; cái hiếu xuất thế không lúc nào tận. Không có điều hiếu nào lớn bằng việc làm cho cha mẹ được vãng sanh Tịnh Độ! Cha mẹ còn sống mà chẳng khuyên lơn như vậy được thì một mai cha mẹ khuất bóng rồi, dẫu đau lòng tận lực hậu lễ cũng nào có ích gì? Quán Kinh trước sau hai lượt dạy hiếu dưỡng cha mẹ là Tịnh nghiệp, chính là ý này. Lại nói: Khi cha mẹ tin biết niệm Phật là lúc trồng hoa sen. Lúc nhất tâm niệm Phật là lúc hoa sen ló khỏi mặt nước. Niệm Phật thành công là lúc hoa nở thấy Phật vậy. Người hiếu tử xét thấy khi cha mẹ sắp vãng sanh bèn đem các việc lành cha mẹ đã làm được trong cả đời soạn sẵn thành một bài, luôn luôn đọc lên khiến mẹ cha hoan hỷ. Lại khuyên cha mẹ khi nằm, ngồi đều hướng về Tây để chẳng quên Tịnh Độ. Bày tượng Di Đà, thiêu hương, gõ khánh, niệm Phật

chẳng dứt. Lúc [cha mẹ] xả báo, lại càng dụng tâm, chớ có than khóc làm cha mẹ mất chánh niệm. Cha mẹ được sanh Tịnh Độ hưởng các điều khoái lạc, há chẳng phải là việc tốt lành sao! Hiếu dưỡng cả một đời chính là lúc này đây. Nhắn những kẻ con hiếu

cháu thuận chớ quên điều ấy!

10. Phát tâm Bồ Đề Tiếng Phạm là A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, Tàu dịch là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là quả đức rốt ráo chư Phật đã chứng, là bổn nguyên Phật tánh mà chúng sanh bị mê. Kẻ học Đại Thừa nương theo Tứ Đế viên đốn vô tác, phát bốn nguyện rộng lớn. Trước hết, dựa vào cảnh Khổ Đế, phát một nguyện rằng: "Kẻ chưa độ khiến cho được độ", tức là: chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Rồi nương theo cảnh Tập Đế, phát một nguyện rằng: "Kẻ chưa hiểu khiến cho được hiểu", tức là: Phiền não vô biên thệ nguyện đoạn. Thứ ba, nương theo cảnh Đạo Đế, phát một nguyện rằng: "Kẻ chưa an khiến cho được an", tức là: Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Thứ tư, nương theo cảnh Diệt Đế, phát một nguyện rằng: "Kẻ chưa được Niết Bàn khiến cho được Niết Bàn", chính là Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Nguyện nếu chẳng dựa theo Đế thì gọi là cuồng nguyện. Biết rõ ấm nhập đều như, không có Khổ để bỏ. Trần lao vốn tịnh, không có Tập để đoạn. Biên hay tà đều trung chánh, không có Đạo để tu. Sanh tử chính là Niết Bàn, không có Diệt để chứng. Liễu đạt như thế, phát tâm lập hạnh thì bao nhiêu công đức chỉ có Phật biết được nổi. Nếu chẳng được như vậy thì dẫu có thể phát tâm nhưng bị vướng mắc nơi Thiên, Tiểu, chẳng tương ứng

với Bồ Đề. Tuy siêng hành tinh tấn nhưng giống như [toan] nấu cát thành cơm. Ví như làm ruộng mà chẳng gieo hạt giống; đã chẳng có mầm mộng còn mong được thóc ở chỗ nào! Há chẳng nên suy nghĩ kỹ hay sao?

11. Thân cận bạn lành Kinh Viên Giác dạy: "Chúng sanh đời mạt muốn phát Đại tâm nên cầu thiện tri thức. Muốn tu hành thì nên cầu hết thảy người chánh tri kiến, tâm chẳng trụ tướng, chẳng vướng cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác, tuy hiện trần lao mà tâm thường thanh tịnh. Dẫu hiện có các lầm lỗi nhưng khen ngợi phạm hạnh, chẳng hề khiến chúng sanh làm điều chẳng đúng giới luật. Cầu được người như thế thì liền được thành tựu vô thượng Bồ Đề". Lại như luận Trí Độ chép: "Với các đạo sư, tưởng như Thế Tôn. Nếu có người có thể khai thị, giải thích nghĩa sâu, xóa tan mối nghi, có ích cho mình thì tận tâm cung kính, chẳng quan tâm đến các điều điều ác khác [của người ấy]. Ví như túi rách đựng của báu, chẳng vì do [túi đựng] tệ ác mà chẳng nhận lấy của báu ấy. Lại như ban đêm đi đường hiểm, có người tệ hại cầm đuốc[soi đường] thì chẳng vì người ấy xấu ác mà chẳng cần nhờ [ánh đuốc] soi". Kinh Hoa Nghiêm dạy: 'Đối với tự thân nên sanh ý tưởng bịnh, khổ. Với thiện tri thức, tưởng như y vương. Đối với pháp họ nói, tưởng như thuốc tốt lành. Với pháp họ tu hành, tưởng như trừ bịnh. Nếu nghe được một câu pháp vị tằng hữu (chưa từng có) thì còn hơn có được bảy báu chứa đầy trong cả tam thiên đại thiên thế giới và ngôi Thích, Phạm, Chuyển Luân'. Luận Khởi Tín chép: "Như tánh lửa [có sẵn] nơi cây là chánh nhân của lửa. Nếu không có người biết, cũng

chẳng nhờ đến phương tiện mà có thể tự đốt lấy cây thì thật chẳng có lẽ ấy. Chúng sanh cũng thế: Tuy có sức chánh nhân huân tập, nhưng nếu chẳng gặp chư Phật, Bồ Tát,

thiện tri thức để làm duyên mà tự mình có thể đoạn được phiền não, nhập Niết Bàn thì thật chẳng có lẽ ấy".

12. Mười thứ tín tâm Muốn hết sạch sanh tử, tu hành Tịnh nghiệp thì nên phát mười thứ tín tâm; niệm niệm chẳng quên thì sẽ quyết sanh về Tịnh Độ, đắc bất thối chuyển. Một: tin pháp của Phật đã nói là lời chân thành phát xuất tự miệng vàng, chơn thật chẳng dối. Hai: tin rằng phàm phu còn mê thì thức thần chẳng diệt, xoay vần trong sáu nẻo chẳng ngơi. Ba: tin rằng tu hành trong cõi này nếu chưa được đạo quả thì chẳng tránh khỏi bị luân hồi. Bốn: tin rằng nếu chưa thoát khỏi luân hồi thì dẫu sanh lên trời vẫn chẳng tránh khỏi bị đọa lạc. Năm: tin rằng chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc sẽ vĩnh viễn chẳng thoái chuyển. Sáu: tin chúng sanh phát nguyện, nguyện sanh Tịnh Độ sẽ quyết định vãng sanh. Bảy: tin rằng một phen xưng danh hiệu Phật sẽ diệt được tám mươi ức kiếp sanh tử tội nặng. Tám: tin người niệm Phật sẽ được thần thông quang minh của A Di Đà Phật nhiếp thủ chẳng hề buông bỏ. Chín: tin người niệm Phật luôn luôn được hằng sa chư Phật trong mười phương thế giới cùng dùng thần lực hộ niệm. Mười: Tin là khi đã sanh về Tịnh Độ sẽ có thọ mạng vô lượng, trong một đời sẽ chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề.

Chẳng thể tin tưởng sâu sa vào mười điều trên, lại còn sanh nghi hoặc thì dẫu có niệm Phật vẫn chẳng được vãng sanh.

13. Tự chướng, tự ngăn Bách Đình pháp sư nói: "Người tu Tịnh nghiệp thường lắm kẻ biết được pháp môn, nhưng chẳng có mấy kẻ chịu gấp gáp tu hành. Bàn về Tịnh Độ, thường có lắm kẻ nắm vững yếu chỉ, nhưng người trực chỉ lại quá ít ỏi. Có kẻ chưa nghe đã tự chướng, tự ngăn người khác giảng giải cho mình. Tự chướng thì không chi bằng Ái; tự ngăn không chi bằng Nghi. Chỉ cốt hai cái tâm Ái và Nghi ấy không còn chướng ngại nữa thì một môn Tịnh Độ mới chẳng bị ngăn cách. Trong bài tựa Tịnh Độ Thập Nghi Luận, Vô Vi Tử viết: "Ái chẳng nặng chẳng sanh Sa Bà. Niệm chẳng chuyên nhất chẳng sanh Cực Lạc". Huệ Viễn pháp sư đời Tấn kết liên xã nơi Lô Sơn: Đối với ông Uyên Minh thì ngài mời mọc vì quý trọng ông ấy đã thông đạt, lại còn đoạn được ái. Với ông Linh Vận thì ngài cự tuyệt, vì ông này tâm tạp, lại chẳng thể chuyên niệm. Há chẳng phải là đoạn trừ hai điều ấy (nghi và ái) chính là điều cốt yếu trong Tịnh Độ ư?

14. Thân tâm hư ngụy Quan tướng quốc Bùi Hưu đời Đường nói: "Từ vô thỉ đến nay, đại chúng thường nhận lầm cái thân do địa, thủy, hỏa, phong giả hợp thành là thân mình. Cái thân ấy chợt tụ, chợt tán, thuộc pháp vô thường, chẳng phải là thân ta vậy. Từ vô thỉ đến nay, đại chúng thường nhận lầm cái tâm duyên lự khách trần là tâm mình. Cái tâm đó hư vọng, chợt khởi, chợt diệt, thuộc vô thường pháp, chẳng phải là tâm ta. [Phải biết là] ta có chơn thân, viên

mãn không tịch mới là đúng vậy; [phải biết] cái chơn tâm của ta rộng lớn, linh tri mới là đúng vậy. [Tâm ấy] không tịch, linh tri, thần dụng tự tại; tánh bao hàm muôn đức,

thể tuyệt bách phi, giống như vầng trăng sạch, viên mãn chẳng khuyết; nhưng có khi bị mây che nên chẳng tự hay biết. Vọng hoặc đã trừ hết thì chơn tâm vốn sẵn thanh tịnh. Thập phương chư Phật, hết thảy chúng sanh và cái tâm này của ta, ba thứ trên đây chẳng hề sai khác. Đấy chính là bản thể của Bồ Đề tâm vậy. Buông bỏ, chẳng nhận thức được điều ấy, lại còn nhận lầm cái thân hôi thối rồi vọng niệm, rong ruổi theo sanh tử, chen vai chịu khổ cùng cầm thú, tạp loại; há chẳng thẹn là kẻ trượng phu hay sao?"

15. Tướng trạng, nguyên nhân của dâm và sát Sách Long Thư Tịnh Độ chép: "Uống ăn, nam nữ là những điều ham muốn lớn của con người. Chế ngự [đến mức] hầu như không còn có nữa thì là bậc thánh nhân. Tiết độ chẳng phóng túng, đáng gọi hiền nhân. Phóng túng chẳng tiết độ thì là hạ ngu. Mà hai điều Dâm, Sát ấy lại trợ giúp, phát khởi sự tạo nghiệp. Ăn uống quá no đủ thì khí huyết mạnh mẽ khiến cho dâm dục nhiều. Dâm dục nhiều thì tổn hại khí huyết, lại phải nhờ vào ăn uống để bồi bổ. Nếu có thể tỉnh giảm cả Dâm lẫn Sát thì đấy chính là cái đạo an thân, sống thọ vậy. Từ Giác thiền sư nói: Ăn uống nhân gian năm tháng dài, Ngon dở miễn sao đỡ đói thôi Qua ba tấc lưỡi thành chi nữa? Sao chẳng dụng tâm xét kỹ coi! Vụ Thật dã phu nói: "Da trùm xương thịt cùng máu mủ. Cưỡng làm vẻ ra vẻ yêu kiều để mê hoặc người. Tự

ngàn xưa anh hùng đều bị lụy bởi nó, trăm năm cùng chung vùi lấp dưới mộ". Nếu quả thật có thể răn dè được hai điều ấy (dâm, sát), đời đâu còn cảnh bịnh tật, chết yểu; chết đi nào còn có cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu quyết chí muốn cầu sanh về Tịnh Độ thì phải nên gìn giữ hai điều ấy thật cNn thận.

16. Nghiệp tướng lúc lâm chung Sách Tông Kính Lục dẫn kinh Hoa Nghiêm như sau: "Ví như có người lúc sắp mạng chung thấy được tướng thọ báo theo như nghiệp đã tạo. Kẻ hành nghiệp ác thấy địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, tất cả hết thảy các cảnh giới khổ. Hoặc thấy ngục tốt, tay cầm khí giới, hoặc giận, hoặc chửi, tóm lấy lôi đi, cũng nghe tiếng gào thét, khóc than. Hoặc thấy sông tro, vạc sôi, núi đao, rừng kiếm, các thứ bức bách, chịu các khổ não. Người tạo nghiệp lành thì thấy hết thảy các cung điện trời, vô lượng thiên chúng, các thiên thể nữ, các thứ y phục, trang nghiêm đầy đủ, cung điện, vườn, rừng trọn đều diệu hảo. Thân tuy chưa chết cảnh đã hiện tiền". Cảnh khổ vui vốn chẳng từ đâu đến, điều thiện ác chỉ do tự mình chiêu cảm. Khi chưa thấu rõ được nhất tâm thì khó lòng thoát khỏi lục đạo!

17. Mười niệm vãng sanh Trong Thập Nghi Luận, có câu hỏi rằng: Vì sao chúng sanh nghiệp nặng, mà mười niệm liền được vãng sanh? Đáp: Khi lâm chung gặp được thiện hữu đều là do thiện căn đời trước. Nếu không có túc nhân thì còn chẳng thể gặp được thiện tri thức, huống hồ là mười niệm thành tựu! Nếu coi vô thỉ ác nghiệp làm trọng, lâm chung mười

niệm là khinh thì nay ta dùng ba thứ để so lường, chứ chẳng bàn đến thời gian [niệm Phật là] ít hay nhiều. Một là tại tâm. Lúc tạo ác là từ hư vọng điên đảo mà sanh; khi niệm Phật là từ nơi thiện tri thức nghe danh hiệu công đức chơn thật của A Di Đà Phật

mà sanh. Một đằng hư, một đằng thật, há nào so sánh được ư? Ví như nhà tối vạn năm, ánh mặt trời vừa chiếu đến, há có vì bóng tối tích tụ đã lâu mà chẳng diệt nổi hay sao! Hai là tại duyên. Lúc tạo tội là từ tâm si ám, duyên cảnh hư vọng mà sanh. Cái tâm niệm Phật từ việc nghe công đức danh hiệu của Phật, duyên tâm Vô Thượng Bồ Đề mà sanh. Một đằng chơn, một đằng ngụy, há so sánh được ư! Ví như có người bị trúng tên độc. Tên lút sâu, độc ngấm đẫm, tổn da nát xương. Một khi nghe tiếng trống thuốc Diệt Trừ, tên liền rớt, độc liền trừ, há đâu phải vì tên đã lút sâu, độc đã ngấm mà chẳng thể lành hay sao? Ba là tại quyết định. Lúc tạo tội là do cái tâm hữu gián hữu hậu. Khi niệm Phật, dùng cái tâm vô gián, vô hậu. Bởi thế, ngay vào lúc xả mạng: do thiện tâm mạnh mẽ nên bèn được vãng sanh. Ví như dây thừng quấn mười vòng, ngàn kẻ đàn ông chẳng làm gì nổi; đứa bé vung gươm, khoảnh khắc thừng bị đứt làm hai đoạn. Lại như củi chứa ngàn năm, dùng chút lửa to bằng hạt đậu, trong chốc lát củi cháy hết sạch. Lại như người cả một đời tu mười nghiệp lành ắt sẽ được sanh lên trời; nhưng lúc lâm chung nếu khởi một niệm tà kiến quyết định liền đọa vào A Tỳ địa ngục. Ác nghiệp dẫu hư vọng, nhưng vì nó mạnh mẽ nên còn khả năng xóa tan thiện nghiệp của cả một đời khiến [kẻ ấy bị] đọa đường ác. Huống hồ lúc lâm chung, tâm mạnh mẽ niệm Phật, tạo nghiệp lành một

cách chơn thật vô gián mà chẳng xóa nổi vô thỉ ác nghiệp, được sanh về Tịnh Độ hay sao!

18. Đặt tượng nơi trai phòng Chỗ phàm phu nằm ngồi thường ngày chẳng nên đặt tượng Phật, Bồ Tát kẻo vướng lấy tội khinh nhờn. Pháp sư Trúc Am Quán thấy trai phòng của kẻ học giả bày tượng liền khuyên răn rằng: “Các ông đứng ngồi vô lễ, nói lời vô ích; sự cung kính đốt hương chốc lát chẳng bù nổi cái tội trọn ngày khinh mạn!”. Đại Thông Bổn thiền sư thấy tượng Phật, Bồ Tát đứng hoặc đi thì chẳng dám ngồi. Thức ăn chay mang tên thịt, cá, ngài chẳng hề ăn. Ngài chơn thành kính thờ, giữ gìn tâm rời tội lỗi đến mức như vậy. Trong (Bách Trượng Sắc Tu) Thanh Quy có răn thường nhân: “Chẳng phải lúc lễ bái, cúng dường, thắp thêm hương, thay nước thì vô cớ chẳng được vào điện đường; sợ giải đãi tổn phước, chiêu lấy tội vậy!” Nếu vì người lâm chung đang cơn bịnh khổ bức bách mà bày tượng niệm Phật nhằm tăng chánh niệm cho họ để giúp họ vãng sanh thì chẳng bị hạn cuộc bởi điều răn này.

19. Dùng lý đoạt sự Lục Tổ Đàn kinh chép: “Người Thiều Châu hỏi về pháp tu Tây phương, Lục Tổ dạy: ‘Tự tâm có Tây phương, kiếm Tây phương chỗ nào? Người Đông phương tạo tội tác nghiệp cầu sanh Tây phương. Nếu người Tây phương tạo tội gây nghiệp thì cầu sanh chốn nào? Chỉ ngộ được tánh thì chỗ nào mà chẳng được?” Ngài Chí Công cũng nói: “Bậc trí biết tâm là Phật, kẻ ngu nguyện sanh Tây phương”. Lời của hai vị sư này đều là dùng lý đoạt sự, đều cùng là tùy bịnh cho thuốc. Nếu cứ chấp nê

theo lời để hiểu thì là chấp thuốc thành bịnh vậy. Nếu chỉ căn cứ theo lý mà nói thời một pháp còn chẳng thể được, huống hồ là có Tịnh Độ để sanh! Chẳng riêng mình Tịnh

Độ mà ngay cả tự tâm cũng còn chẳng thể được. Cái chẳng thể được này cũng bất khả đắc nốt. Nếu như vậy thì nói 'tự tâm có Tây phương' và 'biết tâm là Phật' đều thành thừa thãi. Mà lý đây chính là cái lý tức sự, cái Không đây chính là cái Không tức Hữu. Chính ngay trong chỗ sạch trơn ấy phương ngại gì đến việc kiến lập các pháp để niệm Phật vãng sanh? Do sự chính là lý nên niệm nhưng vô niệm, sanh mà vô sanh; thế nên cứ thẳng bước trên đường rộng, chấp chi lời chết cứng. Người đời sau chẳng hiểu ý này, cứ một bề bám theo lời nói mà hiểu, hủy báng người tu Tịnh nghiệp. Khác nào đối với người đang ngồi thuyền vượt biển lại khuyên đi đường bộ, chẳng tương xứng cơ nghi, chỉ càng khiến tăng thêm hoặc loạn. Ngài Vĩnh Gia nói: "Bỏ có chấp không cũng là bịnh, khác nào để tránh chết đuối bèn đâm đầu vào lửa". Có nên như thế chăng?

20. Bốn thứ tình chấp Đạo chẳng phải trong, ngoài; chẳng rời trong, ngoài. Đạo tuyệt ta, người nhưng chẳng trở ngại gì đến ta lẫn người do muôn pháp đều đồng một thể vậy. Một chẳng nhất định là một, nào ngại chi vạn pháp khác biệt. Nếu hiểu rõ ý chỉ này, hễ hiểu rõ được một điều thì hết thảy mọi điều đều hiểu rõ. Muôn pháp đều là tự tánh của mình, không chỗ nào là chẳng đến được. Nếu có Phật để niệm thì là chấp tướng; nếu bảo không Phật để niệm thì lại càng chấp tướng nặng hơn. Thử dùng tứ cú để luận, tức là [bốn câu]: 'có Phật', 'không Phật', 'cũng có Phật cũng không Phật' và 'chẳng

phải có Phật chẳng phải không Phật' thành ra bốn thứ chấp. Hễ chấp lấy một thứ đều thành tà kiến. Nếu với bốn điều này dung thông vô ngại thì hễ chỉ quán một điều cũng thành tam muội vậy; [ở đây chỉ] nêu một điều đại diện cho các điều khác ngõ hầu [người nghe] lãnh hội được ý. Phật do nguyện lực rộng lớn khiến cho kẻ sơ tâm phàm phu một khi đã sanh về cõi kia thì vĩnh viễn chẳng thoái chuyển. Còn nếu ai chẳng chịu vãng sanh, cam chịu trầm luân thì chính là gã đang ở sát cạnh giỏ cơm mà đành chịu chết đói vậy. Tổ Đạt Ma dạy: "Tâm như tường vách mới có thể nhập đạo" là để phá vọng tình phân biệt, cũng là tùy bịnh cho thuốc. Nếu muốn đạt ngay được vô tâm thì đúng là chấp thuốc thành bịnh. Tỳ kheo Thiện Tinh có thể giảng nổi mười hai bộ kinh, đắc quả Tứ Thiền, nhưng vì giao du với bạn tà nên nói xằng là không Phật, không Pháp, chẳng có Niết Bàn cho nên bị sanh hãm trong địa ngục; đấy đều là do vọng chấp pháp không, bác không nhân quả nên chiêu lấy cái quả báo dữ dội ấy. Người đời nay chẳng tuân lời Phật, chấp tà kiến là Đại Thừa, báng Niệm Phật là Tiểu Thừa, thật đúng là phi pháp lại bảo là pháp, pháp nói là phi pháp; thoát nổi trọng tội Vô Gián được chăng?

21. Lẽ được mất của chuyện bàn suông về Không Kinh nói: "Chư Phật nói pháp Không để độ kẻ chấp trước. Nếu lại chấp nơi Không, chư Phật chẳng độ nổi". Giáo pháp của cả Đại Tạng là tùy bịnh cho thuốc. Khéo dùng thuốc thì không bịnh chi chẳng hết; chẳng khéo dùng thì đề hồ thượng vị trở thành chất độc! Tổ Bồ Đề Đạt Ma chẳng lập văn tự, chỉ đề xướng trực chỉ, bảo là Giáo Ngoại Biệt Truyền. Lục Tổ nói: "Chỉ hai chữ 'chẳng lập' ấy đã là văn tự. Bảo là Trực

Chỉ chỉ vì do [người tu hành còn] hiểu cong vạy vậy". Vì kẻ học pháp mà cổ nhân cạy niêm cởi trói, xóa ngờ phá chấp; công ấy không chi lớn hơn. Cần phải biết đạo lý như sau: Chẳng thể dùng hữu tâm để cầu. Chẳng thể dùng vô tâm để đắc. Chẳng thể dùng ngôn từ để tạo. Chẳng thể dùng tịch mặc để thông. Đạt thẳng đến chỗ không nương dựa vào đâu, vượt khỏi ngoài sự suy nghĩ của phàm, thánh. Cũng chẳng nương dựa vào cái chỗ không nương dựa ấy, vượt khỏi chỗ suy lường của phàm, thánh thì mới đáng gọi là xuất cách đạo nhân. Kẻ học đạo đời sau cứ chấp trước ngang bướng, chẳng rõ ý Tổ, nhận lầm lời lẽ cổ nhân là thật, cho rằng thật sự có một pháp Giáo Ngoại Biệt Truyền, phải thẳng tay quét sạch văn tự, chấp chặt rằng chẳng còn có một pháp nào hết cả thì mới là cứu cánh, khăng khăng tính kế sống mãi trong dòng sanh tử. Đối với các đạo khác, họ cũng đem [cái chấp] quét sạch ấy để quét sạch hết cả, nghinh ngang chẳng hay biết gì. Ôi! đáng thương thay! Riêng họ chẳng biết rằng: đoạn vọng tưởng tam giới, diệt ngũ ấm sắc thân, trọn chẳng vướng bận dẫu mảy may nào lại chính là kiến giải của Tiểu Thừa đối với Tam Tạng. Nếu hiểu được [như thế] thì sẽ chuyển mình, tự nhiên mọi pháp dung thông, đi trên đường sanh tử chẳng trở ngại gì; tuân theo thánh giáo của Phật, phát nguyện vãng sanh, tham lễ Di Đà, thân cận thiện hữu, mau chứng bất thoái, phổ độ chúng sanh. Sánh với kẻ thiên chấp Không kiến, cam chịu luân hồi, chẳng cầu xuất ly, lẽ tiêu hoại chẳng đồng vậy.

22. Chống kinh, trái thánh Đạo của cổ nhân hễ đã tu chứng thì [thấy] là chẳng phải là không, nhưng nếu còn nhiễm ô thì chẳng đạt được. Như kinh Kim Cang Bát Nhã dạy: "Vô trụ tướng

bố thí", há nào có phải là chẳng cần tu bố thí thì mới là vô trụ tướng hay sao? Chỉ cốt sao cái tâm năng tu khế hợp lý Bát Nhã Chơn Không thì trọn ngày bố thí mà lìa hết thảy tướng; ấy mới là phá chấp vậy. Bàn thẳng về ly tướng, nói cùng tột về lý thì cũng chẳng chấp vào cái Ly Tướng mới đáng gọi là: "Đối với cả hai thứ chấp trước và không chấp trước, hành nhân đều chẳng chấp trước vào thứ nào cả!" Do xứng tánh tu hành, lìa các kiến giải chấp Có, chấp Không của phàm phu và Nhị Thừa nên gọi là "vô trụ tướng" vậy. Phàm Bồ Tát tu hành lục độ, vạn hạnh, không vị nào chẳng đều như thế cả. Há phải đâu là cứ khơi khơi không tu rồi bảo là "chẳng trụ tướng" ư! Nay Vãng Sanh Tịnh Độ chính là một môn trong vạn hạnh của Bồ Tát, là một pháp để đi qua suốt mười phương thừa sự chư Phật vậy. Do xứng tánh tu hành nên hiểu rành rẽ hết thảy pháp đều là vô tướng. Vô tướng cũng là vô. Phàm đã như vậy thời với Tịnh Độ nào ngại vãng sanh, với đức Di Đà nào ngại chi thân cận. Nương Phật nguyện lực nên mau chứng vô sanh. Nếu cứ chấp chặt rằng vô sanh, vô kiến mới là đạt lý thì sẽ đọa vào thiên kiến chấp không của Nhị Thừa, ngoại đạo. Công nhiên trái nghịch, chống kinh, chê thánh, còn tội nào lớn hơn nữa!

23. Vì nhỏ mất lớn Sách Long Thư Tịnh Độ chép: "Nay có kẻ mua bán chỉ mong một tiền mà được hai tiền, người đi đường một ngày đi được đoạn đường bằng cả hai ngày thì tâm liền vui sướng. Không được như thế, tâm ắt buồn bực. Đối với vật ngoài thân có chút được mất liền đã vui, buồn như thế; còn với tháng ngày hữu hạn của mình dần dà

bị mất đi, tuy sự mất mát ấy thật lớn nhưng chẳng lấy làm

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 29

lo. Cái duyên Tịnh Độ khó gặp nhưng ta may sao được biết đến, đấy chính là cái được lớn lao nhưng lại chẳng lấy làm vui. Chỉ thấy những cái được, mất nhỏ nhoi mà vui, buồn; còn với những cái được, mất lớn lao lại chẳng hề hay biết. Sao chẳng suy xét kỹ càng vậy!”

24. Mười điều mất mát nếu chẳng tu Phật dạy pháp tu hành đường tắt khiến hết thảy chúng sanh mau siêu sanh tử; nhưng người chướng nặng chẳng chịu tấn tu thì sẽ chịu mười điều mất mát: Một, chẳng tin lời Phật. Hai, chẳng tuân thánh giáo. Ba, chẳng tin nhân quả. Bốn chẳng trọng cái linh tâm của mình. Năm, chẳng cầu tiến lên. Sáu chẳng thân thiện hữu. Bảy, chẳng cầu giải thoát. Tám, cam chịu luân hồi. Chín, chẳng sợ ác đạo. Mười, cam làm loài ma. Ngược lại, tu hành thì được mười thứ lợi ích thù thắng.

25. Vĩnh viễn không có ma sự Sách Niệm Phật Chánh Tín Quyết của Thọ Thiền Sư có viết: “Hoặc có kẻ nói lúc lâm chung thấy Phật, phóng quang tiếp dẫn, đó đều là ma cảnh. Thuyết ấy như thế nào? Đáp: Tu tập tam muội theo như kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy thì có thể phát động ấm ma. Tu các thứ tam muội dạy trong Luận Ma Ha Diễn và sách (Ma Ha) Chỉ Quán v.v... sẽ có thể phát động ngoại ma. Đấy là nói về những cách chuyên dùng tự lực để tu Thiền, vì ma chủng đã có sẵn từ trước bị Định thúc đNy nên ma sự phát động. Nếu hiểu rõ được [ma cảnh] mà đối trị thì thành thánh pháp, còn nếu cứ mặc tình xuôi theo, chẳng hề hay biết thì sẽ bị chướng ngại. Nay ta tu Niệm Phật tam muội là nương vào sức đức Phật kia giống như gần gũi đế vương,

30 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

kẻ nào dám phạm? Vả lại, đức Di Đà có thệ nguyện đại từ bi, sức tam muội oai thần, có sức dẹp tà lớn lao, có sức hàng ma to lớn, thiên nhãn xa trông, thiên nhĩ vẳng nghe, tha tâm soi tột, quang minh chiếu khắp nhiếp thủ chúng sanh. Phật đã có sức công đức như vậy, lẽ nào chẳng hộ trì nổi người niệm Phật khiến cho lúc lâm chung chẳng bị chướng ngại hay sao? Còn các việc như kim đài đến đón... vốn phát xuất tự Quán kinh, do chính kim khNu đã nói; nếu coi [những việc ấy] là ma thì thật là quá sức vô tri vậy!

26. Ba sức Ban Châu Trong Hội Tông Tập của Viên Thông Phạm pháp sư có dẫn kinh Ban Châu Tam Muội như sau: “Niệm Phật vãng sanh có ba thứ lực: Một là Bổn Hữu Phật Tánh Lực, tức là nói trong tâm phiền não có Như Lai tạng vậy. Hai là Từ Quang Nhiếp Thủ Lực, tức là nói Di Đà quang minh vô lượng, nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ. Ba là Niệm Phật Tam Muội Lực, tức là nhớ Phật niệm Phật thì hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật”. Ba thứ lực này như ba sợi dây hợp thành sợi thừng lớn, lôi được vật nặng. Lại như cái gương thủy hỏa, nếu đem hướng về mặt trời, chiếu lên cỏ khô thì lấy được lửa. Nếu đem hứng ánh sáng mặt trăng, dùng châu để hứng lấy [ở phía dưới gương] thì liền được nước. Cái gương có đủ tánh thủy, hỏa ấy giống như chúng sanh vốn sẵn đủ Phật tánh lực. Cần phải nhờ đến ánh sáng mặt trời, mặt trăng soi đến là ví cho từ quang nhiếp thủ của Phật Di Đà vậy. Dùng cỏ, châu lấy được nước, lửa là ví cho sức tín tâm niệm Phật. Ba thứ này chẳng được thiếu một điều.

Ba sự hòa hợp thì nước, lửa mới sanh; ba lực cùng hỗ trợ ắt sẽ sanh Tịnh Độ.

27. Thuyền chở đá chẳng chìm Kinh Na Tiên ghi: “Xưa có quốc vương hỏi sa môn Na Tiên rằng: ‘Vì sao chúng sanh nghiệp nặng niệm Phật liền được vãng sanh?’ Na Tiên đáp: ‘Ví như có kẻ tính chở đến cả trăm ngàn khối đá lớn vượt qua biển lớn; do bởi sức thuyền nên đến được bờ kia. Tội của chúng sanh ví như tảng đá lớn; nguyện lực Di Đà như thuyền lớn kia. Đá vốn dễ chìm nhưng nhờ thuyền chở được; vượt ngang biển khổ sanh tử hoàn toàn nhờ vào nguyện vương của Phật”. Trong hết thảy thời, dùng nguyện vương ấy làm người dẫn đường tốt lành lên thẳng bờ kia, chẳng vượt ra ngoài tự tâm. Vì vậy, sách Câu Xá tụng có câu: “Kẻ ngu tạo tội thì dẫu nhỏ cũng đọa ác. Người trí làm tội dù lớn cũng thoát khổ. Như cái kim sắt dù nhỏ cũng chìm xuống nước, cái bát sắt dẫu to vẫn nổi được”.

28. Vừa niệm liền sanh Trong Thập Nghi Luận có câu hỏi rằng: “Tây phương cách đây mười vạn ức cõi, phàm phu hèn yếu làm sao đến đó được?” Đáp: “Tây phương mười vạn ức cõi là đối với phàm phu nhục nhãn, tâm lượng sanh tử mà nói. Điều khiến chúng sanh được thành tựu Tịnh nghiệp là: trong lúc lâm chung, cái tâm trụ trong Định chính là cái tâm thọ sanh Tịnh Độ. Lúc vừa khởi niệm chính là lúc sanh về Tịnh Độ”. Vì vậy, kinh dạy: “A Di Đà Phật cách đây chẳng xa” chính là do nghiệp lực chẳng nghĩ bàn vậy. Do một niệm liền được sanh nên chẳng phải sợ xa. Lại như người nằm mộng, thân tuy ở trên giường mà tâm ý thức đến khắp các phương khác giống như lúc bình

thường chẳng khác. Tịnh Độ cũng thế: vừa khởi niệm thì liền được sanh, còn ngờ chi nữa!

29. Như gương hiện bóng Sách Long Thư Tịnh Độ chép: “Mỗi một chúng sanh trong mười phương thế giới niệm Phật thì ao báu nơi Tịnh Độ liền sanh một đóa hoa sen, ghi tên người ấy”. Nếu có kẻ ngờ vực, ta sẽ bảo rằng: “Giống như gương sáng sạch, vật soi vào liền hiện hình. Gương có dụng tâm đâu? Do gương sáng nên hình bóng tự nhiên hiện vậy”. Vì thế mới nói: “Thiện tâm vừa phát, điện báu trên cõi trời đã thành trước. Ác niệm vừa khởi, hỏa thành dưới đất đã hoàn thành”. Nếu như vậy thì người tu Tịnh nghiệp có cành hoa đề tên, chờ người vãng sanh, có chi là lạ? Hoặc [có kẻ] gạn: “Trì chú Vãng Sanh thì A Di Đà Phật thường ngự trên đảnh, người tu Tịnh nghiệp lúc lâm chung Phật và Bồ Tát cùng đến đón rước. Chúng sanh vô lượng thì làm sao Phật ngự khắp trên đảnh nổi, đều đến đón hết nổi?” Ta bảo: “Một vầng trăng hiện khắp trong hết thảy chỗ có nước. Một mặt trời chiếu khắp vô lượng thế giới. Chỉ có chỗ nước đục trăng chẳng hiện được, nơi chậu úp mặt trời chẳng chiếu được! Quang minh của Phật Vô Lượng Thọ chiếu khắp mười phương thế giới, nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ. Đời có kẻ chẳng nguyện vãng sanh thì giống như nước đục, chậu úp, chẳng được quang minh soi đến, há nào có phải là lỗi của mặt trời, mặt trăng đâu?

30. Cầu Phật gia hộ Chiếu Luật Sư nói: “Hoặc có kẻ hỏi: Như Quán kinh đã dạy: ‘Tâm này làm Phật, tâm này là Phật’. Tâm đã là Phật, cần gì niệm

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 33

Phật khác? Đáp: Chính vì do tâm vốn là Phật nên mới dạy chuyên niệm đức Phật ấy. Kinh Phạm Võng dạy: ‘Nên thường tự biết ta là Phật chưa thành, chư Phật là Phật đã thành’. Tâm ông dẫu là Phật nhưng là Phật chưa thành; còn A Di Đà Phật là Phật đã thành. Phật chưa thành chìm trong biển dục đã lâu, đầy đủ phiền não, chẳng biết kỳ ra. Đức Phật đã thành thì từ lâu đã chứng Bồ Đề, đầy đủ oai thần, có thể gia hộ chúng sanh. Vì thế chư Phật khuyên niệm Phật, chính là để cho vị Phật chưa thành nơi ta cầu nơi đức Phật đã thành của người khác cứu giúp cho. Vì vậy, nếu chúng sanh chẳng niệm Phật thì phàm thánh vĩnh viễn cách biệt, cha, con xa lìa, ở mãi trong luân hồi, cách Phật càng xa vậy”.

31. Bí quyết trường sanh Sách Long Thư Tịnh Độ chép: “Kinh Lăng Nghiêm nói có mười loại tiên, thọ ngàn vạn năm, ở yên trong núi sâu, khi mạng hết lại bị luân hồi vì chẳng hiểu chơn tánh. [Tiên đạo] cùng với lục đạo chúng sanh gọi chung là thất thú (bảy đường). Người học đạo tiên trong đời, cả vạn người tu chẳng có đến một người đắc đạo. Ví dù có đắc đạo vẫn chẳng thoát nổi luân hồi vì còn chấp nơi thần, hình, chẳng thể bỏ đi nổi. Vả lại, thần hình chỉ là vọng tưởng hiện ra trong chơn tánh, đều chẳng phải là chơn thật. Trong vòng vài trăm năm trở lại đây, những người được thành tiên chỉ có Chung Ly, Lữ Động Tân, nhưng số người học theo họ Chung, họ Lữ có đến ngàn muôn. Chỉ riêng những người đích thân tôi biết số cũng chẳng ít, rốt cuộc đều tử vong, chôn vùi dưới đất. Chẳng thấy một ai giữa ban ngày bay lên nổi. Muốn cầu trường sanh thì chẳng chi bằng Tịnh Độ. Chẳng biết tu pháp này lại học đạo thần tiên chính là bỏ mỹ ngọc trước mắt để cầu

34 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

thứ đá vân chẳng thể có. Há chẳng phải là lầm lắm sao?
Cư sĩ Hương Sơn đời Đường trong bài thơ tặng Vương tiên nhân có viết:
Nghe ngài bớt ăn, ngủ,
Ngày nghe thuyết thần tiên
Ngầm đợi bậc phi thường
Cầu bí quyết trường sanh
Bảo dài vốn đối ngắn
Chưa thoát vòng sanh tử,
Dẫu có được trường sanh
Chẳng còn bị chết yểu
Cây tùng ngàn năm mục
Hoa cNn một ngày tàn
Rốt cục giống hư không
Cần gì khoe năm tháng?

Thọ, yểu dẫu khác nhau
Sanh tử rồi giống hệt!
Chẳng bằng học vô sanh
Vô sanh thì vô diệt.

32. Mười tâm trong kinh Bảo Tích Kinh Đại Bảo Tích chép: “Ngài Di Lặc hỏi Phật: ‘Như Phật đã dạy về thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà, nếu có chúng sanh phát mười thứ tâm, chuyên chú nơi Phật thì người ấy khi mạng chung sẽ được vãng sanh. Những gì là mười?’ Phật bảo Di Lặc: - Mười tâm như vậy, chẳng phải là [những tâm mà] những kẻ phàm ngu, kẻ bất thiện trượng phu còn đủ phiền não có thể phát khởi được nổi. Những gì là mười? Một là đối với các chúng sanh khởi đại từ, không tâm tổn hại. Hai là đối với các chúng sanh khởi đại bi, không tâm bức não. Ba là với chánh pháp của

Phật, chẳng tiếc thân mạng, tâm thích thủ hộ. Bốn là với hết thảy pháp, phát sanh thắng nhẫn, tâm không chấp trước. Năm là chẳng tham lợi dưỡng, cung kính tôn trọng, tâm vui thích thanh tịnh. Sáu là cầu Phật Chủng Trí, trong hết thảy thời tâm không quên mất. Bảy là đối với các chúng sanh, tôn trọng cung kính, tâm không hèn kém. Tám là chẳng ham bàn chuyện đời, sanh tâm quyết định đối với Bồ Đề phần. Chín là trồng các căn lành, tâm thanh tịnh chẳng có tạp nhiễm. Mười là đối với các Như Lai, xả ly các tướng, khởi tâm tùy niệm. Đấy gọi là mười thứ tâm của Bồ Tát. Nếu đối với mười tâm này, hễ ai thành được một tâm, thích muốn được sanh trong thế giới đức Phật kia mà chẳng được sanh thì thật chẳng có lẽ ấy”.

33. Ngài Từ Vân khuyên tu Từ Vân sám chủ nói: - An Dưỡng Tịnh nghiệp là đường tắt dễ tu. Các kinh Đại Thừa đều chỉ bày điều cốt yếu này. Mười phương chư Phật không vị nào chẳng khen ngợi. Nếu tỳ kheo, tứ chúng, thiện nam, tín nữ muốn mau phá được vô minh, vĩnh viễn diệt hết trọng tội ngũ nghịch, thập ác và các lỗi nhẹ khác thì nên tu pháp này. Muốn cho giới luật lớn nhỏ được thanh tịnh như cũ, đủ đầy hết thảy các ba la mật môn thì nên học pháp này. Muốn lúc lâm chung lìa các nỗi sợ hãi, thân, tâm an vui, vui vẻ như trở về, quang minh chiếu sáng nhà cửa, hương lạ, âm nhạc, A Di Đà Phật cùng các thánh chúng trao cho đài tử kim, xòe tay tiếp dẫn, vượt ngang ngũ đạo, mãi mãi ngự trên chín phNm, thoát hẳn phiền não, an nghỉ thanh lương, vừa ra khỏi trần lao liền chứng bất

thoái, chẳng trải bao kiếp lâu xa liền chứng vô sanh thì phải nên học pháp này. Muốn tu chút pháp mà cảm được diệu báo, mười phương chư Phật đồng thời khen ngợi, được hiện tiền thọ ký, trong một niệm cúng dường vô ương số Phật, trở về cõi mình ngồi ăn chung với Phật A Di Đà, nghị luận cùng Quán Âm, sánh bước cùng Thế Chí, thấy suốt nghe tột, thân vô hạn lượng, bay lên không tự tại, rành rẽ túc mạng, thấy khắp ngũ đạo như bóng hiện trong gương, trong niệm niệm chứng nhập vô tận tam muội, [để đạt được các điều] xưng thuật chẳng thể cùng tận như thế thì phải nên tu tập pháp thù thắng này”.

34. Hiện đời được phước Sách Long Thư Tịnh Độ chép: “Hoặc có kẻ bảo cầu sanh Tịnh Độ là việc sau khi chết, chẳng biết là có lợi ích gì lớn lao cho ngay khi đang còn sống chăng? Phàm Phật dạy người, không điều gì là chẳng lành. Đã lấy việc cầu sanh Tịnh Độ làm tâm thì hễ ý nghĩ đến điều gì, miệng nói đến điều gì, thân làm ra điều gì, không gì là chẳng lành. Trong đời hiện tại, người ấy đáng coi là bậc quân tử, là đại hiền, được người kính trọng, được thần nhân phù trợ, phước duyên được tăng, thọ mạng được vĩnh viễn. Kế đến là khống chế được nghiệp duyên, chẳng còn chuyên chí vào cõi này; do vậy, ác duyên giảm bớt; bởi đấy, thiện duyên càng tăng. Giả sử có kẻ chẳng biết lễ nghĩa, chẳng sợ hình phạt, chỉ cậy vào khí lực, chỉ chuyên chú theo đuổi cái lợi thế gian, nhưng nếu chỉ tạm biết lấy Tịnh Độ làm tâm thì ắt cũng tự giảm bớt lỗi mình. Tuy tất cả việc làm của kẻ ấy chưa thể đều phù hợp với lễ nghĩa hết cả nhưng cũng trở nên khá gần với

lễ nghĩa vậy, lẽ đâu phải chịu vướng trong hình phạt hay sao? Nếu như ai nấy đều được như vậy thì dần dần có thể thoát khỏi bầy tiểu nhân, trọn quy về quân tử, đối với những người quen biết trong xóm đều xem như người lành. Do những lẽ ấy, há còn dám bảo: tuân theo giáo pháp của Phật, lấy Tịnh Độ làm tâm là vô ích đối với cuộc sống hiện tại hay chăng?”

35. Các sự lành hỗ trợ Sách Long Thư Tịnh Độ chép: “Cúng Phật, trai tăng, tạo tháp, dựng chùa, niệm tụng, lễ sám, hiếu dưỡng cha mẹ, kính anh trọng em. Trong vòng họ hàng, không ai chẳng hòa mục. Xóm giềng làng nước đối đãi tử tế với nhau. Thờ vua thì dốc lòng son vì nước. Làm quan thì nhân từ, lợi dân. Làm bề trên thì khéo làm cho mọi người an vui. Làm kẻ dưới thì siêng gắng phục vụ bề trên. Hoặc là chỉ giáo kẻ ngu mê, hoặc phù trợ người cô quả, yếu đuối, hoặc cứu người đang bị tai nạn cấp bách, hoặc huệ thí kẻ bần cùng, hoặc dựng cầu, đào giếng; hoặc thí cơm, cấp thuốc, hoặc giảm sự tiêu xài của chính mình để làm lợi người khác. Hoặc dùng tiền của làm lợi người khác, giảm bớt chi dùng của chính mình, hoặc dạy người làm lành, hoặc giúp thiện, ngăn ác. Cứ tùy nghi mà làm hết thảy việc lành thế gian hay xuất thế gian, chẳng nệ lớn, nhỏ, ít, nhiều; hoặc là chỉ dùng một tiền đem cho người hoặc là cho một vốc nước đỡ khát. Đối với mỗi việc lành dẫu nhỏ nhoi cũng đều khởi niệm rằng: Nguyện đem thiện duyên này hồi hướng Tây phương, nhờ các điều thiện hỗ trợ quyết sẽ được vãng sanh”.

36. Thành công cốt yếu là bởi thuần thục

Sách Long Thư Tịnh Độ chép: “Mạnh Tử nói: ‘Nhân cũng là cốt ở thuần thục mà thôi’. Vì thế, quân tử trọn chẳng trái nghịch điều nhân dẫu chỉ trong khoảng thời gian lâu bằng bữa ăn . Chánh trực cũng bởi đấy mà điên đảo cũng bởi đấy. Nếu được như vậy thì không điều gì mình làm mà chẳng vì điều nhân. Người tu Tịnh Độ cũng thế: Phàm đi, đứng, ăn uống, nói năng, im lặng, động tịnh đều chẳng quên Tịnh Độ. Thân này tuy sống trong ngũ trược mà tâm đã ở Tịnh Độ”. Ngài Tra Am nói: “Hình mặt trời lặn tương tự cái trống treo, ngồi xếp bằng ngay ngắn hướng mặt về Tây; thân tuy chưa đến liên

trì mà trước đã gởi lòng về Cực Lạc", chính là ý này vậy.

37. Mười điều lợi thù thắng Từ Vân Sám Chủ nói: "Tam giới đại sư, vạn đức từ phụ, quy y ngài thời tội diệt; kính ngài thời phước sanh. Các kinh đã nói đủ. Nếu có thể quy y Tam Bảo, thọ trì danh hiệu một vị Phật thì hiện đời sẽ được mười điều lợi thù thắng: Một là ngày đêm thường được hết thảy chư thiên, đại lực thần tướng Nn hình thủ hộ. Hai là thường được hai mươi lăm vị Bồ Tát như Quán Thế Âm v.v... thủ hộ. Ba là thường được chư Phật ngày đêm hộ niệm, A Di Đà Phật thường phóng quang minh nhiếp thọ người ấy. Bốn là hết thảy ác quỷ, dạ xoa, la sát đều chẳng hại được; rắn độc, thuốc độc thảy đều chẳng làm hại nổi. Năm là đều chẳng mắc nạn nước, lửa, oán tặc, đao, tên, gông cùm, tù ngục, chết ngang. Sáu là những tội trước kia trót tạo đều sẽ tiêu diệt; mạng trót giết oan đều được giải thoát, chẳng còn đối chấp. Bảy là đêm mộng điều tốt lành, thấy hình sắc tượng thắng diệu của Phật A Di Đà. Tám là tâm thường hoan hỉ, nhan sắc tươi nhuận, khí lực

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 39

sung mãn, việc làm tốt lành. Chín là thường được hết thảy thế gian, nhân dân cung kính, lễ bái giống như kính Phật. Mười là lúc mạng chung, tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện tiền, A Di Đà Phật và các thánh chúng cầm đài kim cang tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc thế giới hưởng sự vui mầu nhiệm thù thắng đến cùng tột đời vị lai"

38. Hổ Khê tôn giả khai thị a. Phàm là người tu Tịnh Độ thì rõ ràng là phải chống cự với sanh tử, chứ chẳng thể nói xuông rồi thôi. Phải nghĩ đến vô thường vùn vụt, thời gian chẳng đợi ai. Phải nên dốc chí thực hiện thì mới được; chứ còn nếu nửa tiến, nửa lùi, dường như tin, tựa hồ ngờ, mặc cho may rủi thì còn làm được việc gì, làm sao thoát khỏi luân hồi nổi! Nếu đã tin biết được thì từ ngày nay trở đi phải phát đại dũng mãnh, phát đại tinh tấn, đừng quan tâm là hiểu hay chẳng hiểu, [chớ nệ là] kiến tánh hay không kiến tánh, cứ chỉ chấp trì một câu Nam Mô A Di Đà Phật giống hệt như nương tựa vào một tòa núi Tu Di dù có bị lay lắc vẫn chẳng động. Chuyên tâm, nhất ý để tham niệm hay quán niệm, ức niệm, thập niệm, hoặc niệm thầm, niệm rõ tiếng, hệ niệm, lễ niệm. Niệm đâu tâm theo đấy, luôn nhớ, luôn niệm. Sáng cũng niệm, tối cũng niệm, đi cũng niệm, ngồi cũng niệm; tâm niệm chẳng để luống qua. Niệm Phật chẳng rời tâm, ngày ngày, giờ giờ chẳng buông bỏ, miên miên mật mật như gà ấp trứng thường giữ cho hơi nóng liên tục. Đấy chính là tịnh niệm liên tục, lại dùng thêm trí quán chiếu thì liền biết được rằng Tịnh Độ chính là tự tâm. Ấy mới là công phu của bậc thượng trí tu tấn. Giữ được định như thế, chủ yếu là thực hành như thế để làm chỗ dựa an ổn. Ví dù có gặp cảnh khổ, vui, thuận,

40 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

nghịch hiện tiền vẫn chỉ niệm A Di Đà Phật, không hề có một niệm đổi khác tấm lòng, không hề có một niệm tâm thối đọa, không hề có một niệm tạp tưởng tâm. Cho đến hết đời, vĩnh viễn không có niệm khác, quyết định cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu quả có thể dụng công như vậy thì sanh tử nghiệp chướng, vô minh trong bao kiếp sẽ tự nhiên tiêu sạch, trần lao tập lậu tự nhiên sạch hết không còn sót. Chẳng lìa bổn

niệm, tận mặt thấy đức A Di Đà. Công thành hạnh mãn, nguyện lực hỗ trợ nên lúc mạng chung quyết sẽ sanh trong thượng phNm.

b. Điều cốt yếu trong sự tu hành chơn tín là cầu sanh về Tây phương Cực Lạc thế giới: Chuyên chú tâm ý vào một niệm, trì một câu A Di Đà Phật. Chỉ có một niệm này là bổn sư của mình. Chỉ có một niệm này chính là hóa Phật. Chỉ có một niệm này là vị tướng quân mạnh mẽ phá tan địa ngục. Chỉ có một niệm này là gươm báu chém tan các tà. Chỉ có một niệm này là đèn sáng soi tan tăm tối. Chỉ một niệm này là thuyền lớn để vượt đại khổ hải. Chỉ một niệm này là phương cách tốt lành để thoát sanh tử. Chỉ một niệm này là đường tắt thoát khỏi tam giới. Chỉ một niệm này là bổn tánh Di Đà. Chỉ một niệm này để thấu đạt Duy Tâm Tịnh Độ. Chỉ nên ghi nhớ một câu A Di Đà Phật trong tâm niệm, chớ để lạc mất. Niệm niệm thường hiện tiền, niệm niệm chẳng rời tâm. Vô sự cũng niệm như thế. Hữu sự cũng niệm như thế. An vui cũng niệm như thế. Bịnh khổ vẫn niệm như thế. Sống cũng niệm như thế. Chết cũng niệm như thế. Một niệm phân minh chẳng mê như thế thì cần phải hỏi ai để tìm đường về nữa!

39. Liên Trì đại sư khai thị

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 41

a. Vọng niệm là bịnh; niệm Phật là thuốc. Bịnh lâu thì một viên thuốc chẳng trị hết nổi. Vọng niệm chất chứa thì chẳng thể nào vừa niệm đã trừ hết được nổi. Lý lẽ nhất định như vậy. Đừng lo ngại những vọng niệm khác tơi bời [khởi lên], chỉ quý ở chỗ niệm Phật tinh chuyên, khNn thiết. Từng chữ phân minh; câu, câu nối tiếp. Dốc sức chấp trì thì mới có phần xu hướng được, nghĩa là: do sức chơn thật tích tụ lâu ngày nên đến một ngày nào đó sẽ chợt rỗng rang [khai ngộ]. Ví như mài chày làm kim, luyện sắt thành gang, quyết định chẳng dối. Tuy có lắm môn để nhập đạo, nhưng chỉ có một môn này là đường vắn tắt nhất, chẳng thể coi thường, chớ có coi thường.

b. Đạo này chí huyền, chí diệu, lại rất mực giản dị. Vì giản dị nên bị bậc cao minh xem thường! Sanh tử chẳng lìa nhất niệm mà thậm chí muôn pháp thế gian, xuất thế gian cũng chẳng ngoài nhất niệm. Nay đem cái niệm ấy niệm Phật thì sẽ thiết tha, tinh chuyên, chơn thật xiết bao! Nếu xét kỹ tận nguồn nhất niệm ấy thì nó chính là tự tánh Di Đà, chính là ý của Tổ Sư tự phương Tây đến (**) . Ví dù chẳng ngộ được, nhưng nương niệm lực ấy mà vãng sanh Cực Lạc, vượt ngang sanh tử, chẳng bị luân hồi nữa thì cuối cùng sẽ đại ngộ vậy. Xin buông bỏ muôn duyên, trong mười hai thời niệm niệm khăng khăng. Đấy chính là là điều tôi rất mong mỏi.

c. Sự hiếu thế gian có đến ba, hiếu xuất thế gian chỉ có một. Cái hiếu thế gian gồm: Một là thừa hoan hầu hạ, dùng thức ngon lành dâng lên mẹ cha. Hai là đỗ đạt làm quan, dùng tước lộc để vinh hiển mẹ cha. Ba là tu đức trau hạnh để thành thánh, thành hiền nhằm làm rạng rỡ

42 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

mẹ cha. Thế gian gọi ba điều ấy là hiếu vậy. Sự hiếu xuất thế gian là khuyên cha mẹ trai giới, tu đạo, nhất tâm niệm Phật, cầu nguyện vãng sanh, vĩnh biệt tứ sanh (không

còn sanh trong bốn loài: noãn, thai, thấp, hóa), mãi mãi thoát khỏi lục đạo, gởi thân trong thai sen, thân cận Phật Di Đà, đắc bất thối chuyển. Người con báo hiếu coi việc ấy là trọng đại nhất. Khi xưa, tôi vừa chớm biết nhập đạo, song thân đã khuất, do thương cảm bèn viết bài văn tự trách bất hiếu để bày tỏ nỗi bi hận. Nay thấy trong chúng tại gia, xuất gia có đủ điều may mắn càng bội phần cảm khái, lệ nhỏ ròng ròng. Cúi đầu, rập đầu xin khuyên: Người chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ cho được yên ổn là hiếu. Người lập thân hành đạo để cha mẹ nở mặt là đại hiếu. Người khuyên cha mẹ dùng pháp môn niệm Phật cầu được vãng sanh Tịnh Độ là đại hiếu nhất trong những người đại hiếu. Tôi sanh muộn, vừa nghe được Phật pháp thì mẹ cha đã khuất, đau đớn thấu trời, tuy muốn đáp đền vẫn không làm cách nào được. Xin thưa cùng mọi người: khi cha mẹ còn tại thế nên sớm khuyên niệm Phật. Ngày cha mẹ mất nên lễ Phật, tụng kinh ba năm. Nếu chẳng làm được như vậy thì hoặc là suốt cả một năm hay trong bốn mươi chín ngày cũng được. Hiếu tử muốn báo cái ân cù lao, không thể không biết đến điều này.

d. Phàm là người học Phật chẳng cần bàn đến hình dạng trang nghiêm, chỉ quý ở chỗ chơn thật tu hành. Cư sĩ tại gia chẳng nhất thiết phải áo dà, khăn đạo. Người để tóc cứ mặc thường phục niệm Phật, chẳng nhất thiết phải khua mõ, gõ khánh. Người thích yên tịnh cứ yên lặng niệm Phật, chẳng bắt buộc phải quây quần lập hội. Người ngại việc có thể tự đóng cửa niệm Phật, chẳng cần phải

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 43

đến chùa nghe kinh. Người biết chữ có thể tuân theo giáo pháp niệm Phật. Ngàn dặm thiêu hương chẳng bằng ngồi yên trong nhà niệm Phật. Cúng dường tà sư chẳng bằng hiếu thuận cha mẹ niệm Phật. Kết giao rộng rãi với bè bạn ma chẳng bằng một mình thanh tịnh niệm Phật. Gởi tiền kho cho kiếp sau (1) chẳng bằng hiện tại làm phước niệm Phật. Hứa nguyện, cầu đảo chẳng bằng hối lỗi đích thân niệm Phật. Tập tành học theo sách vở ngoại đạo chẳng bằng một chữ không biết mà niệm Phật. Vô tri bàn xằng lẽ Thiền chẳng bằng chắc thật trì giới, niệm Phật. Mong cầu yêu quỷ linh ứng chẳng bằng chánh tín nhân quả niệm Phật. Nói tóm lại, đoan tâm diệt ác niệm Phật như vậy thì gọi là thiện nhân. Nhiếp tâm dứt trừ tán loạn để niệm Phật như vậy thì gọi là hiền nhân. Ngộ tâm đoạn hoặc niệm Phật như thế thì gọi là thánh nhân.

e. [Đại sư] bảo ông Châu Tây Tông: “Bịnh của ngài đã đến nỗi này, thật là rất nguy. Nên đem hết những điều muốn nói viết hết ra giao cho lịnh lang và tôn đường, để trong dạ chẳng còn vướng víu điều gì, nhất tâm chánh niệm. Nếu bình nhật đã tin tưởng nổi pháp môn Niệm Phật thì nên lấy con mắt trong tâm soi chiếu bên trong; bốn chữ Phật danh vằng vặc ngời ngời, chẳng gián, chẳng đoạn. Dẫu ngày hôm nay hay ngày mai bị chết cũng được, hoặc là chẳng chết mà sống mãi đến một trăm hai mươi tuổi cũng xong. Đây là lời khNn yếu; bằng hữu bấy lâu quen biết chính là chỗ này. Mọi sự khác đều nhỏ nhặt, chẳng phải bận tâm đến. Chớ có vì tham sống sợ chết đến nỗi hỏng đại sự. Rất quan trọng đấy!”

44 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

f. Bảo Vương Đại Trác: “Đối với căn bịnh của ngài thì mọi sự ngoài thân kể cả tứ chi, trăm đốt xương trong thân này đều nên dốc lòng buông bỏ, khiến cho rỗng không chẳng còn có một vật gì! Nếu chẳng thể buông bỏ hết thì hãy tạm buông bỏ để đợi đến sau này. Chẳng chế ngự được lửa vọng tưởng thì nên niệm Phật nhiều tiếng để đè ép nó. Vinh hoa, phú quý thế gian chẳng qua là sự trong phút chốc; ách nạn, khổ não chẳng qua cũng là sự trong phút chốc; trong khoảnh khắc đã biến thành không. Vả lại, mọi sự đều do các duyên trước kia, sức người chẳng làm gì được! Tận tình buông bỏ hết, nhất tâm niệm Phật hết sức thiết tha. Cổ nhân có nói: “Bịnh là lương dược của chúng sanh”. Vì thế, người mắc bịnh phải nên sanh lòng hoan hỉ lớn lao. Đối với hết thảy những điều chẳng như ý, chớ khởi phiền não. [Cổ nhân] còn bảo: ‘Sanh tử hữu mạng’ nên người mắc bịnh phải nên sanh [ý tưởng] đại giải thoát, mặc kệ sống chết chớ sanh sợ hãi. Thêm nữa, quá khứ như huyễn, hiện tại như huyễn, vị lai như huyễn; cứ tận tình buông bỏ, chỉ giữ chánh niệm mà thôi. Trong khi bịnh nên ngàn vạn nhẫn nại, lòng chớ mong sớm được lành bịnh; đấy lại chính là kế hay để chóng được hết bịnh! Một phen đã ôm lòng nóng nảy thì bịnh càng nặng thêm. Nhớ kỹ, nhớ kỹ!”

40. Hám Sơn đại sư khai thị * Điều quan trọng thứ nhất trong việc tu hành là đối với sanh tử tâm phải khNn thiết. Đối với sanh tử tâm chẳng khNn thiết sao lại dám nói là niệm Phật đã thành khối? Vả lại, chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, niệm niệm vọng tưởng, tình căn che lấp kỹ, thường ngày chưa từng phản tỉnh. Nay muốn dùng cái tâm tin tưởng hời hợt

để đoạn sanh tử nhiều kiếp thì khác nào giọt nước làm sao dập tắt nổi đống củi đang cháy, há có lý này chăng? Nếu quả thật đương nhân đối với sanh tử, tâm thật khNn thiết, niệm niệm như cứu đầu đang bị cháy, chỉ sợ một phen mất thân người thì vạn kiếp khó có lại được. Nên giữ chặt một câu niệm Phật này, nhất định muốn chống cự lại các vọng tưởng. Trong hết thảy xứ, niệm niệm hiện tiền, chẳng còn bị vọng tưởng lôi kéo, che chướng. Hạ công phu siêng nhọc như thế thì lâu ngày thuần thục, tự nhiên tương ứng. Có như vậy thì dẫu chẳng cầu được thành một khối mà vẫn tự nhiên kết thành một khối. Điều này cũng giống như người uống nước, nóng, lạnh tự mình biết, chẳng thể nói cho người khác biết được. [Niệm Phật được thành tựu] hoàn toàn là do mình ra sức. Nếu chỉ niệm Phật ngoài da thì dẫu nhọc nhằn bao năm tháng cũng chẳng hưởng được gì.

* Mỗi ngày trừ hai thời công khóa, chỉ đem một câu A Di Đà Phật đặt ngang nơi ngực, niệm niệm chẳng quên, tâm tâm chẳng mê. Chẳng nghĩ gì đến hết thảy việc đời, chỉ lấy một câu Phật hiệu làm mạng căn của chính mình. Cắn chặt [câu niệm Phật] nơi hàm răng quyết chẳng buông bỏ; thậm chí ăn uống, cử động: đi, đứng, nằm ngồi, trong mọi lúc một câu niệm Phật này luôn hiện tiền. Hễ gặp phải cảnh thuận, nghịch, vui, giận, phiền não, hay lúc tâm chẳng yên bèn đem một tiếng niệm Phật khởi lên một phen thì liền thấy phiền não tiêu diệt ngay lập tức. Do niệm niệm phiền não chính là gốc khổ sanh tử nên nay ta dùng niệm Phật để tiêu diệt phiền não thì chính là Phật đã độ thoát nỗi khổ sanh tử. Nếu niệm Phật tiêu diệt được phiền não thì mới có thể dứt sạch sanh

tử, chứ không có pháp nào khác! Nếu niệm Phật đến khi làm

chủ được phiền não thì sẽ làm chủ được mộng mị. Nếu đã kiểm soát được mình trong khi mộng mị thì trong khi bịnh khổ cũng sẽ tự chủ được. Nếu đã tự chủ được trong khi bịnh tật thì lúc mạng sắp lâm chung sẽ liền biết được chỗ mình sẽ sanh về. Điều này chẳng có gì là khó làm, chỉ cốt luôn một dạ nghĩ đến sanh tử khNn thiết, chỉ cần dựa vào một mình câu niệm Phật chứ không còn suy nghĩ chi khác. Lâu ngày thuần thục, tự nhiên được đại an lạc, được đại thọ dụng.

41. Tử Bách lão nhân khai thị * Ý nghĩa của việc Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ cốt ở chỗ suốt đời trì niệm cho đến khi lâm chung, nhất tâm bất loạn. Chỉ biết Sa Bà là chốn cực khổ, Tịnh Độ là cõi rất vui. Ví như cá, chim: thân bị nhốt trong lồng, giỏ, tâm chỉ mong được thoát khỏi lồng, giỏ. Người niệm Phật coi Sa Bà là lồng, giỏ, xem Tịnh Độ là không gian, là nước. Do tâm chê chán và hâm mộ đã thuần thục nên khi xả mạng, cái ham muốn Sa Bà sạch trơn, chẳng còn [sót lại] tí nào dẫu chừng bằng hạt cải. Bởi thế, chẳng luận là tội nghiệp nặng hay nhẹ đều vãng sanh ngay, chẳng còn ngờ vực chi nữa!

* Pháp môn Niệm Phật cốt ở chí quyết định. Chỉ giữ nhất niệm như đại tướng thân bị vây hãm nặng nề quyết chí đánh tháo ra. Một người một thanh đao đối địch vạn người; mạnh mẽ như vậy thì oán địch sanh tử, các khổ ma quân chẳng đánh mà tự tan vậy.

42. Kh*u quyết niệm Phật của Thảo Am thiền sư Có ai mà chẳng niệm nổi A Di Đà Phật, thế mà lại khó niệm. Có ai mà chẳng nguyện sanh Tây phương Cực

Lạc, nhưng rất ít kẻ được vãng sanh! Ấy là do người niệm Phật chưa nắm được bí quyết vậy. Niệm Phật phải cho thật chân thành, thiết tha, chỉ nghĩ đến một chữ CHẾT mà thôi. Trong mỗi niệm luôn nhớ một chữ CHẾT thì tự nhiên lãnh đạm đối với các cảnh duyên, tình ái cũng tự mỏng nhẹ. Đến lúc đấy (lúc chết) thì danh lợi, thế lực, giàu có cũng chẳng biết dùng để làm gì! Đến chừng ấy, có muốn thấy nghe hay biết cũng chẳng được; tứ đại đều đã chia lìa cả thì còn nương dựa vào đâu? Cô hồn vô chủ làm sao được tự do đây! Khi ấy, chẳng thấy Di Đà, chỉ sợ gặp la sát. Khi ấy, chẳng sanh Tịnh Độ, sợ lạc vào thai lừa. Ví dù không có ác nghiệp cũng chẳng tránh khỏi phải sanh trở lại vào nhân đạo. Dẫu có nhân lành cũng chưa từng tránh khỏi phải thọ phước báo cõi trời dễ hết. Chớ bảo tự mình làm chủ! Nghiệp quả kéo lôi, thật khó trốn tránh. Chớ bảo sanh tử vốn là không! Thức tâm chưa tận thì hoàn toàn vẫn ở trong luân hồi. Chớ nên xem nhẹ điều này vì việc [sẽ xảy ra trong] ngày mai, hôm nay còn chẳng biết được! Chớ có xem thường điều ấy đến nỗi luống uổng đời này, rồi phải trầm luân vĩnh viễn. Trong hết thảy mọi sự, không có gì [quan trọng] bằng sanh tử đại sự cho nên chẳng còn bận tâm gì đến hết thảy các sự khác. Coi hết thảy thời đều như là lúc đang lâm chung thì thời nào cũng là thời niệm Phật. Niệm Phật như thế mới là tâm khNn thiết; tâm khNn thiết như vậy mới được sanh về Tịnh Độ. Phải chí tử hạ thủ công phu thì mới thành tựu Tịnh nghiệp. Có thường nghĩ đến lúc chết thì tâm mới thiết tha. Phải như vậy mới có thể đạt đến thành Phật; đấy mới là bí quyết niệm Phật chơn thành.

43. Ngẫu Ích đại sư khai thị

48 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

Công phu niệm Phật quý tại tâm tin chơn thật. Điều cốt yếu thứ nhất là tin rằng ta là Phật chưa thành, A Di Đà Phật là vị Phật đã thành. Thể của ta và Phật không hai. Kế đó, tin Sa Bà thật sự là khổ, cõi An Dưỡng thật đáng nương về. Ưa, chán rành rành. Tiếp đó, tin nhất cử, nhất động hiện tại đều có thể hồi hướng cõi Tây phương. Nếu chẳng hồi hướng thì dẫu là sự lành bậc thượng cũng chẳng được vãng sanh. Nếu biết hồi hướng thì tuy trót lầm lỡ tạo ác hạnh nhưng mau mau đoạn trừ cái tâm tương tục, khởi lòng ân cần sám hối; nhờ sức sám hối cũng được vãng sanh. Huống hồ là trì giới, tu phước, các thứ thắng nghiệp, há chẳng đủ để trang nghiêm Tịnh Độ ư? Chỉ vì tín lực chẳng sâu nên nghiệp thù thắng bị chìm trong hữu lậu. Nếu lại toan bỏ pháp này, tính tu pháp khác thì thật là lầm lạc quá sức vậy. Chỉ càng phải nên tin chơn thật hơn, hết thảy hành động chẳng cần phải thay đổi.

44. Triệt Ngộ thiền sư khai thị * Hết thảy pháp môn lấy minh tâm làm cốt yếu, hết thảy hạnh môn lấy tịnh tâm làm điều quan yếu, mà pháp thiết yếu để minh tâm lại không chi bằng Niệm Phật. Nhớ Phật, niệm Phật thì ngay hiện tại hoặc trong tương lai sẽ nhất định thấy Phật, chẳng cần nhờ đến phương tiện mà tự được tâm khai. Như vậy, Niệm Phật chẳng phải là điều cốt yếu để minh tâm hay sao? Hơn nữa, pháp thiết yếu để tịnh tâm cũng không chi bằng Niệm Phật. Một niệm tương ứng với một niệm Phật. Niệm niệm tương ứng với niệm niệm Phật. Thanh châu bỏ vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong;

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 49

Phật hiệu gieo vào tâm loạn, tâm loạn chẳng thể chẳng thành tâm Phật. Như vậy, Niệm Phật chẳng phải là điều thiết yếu để tịnh tâm sao? Một câu Phật hiệu gồm đủ cả hai thứ quan yếu: Ngộ và Tu. Ngộ thì tin vào đấy, Tu là chứng trong đấy. Tín giải tu chứng gồm trọn các thừa Đại, Tiểu; cốt tủy các kinh không chi chẳng được thâu trọn [trong pháp Niệm Phật này]. Như vậy, một câu Di Đà chẳng phải là đạo trọng yếu nhất hay sao?

* Cái tâm một niệm hiện tiền của bọn ta toàn chơn thành vọng, toàn vọng tức là chơn; trọn ngày chẳng đổi, trọn ngày tùy duyên. Hễ chẳng duyên theo Phật giới để niệm Phật giới thì sẽ niệm cửu giới. Chẳng niệm tam thừa thì niệm lục phàm. Chẳng niệm nhân thiên thì niệm tam đồ. Chẳng niệm quỷ, súc sanh thì niệm địa ngục. Hễ đã có tâm thì chẳng thể vô niệm. Lấy vô niệm làm bản thể cho cái tâm thì chỉ có mình đức Phật làm được. Từ bậc Đẳng Giác trở xuống, hết thảy đều là hữu niệm; hễ khởi lên một niệm thì ắt lạc vào mười giới. Lại chẳng có niệm nào ra khỏi mười giới vì chẳng có chi ra ngoài mười pháp giới vậy. Mỗi một niệm khởi lên là cái duyên của một lần thọ sanh. Đã biết rõ lý này mà chẳng niệm Phật thì thật là chưa từng có vậy.

* Cái quý trọng nhất trong đời không gì hơn tinh thần. Cái đáng mến tiếc nhất trong đời không chi hơn ngày tháng. Một niệm tịnh thì Phật giới duyên khởi, một niệm nhơ chính là cái nhân sanh ra cửu giới. Cứ móng khởi một niệm thì thành ra chủng tử của thập giới, há chẳng nên trân trọng hay sao? Ngày hôm nay đã qua, mạng cũng theo đó

mà giảm. Một tấc thời quang chính là một tấc mạng quang, chẳng đáng mến tiếc sao? Đã biết tinh

thần đáng trân trọng, chẳng nên lãng phí cho nên niệm niệm chấp trì danh hiệu Phật; chẳng để quang âm trôi qua phí uổng nên khắc khắc huân tu tịnh nghiệp. Nếu như bỏ qua danh hiệu Phật, tu các thánh hạnh tam thừa khác thì cũng còn là lãng phí tinh thần giống như là đem cái nỏ ngàn cân để bắn chuột cống; huống hồ là còn gây tạo cái nghiệp sanh tử lục phàm nữa ư?

Nếu như bỏ qua Tịnh nghiệp để riêng nhận lấy Quyền Thừa Tiểu Quả thì cũng còn là luống uổng quang âm, cũng giống như là đem như ý bảo châu đổi lấy một bữa cơm, manh áo, huống hồ là chấp lấy quả thiên nhân hữu lậu! Trân trọng thế ấy, nuối tiếc thế ấy thì tâm chuyên nơi Phật sẽ dễ cảm, hạnh siêng mà nghiệp dễ tinh, chắc chắn sẽ được sanh Tịnh Độ, tận mặt gặp gỡ Phật Di Đà. Khi ấy, vâng lời Phật khai thị, đích thân hầu cận đấng Từ Tôn, diệu ngộ tự tâm, thâm chứng pháp giới, kéo dài một niệm thành cả kiếp, rút ngắn cả kiếp dài dặc thành một niệm. Niệm lẫn kiếp viên dung, được đại tự tại, chẳng đáng tiếc nuối, trân trọng hay sao!

* Một người nghèo túng xa trông thấy một xâu tiền, toan đến lượm lấy, thì hóa ra là con rắn liền đứng phắt qua một bên. Lại có một người khác đi đến cầm lấy xâu tiền đem đi. Đấy là tiền chẳng phải là rắn mà thấy là rắn là do nghiệp cảm vời, do duy tâm sở hiện vậy. Tiền thấy là rắn là do nghiệp cảm trong tâm hóa hiện, mà thấy rắn là tiền há cũng chẳng phải là do nghiệp cảm trong tâm biến hiện đó ư? Thấy tiền là rắn chỉ là vọng kiến do biệt nghiệp của một người tạo ra. Thấy rắn là tiền chính là bởi vọng kiến của nhiều người đồng phận. Đối với vọng kiến của một người thì dễ biết được cái vọng ấy; còn với vọng

kiến của nhiều người thì khó lòng hay biết nổi! Đem cái dễ biết để sánh với cái khó biết thì cái khó biết đó cũng là dễ biết. Rắn đã là rắn, mà tiền cũng là rắn. Suy theo đây thì thấy: Căn thân bên trong, cảnh giới bên ngoài, từ một phương đến mười phương và bốn đại bộ châu, tam thiên đại thiên thế giới đều cũng như rắn nơi đống tiền. Chỉ có điều con rắn duy tâm sở hiện ấy lại cắn được người, tiền duy tâm sở hiện ấy lại cũng có thể hưởng dụng được. Chớ bảo duy tâm là không có ngoại cảnh; sự uế khổ của Sa Bà cũng như sự vui trong sạch nơi cõi An Dưỡng đều chỉ do tâm biến hiện, nhưng gặp phải sự uế khổ chỉ do tâm đã biến hiện ra ấy thì bị bức bách lớn và đối với cảnh an vui trong sạch cũng do tâm biến hiện ấy, ta lại có thể hưởng dụng lớn lao. Uế khổ lẫn tịnh lạc đều chỉ là do tâm biến hiện thì sao chẳng bỏ cái uế khổ duy tâm, chọn lấy cái tịnh lạc duy tâm mà lại đành cam chịu tám khổ nung nấu trong suốt bao kiếp dài lâu vậy.

* Điều trọng yếu trong cuộc sanh tử của chúng ta chỉ là hai thứ lực. Một là tâm vấn vít nhiều mối, nặng nề vướng lấy, đó là tâm lực. Hai là như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh hơn sẽ lôi đi trước; đấy là nghiệp lực. Nghiệp lực rất lớn, tâm lực còn lớn hơn: Do nghiệp không có tự tánh, hoàn toàn nương vào tâm; vì tâm có thể tạo nghiệp, tâm có

thể chuyển được nghiệp nên chỉ có tâm lực là nặng. Do nghiệp lực nên có thể lôi đi luân hồi; nhưng nếu dùng tâm trân trọng để tu Tịnh nghiệp thì Tịnh nghiệp mạnh. Tâm trọng, nghiệp cường thì chỉ còn hướng thẳng đến Tây phương, nên mai sau khi báo hết mạng tận sẽ nhất định sanh về Tây phương, chẳng sanh vào chốn khác! Giống như cây to, tường lớn, lúc bình

thường đã nghiêng về Tây thì đến ngày nào đó ngã xuống, chúng sẽ quyết định chẳng đổ sang chỗ khác.

* Cái tâm năng niệm nơi một niệm hiện tiền của bọn ta toàn chơn thành vọng, toàn vọng tức là chơn, trọn ngày tùy duyên, suốt ngày bất biến. Một câu Phật hiệu ta niệm đó toàn là từ đức mà lập danh: Ngoài đức chẳng có danh, dùng danh để chiêu đức; ngoài danh không đức, ngoài tâm năng niệm chẳng hề có riêng vị Phật được niệm, cũng không có riêng cái tâm năng niệm. Năng, sở chẳng hai, chúng sanh và Phật y hệt như nhau, vốn lìa tứ cú, vốn tuyệt bách phi, vốn trọn hết thảy, vốn chứa hết thảy, dứt tuyệt đối đãi một cách viên dung chẳng thể nghĩ bàn. Hành giả Liên tông nên từ nơi đây mà tin nhập.

* Hết thảy chúng sanh bổn lai là Phật. Chơn tâm vốn có, vọng tánh vốn không. Tánh vốn sẵn đủ hết thảy pháp lành. Chỉ vì chạy theo cái duyên mê nhiễm đã lâu, chưa đoạn được cái vọng vốn không, chưa chứng được cái chơn vốn sẵn có, trọn chưa hề tu gốc lành nên Phật [trong tâm mình] là vị Phật chưa thành. Nay muốn đoạn cái vọng vốn không, chứng cái chơn vốn có, tu cái lành vốn sẵn trọn đủ, thành được quả Phật mình sẵn có, ngộ được tịnh duyên, xét tìm con đường thật thẳng tắt, thật nhanh, chí đốn, chí viên thì không chi bằng một hạnh Trì Danh Niệm Phật. Do cái tâm năng niệm vốn là toàn chơn thành vọng, toàn vọng tức chơn nên đức Phật được niệm cũng vốn là toàn đức lập danh, toàn danh tức đức. Ngoài tâm năng niệm không có riêng một vị Phật được niệm; ngoài đức Phật được niệm, không có riêng cái tâm năng niệm. Năng, sở đều mất; tâm, Phật nhất như. Trong niệm niệm, điều phục trọn vẹn, đoạn trừ trọn vẹn ngũ trụ phiền

não, chuyển biến trọn vẹn, diệt trừ trọn vẹn ba tạp nhiễm chướng, phá trọn vẹn ngũ ấm, siêu xuất trọn vẹn ngũ trược, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi [Tịnh Độ], niệm trọn vẹn tam thân, tu trọn vẹn vạn đức, chứng trọn vẹn bổn chơn, viên thành Vô Thượng Diệu Giác. Một niệm đã như vậy thì niệm niệm cũng như thế. Chỉ cần niệm niệm được liên tục như thế thì sẽ chế phục, đoạn trừ, tu chứng chẳng thể nghĩ bàn được. Lấy cái tâm toàn là Phật này để niệm vị Phật của toàn tâm thì sẽ thật sự được toàn phần oai đức thần lực của quả Phật nơi tự tâm ngầm gia bị cho. Một câu Phật hiệu chẳng tạp lẫn duyên khác thì mười niệm thành tựu, nhanh chóng vượt qua nhiều kiếp. Chẳng tin điều này thì khác gì gỗ đá! Bỏ pháp này đi tu pháp khác thì nếu không phải là cuồng cũng là si. Biết còn nói gì được, biết còn nói gì đây!

* Trong lúc lúc niệm Phật, chẳng nên có ý tưởng chi khác. Chẳng có tưởng gì khác thì chính là Chỉ. Trong lúc niệm Phật cần phải rành rẽ phân minh; rành rẽ phân minh chính là Quán. Trong một niệm đủ cả Chỉ, Quán; chẳng phải là có Chỉ và Quán riêng biệt! Chỉ chính là nhân của Định, Định là quả của Chỉ. Quán là nhân của Huệ, Huệ là quả của Quán. Một niệm chẳng sanh rành rẽ phân minh là Tịch mà Chiếu. Rành rẽ phân minh, một niệm chẳng sanh chính là Chiếu mà Tịch. Có thể làm được như vậy thì chắc chắn không nghiệp nào chẳng thành. Thành được như vậy thì là Thượng PhNm. Một người cho đến trăm ngàn vạn ức người tu như thế đều sẽ thành tựu như thế. Lẽ đâu người niệm Phật lại chẳng lưu tâm hay sao?

45. Lời khuyên niệm Phật vãng sanh của Trần Hy Nguyện

54 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

Này các vị thiện nhân! Thế gian tu hành có ngàn con đường, có vạn nẻo đường, cớ sao chỉ khuyên người niệm Phật? Ấy là do một niệm của con người rất là quan trọng. Lôi hồn dẫn phách, tạo mạng sanh thân, không điều gì chẳng do nó! Do niệm lành nên lên thiên đường, bởi niệm ác nên xuống địa ngục. Trong một niệm sanh thẳng làm người, trong một niệm sanh ngang thành thú. Cớ sao trở thành ngạ quỷ? Chỉ bởi tâm niệm chẳng no đủ. Niệm ma sẽ thành ma, niệm Phật liền thành Phật. Nếu muốn thoát lục đạo không cách nào khác ngoài Niệm Phật. Còn nếu như chẳng niệm Phật thì một phen đánh mất thân người, muôn kiếp khó có lại được. Bởi vậy, đức Thích Ca Như Lai khai thị niệm Phật, Viễn công pháp sư (tổ Huệ Viễn) hoằng dương niệm Phật. Nếu niệm Phật chẳng thể hết khỏi sanh tử thì lẽ đâu Phật, Tổ cam đành dối người hay sao? Niệm Phật chẳng thành Phật thì lỗi ấy chẳng phải tại Phật. Miệng niệm tâm chẳng niệm thì dù có niệm cũng như chẳng niệm; dù có niệm cả đời cũng trọn chẳng có ích gì! Chữ Niệm phát xuất từ tâm, vốn chẳng từ miệng. Niệm từ tâm khởi, tiếng từ miệng ra. Tâm Phật, miệng Phật, niệm niệm nối nhau, chẳng bị vọng duyên xen tạp; đó gọi là nhất tâm bất loạn.

Hoặc có kẻ bảo: Có cả ngàn đức Phật, vạn đức Phật, cớ sao chỉ niệm A Di Đà Phật? [Đó là] Do khi ngài còn tu nhân, có [phát thệ] bốn mươi tám nguyện trang nghiêm Cực Lạc, thề độ kẻ mê. Trong các nguyện ấy, có nguyện: ‘Hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới, nếu ai xưng danh ta ắt sẽ sanh về nước ta. Nếu chẳng được vậy, thề chẳng thành Phật”. Vì vậy trong thế gian, dù tăng dù tục, già, trẻ, hiền, ngu, không ai chẳng xưng niệm A Di Đà Phật. Ô hô! Nhân gian phú quý đến

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 55

trăm tuổi cũng thành không. Phồn hoa cõi trời ngàn năm cũng hết. Một khi sanh về Tây phương Cực Lạc thế giới thì sống lâu vô lượng, mà cái pháp vãng sanh lại chỉ độc một câu Di Đà. Thế gian có sự tốt lành quá tiện nghi như thế ấy, ai lại chẳng chịu hành theo, nào ai nghĩ đến chuyện xỏ giày sắt đi tầm đạo nữa! Từ nay trở đi, phải gấp nên phát ra thệ nguyện: “Nếu tôi chẳng niệm Phật, chẳng cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới thì vĩnh viễn làm quỷ, súc sanh, vĩnh viễn đọa vào địa ngục vậy”. Ba Tạng mười hai bộ nhường cho kẻ khác ngộ, tám vạn bốn ngàn môn dành cho kẻ khác hành. Ngoài một

câu Nam mô A Di Đà Phật ra, không làm gì khác!

Ai nấy nên tự quét dọn một gian tịnh thất, thờ một bức tượng Phật; mỗi ngày đốt một lò hương sạch, thay một chén nước trong, tối đến thắp một ngọn đèn sáng. Coi tượng vẽ trên giấy hay tượng gỗ khắc hệt như Phật thật, sáng viếng chiều thăm, chí thành cung kính. Một xâu chuỗi chẳng rời tay, một câu Di Đà chẳng ngơi miệng. Niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, niệm sáu chữ, niệm bốn chữ, niệm gấp, niệm thong thả, niệm rõ ràng, niệm thầm, chắp tay niệm, quì gối niệm, đối trước Phật mà niệm, hướng về Tây mà niệm, gõ mõ niệm, lần chuỗi niệm, đi kinh hành niệm, lễ bái niệm, niệm một mình, niệm chung với người khác, niệm trong nhà, niệm ngoài đường, nhàn cũng niệm, bận cũng niệm, đi cũng niệm, đứng cũng niệm, ngồi cũng niệm, nằm cũng niệm, trong mộng cũng niệm; đấy mới là chơn niệm. Niệm đến mức tâm xót lệ ứa, niệm đến mức lửa tắt tro tanh, niệm cho thần gào, quỷ khóc, niệm đến nỗi trời vui đất mừng. Vạc sôi sau lưng, ao sen trước mặt, dẫu ngàn vạn người ngăn trở không cho ta niệm cũng chẳng làm gì nổi.

56 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

46. Lời khuyên hai việc nên làm, ba điều chẳng nên làm khi niệm Phật của Tích Minh cư sĩ

a. Niệm Phật nên cầu sanh Tịnh Độ Trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu; niệm Phật sẽ tự được thành Phật. Người đời chẳng biết rằng: ai cũng có thể đến được Tịnh Độ Cực Lạc! Trong tâm trước đã tự dấy động ngờ vực, mơ tưởng phước báo đời sau nên đến nỗi niệm Phật cả đời cũng chẳng được thành. Đấy nào phải đức Phật buông lời dối gạt, chỉ do tự mình chẳng chịu tuân hành, đưa chân theo lối bậy. Kính xin người niệm Phật tin đến mười phần, hạnh đến mười phần thì chín phNm đài sen chắc chắn sẽ có phần.

b. Niệm Phật nên hành đủ cả các điều lành Sa Bà như biển khổ, niệm Phật hệt ngồi thuyền, sanh về Tịnh Độ dường như đến bờ kia, tích thiện như cánh buồm, bánh lái. Tuy trong kinh dạy lúc lâm chung, thập niệm có thể đới nghiệp vãng sanh, nhưng đấy là do đời trước tu tập nên mới nhất niệm hồi quang đốn siêu tam giới, chứ chẳng phải cầu may mà được. Dẫu biết rõ chẳng nên làm ác mà còn mặc ý làm càn rồi đợi đến lúc lâm chung mười niệm thì thiên địa, quỷ thần há dung túng mánh khóe ấy hay sao? Bao nghiệp cảnh lần lượt hiển hiện, một chữ Phật niệm còn chẳng ra, huống là niệm nổi mười niệm! Kính xin người niệm Phật nên “chớ làm các điều ác, phụng hành các điều thiện” (chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành). Thực hành tám chữ ấy để làm trợ hạnh, trọn đời gìn giữ, suốt đời thực hiện thì mới có thể cao đăng thượng phNm.

c. Niệm Phật chẳng thể kiêm hành tà giáo

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 57

Niệm Phật là pháp môn chánh đại, tuy xem ra rất bình thường, nhưng thật ra rất viên đốn. Chỉ sợ kẻ ngu phu, ngu phụ nửa đường chán lười, bị người dụ vào các giáo thuyết tà ma ngoại đạo, đâm ra khinh thường một môn Tịnh Độ. Lúc sống phạm trọng hình, khi chết đọa địa ngục. Đau thay, xót thay! Dám khuyên người niệm Phật, niệm cho thật

thuần thục, niệm tới nhất tâm bất loạn thì tự nhiên hoa nở thấy Phật, đừng tróc quái cầu thần, vọng sanh ý tưởng khác, toàn là vô ích, lại còn tự hại.

d. Niệm Phật chẳng nên dùng tiền (vàng mã) Đại pháp xuất thế không chi bằng Niệm Phật. Thường thấy người đời do tín căn bất chánh thường đối với đức Phật mình đang niệm đó nghĩ rằng sau khi chết đi có thể dùng tiền [để đút lót được]. Chỉ điên đảo nghĩ lúc lâm chung, có thể dùng tiền mua chuộc cõi âm, chứ chẳng hề biết hồi hướng Tịnh Độ, há chẳng phải là lầm lạc lớn sao! Dám xin người niệm Phật phải nên quy y Phật A Di Đà và Quán Âm, Thế Chí... các đại Bồ Tát, quyết định nương dựa vào cái nhân niệm Phật thù thắng này để cầu sanh Tịnh Độ. [Muốn được] mãi mãi thoát khỏi tam giới để báo tứ ân thì trong muôn pháp, không pháp nào bằng được đại pháp xuất thế này. Chỉ nên thực hành pháp này để trả công cho sứ giả vô thường. Mong lắm thay!

e. Niệm Phật chẳng thể sát sanh càn Niệm Phật lấy từ bi làm gốc. Nếu như chẳng kiêng giết chóc thì công hiệu giảm thiểu. Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, từ bao kiếp đến nay đều cùng làm quyến thuộc của nhau. Há nỡ cam lòng giết kẻ khác để nuôi mình? Dám khuyên người niệm Phật, mỗi lúc thò đũa gắp thường nghĩ như vậy thì mới có thể tự thôi ăn

mặn, chóng thành Tịnh nghiệp. Nếu chẳng thể trường trai thì trước hết cần phải tránh giết hại. Nếu có thể giữ vững sáu ngày chay thì cũng được vãng sanh; may ra cũng có thể dứt được thói sát sanh!

* Ghi chú về Lục Trai, Nguyệt Trai Lục Trai là mỗi tháng sáu ngày: mồng tám, mười bốn, rằm, hăm ba, hăm chín, ba mươi. Tháng thiếu thì lấy ngày hăm tám, hăm chín làm ngày ăn chay. Nguyệt Trai: Mỗi năm lấy ba tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín, ăn chay trọn tháng. Nếu chẳng thể ăn chay ba tháng thì trong ba tháng này nên kiêng giết hại. Kinh nói: “Mỗi tháng, vào sáu ngày, Tứ Thiên Vương tuần hành Nam Thiệm Bộ Châu. Mồng tám, hai mươi ba: Sứ Giả tuần hành. Mười bốn, hăm chín: Thái Tử tuần hành. Mười lăm, ba mươi: Thiên Vương đích thân đi tuần, khảo sát nhân gian: kẻ nào hiếu thuận cha mẹ, kẻ nào lòng trung báo đáp ơn vua; kẻ nào chánh trực công bình, kẻ nào từ bi phương tiện; kẻ nào quy y Tam Bảo, kiêng sát sanh, trì trai, tu nhiều điều lành. Với những kẻ như vậy thì tăng thêm phước thọ. Còn kẻ nào ngỗ nghịch mẹ cha, kẻ nào bội phản quân vương, kẻ nào khi dối gian xảo, kẻ nào cương ngạnh bạo ngược, kẻ nào chẳng tin Tam Bảo, kẻ nào giết càn sanh mạng, gây đủ việc ác thì đối với những kẻ như vậy sẽ tiêu phước diệt thọ. Lại trong ba tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín, thiên vương được phân công trấn giữ Nam Thiệm Bộ Châu, khảo sát tội phước. Trong tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín, Thiên Đế Thích dùng gương báu lớn chiếu thẳng xuống Nam châu để khảo sát tội phước. Có đáng sợ không? Có đáng dè dặt không?

Trong sáu ngày trai này, trong ba tháng trai ấy phải nên trai giới niệm Phật, sám hối tu tỉnh. Trong sáu ngày trai này, ba tháng trai ấy mà ăn chay, làm phước thì công đức càng lớn. Ngược lại, nếu làm ác thì tội nghiệp càng sâu. Nếu như chẳng thể ăn chay

trọn tháng thì phải giữ sáu ngày chay. Còn nếu như ngày ngày ăn chay, ngày ngày niệm Phật, ngày ngày tu phước, đem nhân lành ấy hồi hướng vãng sanh thì lúc người ấy lâm chung, quyết định không bị các bịnh khổ, được A Di Đà Phật đích thân đến rước, trong khoảng một niệm được sanh về cõi An Dưỡng (Cực Lạc).

47. Ấn Quang đại sư khai thị * Trong một việc niệm Phật, điều cần yếu nhất là thoát sanh tử. Đã là để thoát sanh tử thì phải tự sanh tâm nhàm chán cái khổ sanh tử, tự sanh tâm ưa thích niềm vui ở Tây phương. Có như vậy thì ngay trong mỗi niệm, hai pháp Tín, Nguyện sẽ được đầy đủ trọn vẹn. Lại còn niệm Phật chí thành khNn thiết như con nhớ mẹ thì ba pháp Phật lực, Pháp lực, tự tâm tín nguyện công đức lực sẽ cùng hiển bày trọn vẹn. Ví như mặt trời mọc lên chói lọi giữa hư không, dẫu có sương dầy, băng đọng thì chẳng lâu cũng sẽ tan mất.

* Người ở trong đời nhất nhất phải giữ bổn phận làm người, chẳng nên toan tính những chuyện ngoài bổn phận mình. Nghĩa là: người quân tử phải nghĩ sao cho chẳng [có những hành vi] sai trái đối với địa vị của mình. Lại [như thánh nhân đã] nói: “Quân tử hành động sao cho địa vị của mình được trong sạch”. Cần phải biết là đối với việc giải thoát sanh tử, kẻ ngu phu, ngu phụ lại dễ [thực hiện] vì tâm họ chẳng có dị kiến. Nếu kẻ thông Tông

hiểu Giáo buông bỏ được cái thân thì thực hiện được công phu của kẻ ngu phu, ngu phụ cũng dễ dàng, chứ đâu đến nỗi bậc cao nhân thông Tông hiểu Giáo lại chẳng bằng nổi kẻ ngu phu, ngu phụ được mang nghiệp đi vãng sanh! Pháp môn Tịnh Độ lấy vãng sanh làm chủ, tùy duyên tùy phận mà chuyên tâm, gắng gỏi cái chí của mình. Chắc chắn là đức Phật chẳng hề lừa dối người. Nếu mình không cầu thăng lên, ắt sẽ bị đọa xuống, đó chính là tự mình lầm lạc, nào có phải là lỗi của Phật đâu?

* Thân người khó được, khó sanh ở chính giữa đất nước, Phật pháp khó nghe, sanh tử khó thoát. Chúng ta may được làm người, sanh ở giữa nước lớn, được nghe Phật pháp. Những kẻ chẳng may, tự thẹn nghiệp sâu chướng nặng, không có sức đoạn hoặc để mau thoát tam giới hầu liễu sanh thoát tử vậy. Chúng ta lại may mắn được nghe đức Như Lai ta do tâm bi triệt để nói ra phương tiện đại quyền xảo hay lạ là pháp môn Tịnh Độ khiến hạng phàm phu lè tè sát đất cũng được đới nghiệp vãng sanh. Thật chẳng còn gì may mắn lớn lao hơn nữa! Nếu chẳng phải là từ vô lượng kiếp đến nay chúng ta đã gieo sâu căn lành thì làm sao nghe được pháp chẳng nghĩ bàn này! [Ai nấy] chẳng gấp sanh lòng tin chơn thật, phát nguyện cầu sanh ư?

* Một pháp niệm Phật trọng tại Tín, Nguyện. Tín Nguyện chơn thật thiết tha thì dẫu tâm chưa thanh tịnh vẫn được vãng sanh. Vì sao vậy? Do chí tâm niệm Phật là năng cảm, bởi thế đức A Di Đà Phật liền sẽ ứng. Giống như nước trong sông biển chưa thể hết tướng lay động, nhưng chỉ cần không có cuồng phong, sóng lớn thì

vầng trăng sáng trên không liền hiện rành rành. Cảm ứng đạo giao như mẹ con tưởng nhớ nhau. Những kẻ chuyên trọng tự lực, chẳng cậy vào Phật lực thì không cách chi thấu hiểu nổi nghĩa lý này.

* Tuy niệm Phật quý ở tâm niệm nhưng cũng chẳng nên bỏ miệng tụng vì ba thứ thân, khNu, ý thường hỗ trợ nhau. Nếu tâm hay ức niệm nhưng thân chẳng lễ kính, miệng chẳng trì tụng thì cũng khó được lợi ích. Trong cõi đời, mỗi khi nâng vật nặng còn phải dùng tiếng hò la để giúp sức, huống hồ là khi muốn nhiếp tâm để chứng tam muội? Vì vậy, kinh Đại Tập dạy: "Đại niệm thấy đại Phật, tiểu niệm thấy tiểu Phật". Cổ đức bảo niệm Phật lớn tiếng thì thấy thân Phật lớn, niệm nhỏ tiếng thì thấy thân Phật nhỏ. Nay đã là phàm phu đầy dẫy triền phược, tâm nhiều hôn tán, nếu chẳng dùng sức thân, miệng lễ tụng mà mong được nhất tâm thì ta chưa từng thấy có ai đạt được vậy.

* Tâm tham, sân, si, ai ai cũng có. Nếu biết đấy là bịnh thì thế lực của tham sân si khó bề bộc phát. Ví như có kẻ cắp vào nhà người ta, nếu ông chủ nhận lầm là người nhà thì của báu của cả nhà đều bị trộm cắp hết sạch. Nếu biết nó là kẻ trộm sẽ chẳng cho nó được thong thả lưu lại nhà mình trong khoảng một khắc, ắt sẽ đuổi nó đi thật xa cho khuất mắt nên tiền của chẳng mất mà chủ nhân cũng được yên ổn vậy. Cổ đức dạy: "Chẳng sợ niệm khởi, chỉ e biết chậm". Một khi tham sân si nổi lên, nếu lập tức biết rõ thì chúng lập tức tiêu diệt. Nếu coi tham, sân, si chính là chủ của nhà mình thì cũng như nhận giặc làm con, tiền của trong nhà bị tiêu tán hết!

62 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

* Đối với mọi sự, người niệm Phật cần phải tâm thường trung thứ, tâm luôn đề phòng lỗi lầm. Biết lỗi liền sửa, thấy việc nghĩa liền hăng hái làm thí mới xứng hợp với Phật. Người làm được như vậy sẽ quyết định vãng sanh. Nếu chẳng được như thế thì khó tương ứng với Phật, quyết định khó cảm thông.

* Phàm phu sửa đổi lỗi lầm, hướng theo điều thiện, lại tu Tịnh nghiệp thì chỉ quý ở chỗ chơn thành, tối kỵ hư giả. Chẳng được phô phang hành thiện, tu hành bề ngoài nhưng trong tâm chẳng trung, chẳng thứ. Cừ Bá Ngọc hành thiện đến tuổi năm mươi, vẫn biết lỗi của bốn mươi chín năm trước. Có như vậy, mới mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ, thành bậc công thần danh giáo, làm đứa con đích thật của đấng Như Lai, chớ chẳng phải cốt chỉ để trở thành bậc trưởng thượng trong hàng Tăng, tục vậy.

* Người học đạo cư tâm lập hạnh, cần phải chất trực, trung chánh, chẳng nên có chút tơ hào riêng tây, ủy khuất. Nếu như có chút thiên vị thì khác nào cái mực chuNn của đòn cân chẳng chuNn, đem cân các vật đều thành ra nặng, nhẹ sai lầm; giống như thể chất của gương bất tịnh nên soi các vật lệch lạc chẳng đúng. Sai chỉ bằng tơ tóc, mất đến nghìn trùng; lần lượt càng sai lệch thêm, ai ngăn ngừa cho nổi. Vì vậy, kinh Lăng Nghiêm dạy: "Mười phương Như Lai đều cùng một đạo. Xuất ly sanh tử đều do tâm chất trực". Tâm lẫn ngôn từ đều chất trực, cho đến trong các địa vị chung, thỉ, trung gian, vĩnh viễn không có các tướng ủy khúc như thế. Kinh Thư chép: 'Nhân tâm nguy ách, đạo tâm tế nhị, ròng chuyên một mối, đừng chấp hai bên". Do đó, ta thấy rằng bậc thánh

nhân thế gian lẫn xuất thế gian đều dùng cái tâm chất trực, trung chánh làm gốc.

* Làm con thì phải làm rạng rỡ đức của cha mẹ. Cách làm rạng rỡ đức hạnh của cha mẹ chú trọng ở hạnh khiêm nhường cung kính, cần phải khắc kỷ giữ lễ, ngăn tà, giữ lòng thành, biết lỗi liền sửa, thấy việc nghĩa phải hăng hái, hiểu nhân rõ quả, tránh sát sanh, phóng sanh, đừng làm các điều ác, phải làm các điều thiện, sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, tự mình thực hành, dạy người thực hành cùng sanh Tịnh Độ. Làm được như thế thì dẫu người khác chưa biết đến đức hạnh của cha mẹ, nhưng vì kính ngưỡng đức hạnh của người ấy nên cũng kính ngưỡng đức hạnh của cha mẹ, tổ tông người ấy, cho là do vì cha mẹ, tổ tông đã ngầm tu tập đức hạnh từ lâu nên đức hạnh mới được tiếp nối như thế. Nếu không thì dẫu cha mẹ tổ tông vốn sẵn có đức hạnh tốt đẹp ai nấy đều biết, nhưng do kẻ ấy bất tiếu (2) ắt thiên hạ sẽ ngờ rằng chắc là cha mẹ, tổ tông nó tuy có đức tốt, nhưng chắc là có làm điều chi ác mà không ai hay biết, chứ nếu không thì dòng dõi đức hạnh tốt đẹp sao lại sanh ra con cháu bất tiếu đến vậy? Vì vậy, biết lập thân hành đạo chính là lảm rạng rỡ cái đức của cha mẹ, tổ tông. Làm con người nên làm dè dặt, cNn trọng, sốt sắng tu thân thì mới mong khỏi uổng một kiếp.

* Đời có mẹ hiền nên mới có hiền nhân. Bậc thánh mẫu khi xưa dạy con ngay từ khi còn đang mang thai; ấy là rèn đúc con ngay tự lúc ban đầu để mong tập thành tánh. Thế gian dùng chữ Thái Thái để gọi nữ nhân vốn là do ba vị thánh nữ: Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự đều hay giúp chồng dạy con, khai sáng vương nghiệp lâu

đến tám trăm năm nên dùng danh từ ấy để gọi nữ nhân vậy. Ta thường bảo đối với quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân lo góp phần đã hơn quá nửa. Lại thường bảo: Dạy cho con gái cái gốc của việc tề gia trị quốc thì chỉ cần dạy họ thực hiện trọn vẹn đạo làm vợ là giúp chồng dạy con vậy. Chẳng phải như hạng nữ lưu hiện tại, đa số chẳng giữ bổn phận, muốn cầm quyền, làm đại sự, nhưng chẳng biết tự vun bồi từ ngay trong gia đình; khác nào dẫu có gom sắt của vạn nước, chín châu, cũng chẳng đúc hết nổi lỗi lầm to lớn ấy (3). Vì vậy, nhân tâm thế đạo càng suy càng kém, thiên tai nhân họa nổi lên tơi bời. Tuy là do ác nghiệp của chúng sanh đồng phận cảm vời, nhưng thật cũng là do gia đình thiếu giáo dục nên mới thành nỗi ấy. Vì thế, kẻ có thiên tư bị ảnh hưởng trở thành cuồng vọng; kẻ không thiên tư cam bề ngu độn. Nếu như ai nấy đều được hiền mẫu uốn nắn thì ai ai mà chẳng thành thiện sĩ. Lúc túng cùng thì riêng mình thiện, khi hiển đạt thì kiêm thiện; chứ đâu đến nỗi trên đã cai quản vô đạo, dưới chẳng tuân giữ phép tắc. Tệ đoan trăm mối phát sanh, dân còn biết nhờ đâu để sống được nữa đây!

* Trả lời thư của Lâm Giới Sanh: “Thầy Triệt Quyền đến gặp tôi, cho biết tình trạng oán hận của cư sĩ. [Cư sĩ] bảo với kẻ tục vô tri rằng: ‘Làm lành gặp nạn, tu hành vô ích’ v.v... các thứ tà thuyết. Nghe như vậy, tôi bàng hoàng, sợ bậc thượng trí bởi thế sẽ buông bỏ công hạnh, kẻ hèn ngu càng hăng làm ác. Vì vậy, tôi chẳng nệ hủ lậu, xin dùng lời

thẳng thưa rằng: Trong kinh Như Lai nói quả báo thông cả ba đời. Đại lược, phàm nhân sanh con là do bốn nhân, quả báo thông suốt cả ba đời:

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 65

- Thứ nhất là hiện báo, tức là hiện tại làm lành, làm dữ thì ngay trong đời này sẽ hưởng phước, lãnh họa. Chẳng hạn như sĩ tử chăm chỉ học hành thì ngay đời này đạt được công danh. Việc này mắt phàm thấy được. - Thứ hai là sanh báo, tức là đời này làm thiện hay làm ác thì đời sau sẽ hưởng phước hay chịu tội. Như tổ phụ trọng chữ nghĩa thì con cháu mới phát đạt. Điều này mắt phàm chẳng thấy nổi, thiên nhãn họa may mới thấy được (Đời này hay đời sau là ước theo người ấy mà nói. Vì là việc cách đời nên khó dùng ví dụ giải rõ, đành tạm dùng tổ phụ, con cháu để cho người đời dễ hiểu. Chớ nên câu nệ vào văn tự đến nỗi hiểu sai ý nghĩa). - Thứ ba là hậu báo, tức là đời này làm lành, làm dữ thì đến đời thứ ba, hoặc bốn, năm, sáu bảy đời hoặc trăm ngàn vạn đời cho đến nhiều kiếp sau mới chịu báo lành dữ như vương nghiệp nhà Thương, nhà Chu thật sự bắt đầu khai sáng từ lúc vua Đại Vũ phù tá vua Thuấn. Nếu là việc trong ba, bốn đời thì thiên nhãn còn có thể thấy được nhưng nếu là việc kéo dài đến nhiều kiếp thì chỉ có ngũ nhãn viên minh của đức Như Lai mới thấy nổi. Biết nghĩa lý của ba thứ báo này thì hiểu làm thiện sẽ hưởng điều tốt lành, làm điều bất thiện sẽ bị lãnh tai ương. Thánh ngôn vốn tự chẳng sai lầm; phú quý, bần tiện, thọ, yểu, cùng, thông, mạng trời chưa từng thiên vị. Cảnh duyên đến như bóng hiện trong gương. Bậc trí chỉ lo sửa đổi hình dung ngoài gương; kẻ ngu căm ghét hình ảnh hiện trong gương. Cảnh nghịch xảy đến vẫn thuận chịu theo mới là vui đạo trời; chẳng oán, chẳng căm mới là lập mạng. Con cái có bốn nhân: Một là báo ân, hai là báo oán, ba là đòi nợ, bốn là trả nợ.

66 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

a. Báo ân là trong đời trước, cha mẹ có ân đối với con cái. Nhằm báo ân nên sanh làm con để săn sóc, phụng dưỡng, sống thờ, chết chôn, ắt sẽ làm cho cha mẹ khi sống vui vẻ, khi thác lại cúng tế; thậm chí thờ vua giúp dân, danh ghi sử xanh khiến thiên hạ đời sau vì kính trọng người ấy mà kính luôn cả cha mẹ, chẳng hạn như Tăng Lỗ Công, như Trần Trung Túc, Vương Quy Linh, Sử Đại Thành (4). Con hiếu cháu hiền đời nay đều là như thế cả. b. Báo oán là trong đời trước, cha mẹ đối với con có điều phụ bạc. Vì để báo oán, chúng sẽ sanh vào làm con. Nhỏ thì ngỗ nghịch mẹ cha, lớn thì làm cho bố mẹ bị vạ lây. Lúc sống chẳng phụng dưỡng ngọt bùi, thác mang mối nhục xuống tận cửu tuyền. Lại những trường hợp báo oán sâu nặng thì chúng tuy thân giữ địa vị quyền quí, nhưng chẳng tuân theo lề thói, diệt môn phá tộc, quật mồ dời mả khiến thiên hạ đời sau chẳng những thóa mạ kẻ ấy lại còn nguyền rủa cả cha mẹ, ví dụ như Vương Mãng, Tào Tháo, Đổng Trác, Tần Cối vậy. c. Trả nợ là trong đời trước, con đoạt lấy của cải mẹ cha. Vì để trả nợ nên sanh vào làm con. Nếu nợ nhiều thì làm con suốt đời. Nếu nợ ít thì chỉ sống nửa chừng liền chết, chẳng hạn như học sắp thành tài liền mất mạng; buôn bán vừa mới có lời đã chôn thân. d. Đòi nợ là trong đời trước, cha mẹ mắc nợ con tiền của. Vì để đòi nợ nên sanh vào làm con. Nợ nhỏ thì nhọc nhằn, tốn của rước thầy, tốn tiền cưới vợ cho và nhọc lòng dạy răn đủ thứ, những mong con được thành người, nhưng sắp thành công thì đại hạn xảy tới, đột nhiên con chết mất đi! Mắc nợ lớn thì

chẳng chỉ có vậy, ắt phải đến nỗi con phá tan sản nghiệp, nhà tan cửa nát, người chết mới thôi.

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 67

Tôi xét kỹ, nghi rằng đứa con này của cư sĩ là do đòi nợ mà sanh làm con; may là mắc nợ ít nên tuổi trẻ đã mất. Ông hãy nên sám hối nghiệp trước, nỗ lực siêng tu, trời sẽ ban cho đứa con hiếu làm rạng rỡ dòng họ. Huống hồ đức thánh Khổng tuổi trung niên chôn con, Nhan Uyên đại hiền nhưng tuổi trẻ chết yểu, Nguyên Hiến nghèo mạt, Tử Lộ tuẫn nạn, Bá Di, Thúc Tề chết đói ở Thủ Dương, Bá Ngọc khốn cùng nơi nước Vệ. Ai dám nói vì tu đức nên thánh hiền bị trời hại ư? Nào có phải sanh tử có mạng, phú quý tại trời đâu! Chỉ nên trách mình đức chẳng chơn thành, đừng chất vấn tại sao trời giáng họa ban phước! Nếu có thể làm được như vậy thì ngũ phước tự nhiên vào cửa, lục cực quyết định tránh xa khỏi nhà mình. Nếu chẳng tin tôi thì hãy xem sự thực như mặt trời sáng tỏ: Ông phải biết người sống trong cõi đời này có đủ cả tám khổ; dẫu có sanh lên trời cũng khó thoát năm sự suy tổn. Chỉ có Tây phương Cực Lạc thế giới chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui. Há chẳng phải là trời thấy ông đề xướng Tịnh Độ bèn dùng đứa con vô phước vô thọ ấy làm nhát kim đâm ngay đỉnh đầu ông để cảnh tỉnh ông rằng: ba cõi chẳng an ví như nhà lửa, các khổ đầy dẫy thật là đáng sợ. Mạng người vô thường nhanh tựa ánh chớp, chẳng cách nào níu lại được. Hết thảy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt nước, hình ảnh. Đối với những điều này vẫn còn chẳng ngộ để gắng sức tu Tịnh nghiệp thì khác gì gỗ, đá vô tình sống trọn cả đời trong vòng trời đất vậy. Là bậc nam tử có huyết tánh há cam đành làm khối thịt cử động, thây chết biết đi, chết mục nát cùng cỏ cây! Ông đề cao thánh cảnh nhưng lại chịu làm phàm phu, tuy gặp việc cảnh tỉnh lớn lao lại chẳng phát phẫn; nghe đạo của thánh hiền, Phật, Tổ mà

68 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

chẳng chịu tu thì nào có phải là trời phụ người đâu, mà chính là người phụ trời đấy chứ! Kính mong ông xét nghĩ!

48. Ba điều tối quan trọng lúc lâm chung (Lâm chung tam đại yếu) Điều bi thảm nhất trong thế gian thật không chi bằng cái chết, nhưng khắp cả người đời, có ai may mắn thoát được nổi? Vì vậy, người hữu tâm muốn lợi mình lợi người thì chẳng thể không sớm lo liệu. Thật ra, một chữ CHẾT vốn chỉ là giả danh. Do kỳ hạn của quả báo chiêu cảm từ [các nhân] đời trước đã tận nên bỏ tấm thân này rồi lại thọ cái thân khác vậy. Kẻ chẳng biết Phật pháp thì thật chẳng biết tính toán cách nào, chỉ đành mặc cho nghiệp xoay chuyển. Nay đã được nghe pháp môn Tịnh Độ phổ độ chúng sanh của đức Như Lai thì phải nên tín, nguyện niệm Phật, sắp sẵn tư lương vãng sanh, hầu mong thoát được cái huyễn khổ luân hồi sanh tử, chứng sự vui chơn thật Niết Bàn thường trụ. Nếu ai có cha, mẹ, anh, em và các quyến thuộc mắc phải trọng bịnh, bịnh tình khó bề thuyên giảm thì nên phát tâm hiếu thuận, từ bi, khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tây phương và trợ niệm cho họ để mong người bị bệnh nhờ đó sau khi chết liền được sanh về Tịnh Độ. Sự lợi ích như thế kể sao cho xiết? Nay tôi nêu lên ba điều trọng yếu để làm

căn cứ hòng thành tựu sự vãng sanh cho người lâm chung; lời lẽ tuy thô vụng nhưng ý vốn lấy từ kinh Phật. Nguyện người thấy nghe, gặp được nhân duyên này sẽ đều cùng làm theo. Ba điều trọng yếu là: * Một là khéo chỉ dạy, an ủi, khiến sanh chánh tín. * Hai là cả nhà thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm.

* Ba là hết sức tránh xao động, khóc lóc, kẻo làm hỏng việc. Nếu có thể tuân hành theo ba pháp này thì quyết định sẽ tiêu trừ được túc nghiệp, tăng trưởng Tịnh nhân, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây phương. Một phen đã được vãng sanh thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, dần dần tấn tu ắt sẽ đạt tới quả Phật viên thành mới thôi. Sự lợi ích như vậy hoàn toàn nhờ vào sức trợ niệm của quyến thuộc. Có làm được như thế mới là hiếu chơn thật đối với cha mẹ, mới thật là chơn đễ (5) đối với anh em trai, chị em gái, mới thật là chơn từ đối với con cái, mới thật là chơn nghĩa, chơn huệ đối với bằng hữu và đối với mọi người; dùng những điều ấy để vun bồi thêm cái nhân Tịnh Độ của mình. Xin thưa với những người cùng tin tưởng là cứ lâu ngày chày tháng sẽ nào có khó gì mà chẳng tập thành lề thói được. Nay tôi sẽ trình bày từng điều một để lúc lâm chung khỏi bối rối vậy. a. Điều thứ nhất là khéo chỉ bày, an ủi, khiến sanh chánh tín: Thiết tha khuyên người bịnh buông xuống hết thảy, chỉ nhất tâm niệm Phật. Nếu như cần phải giao phó việc gì thì phải mau giao phó. Giao phó xong thì chẳng đếm xỉa đến nữa, chỉ nghĩ ta nay theo Phật vãng sanh cõi Phật; tất cả sự giàu vui, quyến thuộc thế gian, các thứ trần cảnh đều là chướng ngại, thậm chí khiến mình mắc hại. Vì thế, chẳng nên sanh tâm niệm quyến luyến. Phải biết là một niệm chơn tánh của chính mình vốn chẳng có chết. Cái chết vừa nói đó chỉ là xả thân này để lại thọ cái thân khác mà thôi. Nếu chẳng niệm Phật thì sẽ phải thuận theo nghiệp lực thiện, ác để lại thọ sanh trong nẻo lành, dữ. Nếu như trong lúc lâm chung, nhất tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật thì do tâm niệm Phật chí thành sẽ quyết định cảm được Phật phát đại từ bi, đích thân tiếp

dẫn khiến mình được vãng sanh. Đừng nghi rằng: mình là nghiệp lực phàm phu, làm sao chỉ do niệm Phật trong một thời gian ngắn lại có thể thoát khỏi sanh tử, vãng sanh Tây phương? Nên biết rằng: vì đức Phật đại từ bi nên kẻ tội nhân thập ác, ngũ nghịch rất nặng lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện ra mà nếu có thiện tri thức dạy cho niệm Phật bèn hoặc niệm mười tiếng hoặc chỉ một tiếng thì cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây phương. Hạng người ấy chỉ niệm mấy câu còn được vãng sanh, sao còn ngại mình nghiệp lực nặng, niệm Phật ít ỏi nên sanh lòng nghi nữa ư? Phải biết là chúng ta vốn có chơn tánh, chơn tánh của ta và chơn tánh của Phật chẳng hai; chỉ vì ta hoặc nghiệp còn sâu nặng nên chẳng thọ dụng được! Nay đã quy mạng nơi Phật như con nương về cha chính là trở về với cái ta vốn sẵn có, chứ nào có phải là điều gì bên ngoài đâu! Hơn nữa, xưa kia, đức Phật đã phát nguyện: “Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu của ta mà chí tâm tin ưa, dẫu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được vãng sanh thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác”. Vì thế, hết thảy chúng sanh lúc lâm chung phát tâm chí thành niệm Phật cầu sanh về Tây phương thì không một ai là chẳng được ngài rủ lòng từ tiếp

dẫn. Ngàn vạn phần chẳng được hoài nghi nữa! Hoài nghi chính là tự mình lầm lạc, họa ấy chẳng nhỏ. Vả lại, lìa cõi khổ não này sanh về thế giới vui vẻ ấy là điều hết sức khoái ý cho nên phải sanh tâm hoan hỷ, ngàn vạn phần chẳng được sợ chết. Dẫu sợ chết cũng tránh khỏi cái chết, lại còn mất phần vãng sanh Tây phương nữa vì tâm mình trái với tâm Phật vậy. Dẫu Phật sẵn lòng đại từ bi cũng vô phương cứu tế người chẳng nương theo lời dạy của Phật!

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 71

Vạn đức hồng danh của Phật A Di Đà giống như lò luyện lớn lao; tội nghiệp trong nhiều kiếp của chúng ta như một mảnh tuyết trong hư không. Nghiệp lực phàm phu do bởi niệm Phật nên nghiệp liền tiêu diệt, giống như mảnh tuyết bám vào bên lò lửa lớn liền bị tiêu hết chẳng còn gì nữa. Vả lại, nếu nghiệp lực đã tiêu thì bao nhiêu thiện căn sẽ tự nhiên tăng trưởng thù thắng; sao lại còn ngờ chẳng được vãng sanh, Phật chẳng đến tiếp dẫn nữa ư? Chỉ dạy, an ủi ngọn ngành, uyển chuyển như thế khiến cho bịnh nhân tự mình sanh tâm chánh tín. Đấy chính là những điều cần phải khai thị cho bịnh nhân. Còn như những việc chí thành, tận hiếu mà ta phải nên làm thì cũng chỉ chú trọng ở những điểm ấy; chẳng nên thuận theo thói tục cầu thần, tìm thuốc. Mạng lớn đã sắp hết thì làm sao quỷ thần, thuốc men giữ cho khỏi chết được! Nếu đã nhọc lòng vì những sự vô ích như thế thì đối với một sự niệm Phật sẽ bớt thành khNn, làm sao cảm thông đức Phật được! Nhiều kẻ lúc cha mẹ lâm chung chẳng tiếc tiền của, thỉnh vời nhiều thầy thuốc đến khám. Đấy là mua tiếng hiếu, cốt ý muốn được người đời khen mình tận hiếu đối với cha mẹ; nào hay thiên, địa, quỷ thần xét soi tường tận nỗi lòng mình. Vì vậy, đối với những sự tống táng cha mẹ mà quá sức phô trương thì nếu chẳng mắc tai trời cũng ắt bị vạ người. Kẻ làm con chỉ nên chú trọng đến nơi thần thức của cha mẹ sẽ sanh về. Lời xưng tụng của thế nhân chẳng đáng cho kẻ sáng mắt nhếch mép cười, lẽ đâu mình lại dốc lòng mong mỏi, thật chỉ khiến cho mình phải mắc vào cái lỗi bất hiếu to lớn mà thôi! b. Thứ hai là cả nhà thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm. Trước đó, đã giáo hóa bịnh nhân khiến họ sanh

72 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

chánh tín; nhưng vì tâm lực người bịnh ấy yếu ớt, chưa kể đến hạng người lúc còn khỏe mạnh chưa bao giờ niệm Phật, cho nên chẳng dễ niệm liên tục lâu được. Cho đến giờ đây lấy niệm Phật làm việc chánh thì cũng hoàn toàn nhờ vào người khác trợ niệm thì mới có thể có sức. Vì vậy, quyến thuộc trong nhà nên cùng phát tâm hiếu thuận, từ bi, vì người ấy trợ niệm Phật hiệu. Nếu bịnh tình còn chưa đến nỗi sắp chết vào bất cứ lúc nào thì nên chia ban niệm Phật. Nên chia thành ba ban, mỗi ban hạn định mấy người. Ban đầu tiên niệm Phật ra tiếng, ban thứ hai và thứ ba niệm thầm. Niệm một tiếng đồng hồ thì ban thứ hai niệm tiếp; ban thứ nhất, ban thứ ba niệm thầm. Nếu có việc gì cần làm thì nên lo liệu trong lúc niệm thầm; còn trong lúc trực ban trọn chẳng nên bỏ đi. Ban thứ hai niệm xong, ban thứ ba niệm tiếp. Xong rồi lại trở lại từ đầu. Niệm một tiếng, nghỉ hai tiếng; [như vậy thì niệm] suốt cả ngày đêm thì cũng không mệt nhọc lắm. Phải biết là mình chịu giúp người đạt được Tịnh niệm vãng sanh thì mình cũng sẽ được hưởng báo có người trợ niệm. Chớ có nói là chỉ vì cha mẹ nên mới

phải tận hiếu như vậy, mà đối với người dưng cũng phải nên vun bồi ruộng phước của mình, trưởng dưỡng thiện căn của mình thì mới đúng là cái đạo tự lợi, chẳng uổng làm người. Thành tựu một người được vãng sanh Tịnh Độ chính là thành tựu một chúng sanh làm Phật. Công đức thế ấy há nghĩ lường nổi ư! Ba ban liên tục, tiếng niệm Phật chẳng ngớt. Nếu sức bịnh nhân niệm nổi thì nương vào đó mà niệm nho nhỏ theo. Chẳng niệm nổi thì lắng tai nghe kỹ, tâm không có niệm gì khác thì tự có thể tương ưng với Phật vậy. Tiếng niệm Phật chẳng nên quá to; to thời tổn hơi, khó niệm lâu được; cũng chẳng thể quá nhỏ khiến bịnh nhân chẳng

nghe được rõ. Chẳng nên niệm quá mau, cũng chẳng nên quá chậm. Quá mau bịnh nhân niệm theo chẳng nổi mà nghe cũng chẳng rõ. Quá chậm thì chẳng tiếp hơi nổi nên cũng khó có ích. Nên niệm chẳng cao, chẳng thấp, chẳng rề rà, chẳng gấp gáp; từng chữ phân minh, từng câu rành mạch khiến từng chữ, từng câu lọt tai thấu dạ bịnh nhân; nhờ vậy mà họ có sức niệm. Về pháp khí dùng cho việc niệm Phật, chỉ nên dùng dẫn khánh (6), còn các thứ khác đều chẳng nên dùng. Tiếng dẫn khánh trong trẻo khiến tấm lòng người nghe thanh tịnh. Tiếng mõ trầm đục chẳng thích hợp cho việc trợ niệm khi lâm chung. Thêm nữa, nên niệm bốn chữ Phật hiệu. Lúc bắt đầu thì niệm vài câu sáu chữ; rồi sau đó chỉ niệm bốn chữ A Di Đà Phật, chẳng niệm Nam Mô. Do ít chữ dễ niệm nên bịnh nhân sẽ để tâm niệm theo hoặc nhiếp tâm lắng nghe, đều tốn ít tâm lực. Quyến thuộc trong nhà niệm như vậy mà thỉnh thiện hữu ở ngoài đến cũng niệm như vậy. Dù nhiều người hay ít người đều phải niệm như thế, chẳng nên niệm một chốc, lại nghỉ một chốc rồi mới lại niệm tiếp khiến bịnh nhân niệm Phật gián đoạn. Nếu ăn cơm thì nên ăn vào lúc thay phiên, đừng để tiếng niệm Phật gián đoạn. Như lúc bịnh nhân sắp tắt hơi thì cả ba ban cùng niệm cho đến tận sau khi đã tắt hơi hẳn rồi mới lại chia ba ban niệm suốt ba tiếng đồng hồ nữa. Sau đấy, mới ngưng niệm để lo liệu, sắp đặt mọi việc. Trong lúc niệm Phật, chẳng để cho bè bạn đến trước bịnh nhân thăm hỏi, vỗ về. Đã có lòng đến thăm thì hãy cùng đại chúng niệm Phật mấy thời. Ấy mới là tấm tình yêu mến chơn thật, có ích cho bịnh nhân. Còn nếu cứ theo thói tục thường tình thì chính là đã xô người xuống biển. Tình ấy tuy đáng cảm, nhưng [để xảy ra] sự ấy mới thật là đau đớn. Toàn

là cậy vào người chủ chốt hiểu rõ đạo lý, bảo trước với người đến thăm để khỏi tổn thương tình cảm, lại tránh di hại cho bịnh nhân bị phân tâm mà chẳng được vãng sanh vậy. c. Thứ ba là kiêng dè xáo động, khóc lóc để khỏi làm hỏng đại sự Lúc người sắp chết chính là lúc phân biệt giữa thánh phàm, người, quỷ, [tình trạng khác nào] ngàn cân [treo] đầu sợi tóc; cần phải hết sức cNn thận, chỉ nên dùng Phật hiệu khai thị, dẫn dắt thần thức người ấy chứ chẳng nên tắm rửa, thay áo, hoặc dời chỗ nằm. Người ấy nằm như thế nào, cứ để yên người đó nằm trong tư thế ấy, chẳng nên có chút dời động. Cũng chẳng nên đối với việc ấy mà sanh bi cảm hoặc đến nỗi khóc lóc. Ấy là do khi đó [người chết] thân chẳng tự chủ được; mỗi một sự lay động là toàn thân lẫn chân tay đều bị đau đớn như bị cắt chặt, giằng xé. Hễ đau đớn thì sanh tâm sân hận nên tâm

niệm Phật bị ngưng dứt. Do sanh tâm sân hận nên phần nhiều bị đọa vào độc loại, đáng sợ hãi thay. Nếu [người chết] thấy [thân quyến] buồn đau, khóc lóc thì tâm mến luyến phát sanh nên tâm niệm Phật cũng bị ngừng nghỉ. Vì mang tâm ái luyến mà ra đi nên đến nỗi đời đời, kiếp kiếp chẳng được giải thoát. Lúc ấy, điều có lợi nhất thì không chi bằng nhất tâm niệm Phật; điều tai hại nhất không chi bằng vọng động, khóc than. Nếu như vọng động, khóc than đến nỗi [người chết] sanh lòng sân hận cùng mến luyến thì có muốn sanh Tây phương, cả vạn trường hợp cũng chẳng được một. Thêm nữa, người sắp chết hơi nóng rút dần từ dưới lên trên là tướng siêu sanh, còn hơi nóng từ trên rút xuống dưới là tướng đọa lạc. Vì vậy, có thuyết: Đảnh thánh, nhãn thiên sanh

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 75

Nhân tâm, ngạ quỷ phúc Súc sanh tất cái ly, Địa ngục cước phản xuất Nhưng nếu cả nhà chí thành trợ niệm thì người chết ắt tự có thể sanh thẳng về Tây phương; chẳng nên rờ rẫm thăm dò khiến cho khi thần thức người chết chưa rời khỏi xác, nhân đấy bị đau đớn, tâm sanh phiền đau nên chẳng được vãng sanh. Lỗi họa ấy thật là vô lượng vô biên. Xin các thân hữu đều phải khNn thiết niệm Phật, chẳng cần dò xem nóng lạnh ở chỗ nào. Làm con nên lưu tâm điều này mới là thật hiếu. Nếu cứ thuận theo các thói tục thế gian thì há chẳng phải là xô người thân xuống bể khổ chẳng thương xót gì chăng, chỉ cốt mong một lũ vô tri vô thức xúm lại khen mình đã có thể tận hiếu ư? Hiếu như vậy thì có khác chi là yêu mến la sát nữ. Kinh dạy: “La sát nữ ăn thịt người, bảo: ‘Vì ta yêu ngươi nên ăn thịt ngươi’. Kẻ vô tri hành hiếu khiến cho người thân mất vui được khổ, há chẳng phải là giống hệt cái tình yêu người của la sát nữ hay sao? Tôi nói ra lời này, chẳng phải là không đếm xỉa đến tình người mà chỉ là muốn cho ai nấy đều thấy rõ thực tế, đều mong cho người chết vãng sanh, kẻ sống được phước. Chỉ vì do đáp ứng tấm lòng chơn thành của con hiền, cháu thảo thương yêu người thân nên chẳng nệ lời lẽ dường như quá khích. Người thương yêu người thân thật sự khá nên lượng thứ cho. Thuyết: Đảnh thánh, nhãn sanh thiên... là nói về khi người đã tắt hơi, toàn thân đã lạnh, chỉ còn đảnh đầu nóng thì ắt đã siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nhãn sanh thiên là nếu mắt cùng trán còn nóng thì sanh trong thiên đạo. Chỗ ngực còn ấm thì sanh nhân đạo. Riêng bụng còn nóng thì sanh ngạ quỷ. Riêng đầu gối còn nóng thì sanh làm súc sanh. Riêng bàn chân còn

76 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

nóng thì sanh địa ngục. Đấy là do hai nghiệp thiện, ác đã tạo của người ấy lúc còn sống đến giờ đây cảm hiện như thế, chứ chẳng thể dựa vào thế lực nào để làm giả ra như vậy được. Khi đó, nếu bệnh nhân có thể chí thành niệm Phật, lại thêm sức của quyến thuộc và bạn lành trợ niệm sẽ quyết định có thể đới nghiệp vãng sanh, siêu phàm nhập thánh vậy. Chẳng cần phải để ý thử sờ xét nghiệm, đến nỗi làm hỏng việc. Mong mỏi lắm thay! 49. Lược giải về Tam Quy Một là quy y Phật, hai là quy y Pháp, ba là quy y Tăng. Quy là quay về, Y là nương gởi. Như người té xuống biển, chợt có thuyền đi tới bèn lội đến bên thuyền; đấy là ý nghĩa của chữ “quay về”. Lên thuyền ngồi yên là nghĩa “nương nhờ”. Sanh tử là biển, Tam Bảo là thuyền. Chúng sanh quy y liền lên bờ kia. Đã quy y Phật, thờ Phật làm thầy thì từ nay trở đi cho đến lúc lâm chung, chẳng được quy

y thiên ma, ngoại đạo, tà quỷ, tà thần. Đã quy y Pháp, lấy Pháp làm thầy thì từ nay trở đi cho đến lúc lâm chung, chẳng được quy y kinh sách ngoại đạo (Pháp chính là kinh Phật và các pháp môn tu hành). Đã quy y Tăng, thờ Tăng làm thầy thì từ nay trở đi cho đến lúc lâm chung, chẳng được quy y đồ chúng ngoại đạo. Lại nữa, quy y Phật Pháp Tăng có cả lý lẫn sự. Sự chính là quy y mười phương tam thế hết thảy Phật, Pháp, Tăng vô tận Tam Bảo. Lý chính là quy y Phật nơi tự tánh, quy y Pháp nơi tự tánh, quy y Tăng nơi tự tánh. Phật là Giác, tức là Trí của tự tánh. Pháp là quy tắc, tức là Lý của tự tánh. Tăng là Hòa Hợp, tức là Lý và Trí khế hợp, nhất như bất nhị. Thêm nữa, Phật là Bát Nhã đức, Pháp là Pháp Thân đức, Tăng là Giải Thoát đức. Ba đức viên dung, trọn khắp pháp giới, chính là tự tánh vô tận

Tam Bảo. Nguyện khắp pháp giới hữu tình đều quy y tự tánh vô tận Tam Bảo, cùng chứng tự tánh Di Đà tam đức bí tạng. Nhưng nếu muốn chứng đắc tự tánh Di Đà tam đức bí tạng mà chẳng nhờ đến sự tướng để sanh lòng tin, phát nguyện, niệm thánh hiệu Di Đà, cầu sanh Tây phương thì chỉ sợ trải qua trần sa kiếp này đến trần sa kiếp khác vẫn cứ ở trong Sa Bà làm chúng sanh. Thiết tha mong người chấp lý bỏ sự hãy xét kỹ lẽ này.

50. Lược giải về năm giới Một là chẳng sát sanh. Hai là chẳng trộm cắp. Ba là chẳng tà dâm. Bốn là chẳng nói dối. Năm là chẳng uống rượu.

a. Chẳng sát sanh: Loài vật cũng như ta đều tham sống sợ chết; ta đã ham sống thì lẽ nào loài vật lại muốn chết hay sao? Cứ theo đó mà suy thì có nên giết hại sanh mạng hay chăng? Hết thảy chúng sanh luân hồi trong sáu nẻo, tùy theo nghiệp lành, dữ sẽ bị thăng lên hay giáng xuống. Trong nhiều kiếp, ta cùng với chúng thay phiên làm cha mẹ, con cái; đáng lẽ phải nghĩ cách cứu vớt, lẽ nào nỡ giết hại? Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật trong đời vị lai. Nếu ta đọa lạc thì còn mong chi cứu giúp nữa! Hơn nữa, đã tạo nghiệp sát ắt sẽ đọa ác đạo, đền trả nợ cũ, giết hại lẫn nhau chẳng biết bao giờ mới thôi! Lấy đó mà suy thì há còn dám giết hại nữa ư? Nguyên do của sát sanh là vì ăn thịt. Nếu đã biết nhân duyên như trên vừa nói sẽ tự chẳng dám ăn thịt nữa. Kẻ ngu còn cho thịt là ngon, chẳng hề biết thịt vốn là do tinh, huyết tạo thành, trong chứa đầy phNn, tiểu, ngoài lẫn chất dơ, tanh tưởi, hôi bNn, ngon ở chỗ nào? Thường nên quán bất tịnh thì

ăn vào ắt sẽ ọe ra. Thêm nữa, chúng sanh gồm có con người, cầm thú, giòi tửa, cá, tôm, muỗi mòng, rận, rệp. Hễ có sanh mạng thì đều là chúng sanh; chẳng thể bảo hễ con vật lớn thì chẳng nên giết, con vật nhỏ thì giết được. Kinh Phật đã dạy tường tận về lợi ích công đức của việc tránh sát sanh và phóng sanh. Người đời không đọc được những kinh ấy thì nên xem tác phNm Vạn Thiện Tiên Tư của An Sĩ tiên sinh (*), ắt sẽ biết được đại khái vậy.

b. Chẳng trộm cắp: Ý nghĩa của giới cấm này dễ hiểu. Chẳng trộm cắp là nếu chẳng cho thì chẳng lấy. Người biết liêm sĩ chẳng nên phạm giới này. Bàn tỉ mỉ thì nếu người

chẳng phải là bậc đại thánh, đại hiền sẽ khó lòng khỏi phạm. Dùng của công vào việc tư, tổn người lợi mình, cậy thế đoạt của, dùng kế đoạt vật, ganh tị sự phú quý của người khác, mong cho người nghèo hèn, phô trương làm lành để lấy tiếng, gặp các việc lành tâm chẳng hiểu chơn chánh. Hoặc như khi lập nghĩa học (trường học làm nghĩa, không thâu học phí) lại chẳng chọn thầy nghiêm khiến cho con em người khác lầm lạc. Hoặc khi thí thuốc men, chẳng xét thật, giả khiến người ta bị tổn mạng. Dẫu thấy nạn gấp nhưng chẳng cứu ngay; dùng dằng, hời hợt, thờ ơ hoặc là lầm lẫn, chỉ làm phận sự một cách tắc trách, lãng phí tiền tài người khác, trong lòng chẳng coi là khNn yếu. Những điều như thế đều gọi là trộm cắp vậy.

d. Chẳng tà dâm: Người đời nam nữ ở tại gia sanh con đẻ cái thì trên là vì phong hóa, dưới là để [có người] thờ phụng tổ tiên. Vợ chồng hành dâm không phạm vào điều cấm; nhưng phải nên kính nhau như khách, chỉ cốt tiếp nối giòng giống, chẳng nên vì khoái lạc mà chạy theo

lòng dục đến nỗi mất mạng. Tuy là vợ mình nhưng nếu tham lạc quá thì cũng là phạm giới; nhưng tội ấy vẫn còn nhẹ. Nếu chung chạ bậy bạ với người chẳng phải là vợ mình thì gọi là tà dâm; tội ấy rất nặng. Hành tà dâm là đem cái thân người này làm chuyện súc sanh; khi báo hết mạng dứt, trước sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, sau sanh trong súc sanh đạo đến ngàn vạn ức kiếp chẳng thể xuất ly. Hết thảy chúng sanh đều do dâm dục sanh ra cho nên giới này khó giữ dễ phạm; ngay cả bậc đạt hiền có lúc còn vi phạm, huống là kẻ ngu. Nếu lập chí tu trì thì trước hết phải phân biệt lợi hại và phương pháp đối trị: coi như rắn độc, như gặp oán tặc, sợ hãi e dè thì dục tâm tự tắt. Phương pháp đối trị đã được dạy nhiều trong kinh Phật. Nếu người đời chẳng có duyên xem đến thì nên xem cuốn Dục Hải Hồi Cuồng của An Sĩ tiên sinh, ắt sẽ biết được đại khái.

d. Chẳng nói dối: Tức là lời nói đáng tin, chẳng thốt ra lời dối trá. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy bảo thấy, đem dối bảo thật, có nói là không v.v... những điều như vậy tâm và miệng chẳng tương ứng, muốn dối gạt người thì đều là nói dối cả. Nếu lại có kẻ chưa đoạn được hoặc nghiệp mà bảo là đã đoạn hoặc; tự chưa đắc đạo bảo là đắc đạo thì gọi là đại vọng ngữ; tội ấy rất nặng. Phạm đại vọng ngữ thì sau khi mạng chung sẽ quyết định đọa thẳng vào A Tỳ địa ngục, trọn chẳng có kỳ ra. Hiện nay, có nhan nhãn những người tu hành nhưng chẳng hề biết đến giáo lý Phật pháp nên phải thống thiết răn đe; quan trọng lắm lắm vậy. Bốn điều trên đây chẳng luận là xuất gia hay tại gia, đã thọ giới hay chưa thọ giới, hễ phạm phải đều có tội lỗi vì thể tánh [của những sự ấy] là ác vậy. Người chẳng thọ

giới tội lỗi một tầng; người đã thọ giới tội đến gấp đôi: ngoài tội làm điều ác còn thêm tội phạm giới. Nếu trì mà chẳng phạm thì công đức vô lượng vô biên. Vì vậy, cần phải gắng gỏi giữ giới vậy.

e. Chẳng uống rượu: là vì rượu hay làm mê loạn lòng người, hoại giống trí huệ. Uống vào khiến người điên đảo, hôn cuồng, làm điều xằng bậy nên Phật chế giới cấm hẳn.

Phàm người tu hành đều chẳng được uống. Thêm nữa, đối với các thứ hành, hẹ, tỏi, kiệu... năm thứ hăng nồng, mùi vị hôi hám, thể chẳng thanh khiết. Ngũ huân hễ ăn chín thì phát sanh lòng dâm, ăn sống thì thêm nóng giận; phàm là kẻ tu hành đều chẳng được ăn. Tuy nhiên, đối với người chưa thọ giới này thì ăn dùng ngũ huân đều chẳng bị tội; còn nếu đã thọ giới rồi còn ăn thì mắc thêm một tầng lỗi, tức là tội phạm Phật giới. Phật đã cấm ngăn mà ta lại phạm nên có tội. Thêm nữa, như kinh đã dạy: Mỗi tháng tám ngày: mười bốn, mười lăm, hăm ba, hăm chín, ba mươi (nếu tháng thiếu thì kể những ngày hăm tám, hăm chín); phàm trong sáu ngày này Tứ Thiên Vương tuần hành Nam châu, quán sát nhân gian thiện, ác. Lại trong ba tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín, Đế Thích dùng gương báu lớn chiếu thẳng xuống Nam châu, dò xét tội phước. [Trong những ngày ấy] đều phải nên trai giới niệm Phật, sám hối tu tỉnh. Đó gọi là ba tháng trai và sáu ngày trai. Nếu trong mỗi tháng, lại tính thêm ngày mùng một, ngày mười tám, ngày hăm tám thì gọi là Thập Trai. Kẻ sơ phát tâm phải nên lưu ý điều này.

51. Lược giải về Thập Thiện

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 81

Một là chẳng sát sanh, hai là chẳng trộm cắp, ba là chẳng tà dâm, bốn là chẳng nói dối, năm là chẳng nói thêu dệt, sáu là chẳng nói đâm thọc, bảy là chẳng ác khNu, tám là chẳng keo tham, chín là chẳng nóng giận, mười là chẳng tà kiến. Trong những giới này, ba giới đầu tiên là thân nghiệp; bốn giới giữa là khNu nghiệp; ba giới sau cùng thuộc về ý nghiệp. Nghiệp là sự đã có tướng hiển hiện. Nếu giữ gìn chẳng phạm thì gọi là Thập Thiện; nếu vi phạm chẳng giữ được thì gọi là Thập Ác. Thập Ác chia ra làm thượng, trung, hạ; sẽ cảm thân trong ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thập Thiện cũng chia ra làm thượng, trung, hạ, làm thân trong ba đường lành: trời, người, a tu la. Nhân lành cảm quả lành, nhân ác cảm quả ác, quyết định không nghi, tơ tóc chẳng lầm. Những điều: giết, trộm, dâm, nói dối đã giảng trong phần nói về Ngũ Giới. Nói thêu dệt là nói lời vô ích, phù phiếm, bóng bảy, đẹp đẽ, bàn soạn chuyện dâm dục khiến người nghĩ bậy... Nói đôi chiều là đến người kia nói chuyện người này, hướng đến người này nói chuyện kẻ kia; khêu gợi thị, phi, đòn xóc hai đầu. Ác khNu là ngôn ngữ thô ác như đao, như kiếm khiến người khác bị vùi lấp, xấu xa, chẳng biết kiêng dè. Nếu lại còn mạo phạm đến cha mẹ người thì gọi là đại ác khNu; tương lai sẽ mắc quả báo súc sanh. Đã thọ Phật giới thì nên cNn thận chớ phạm. Keo tham là mình chẳng chịu thí của cải của mình cho người thì gọi là keo. Đối với của cải của người ta chỉ muốn đoạt về mình thì gọi là tham. Nóng giận là giận dữ: Thấy người đạt được điều gì thì lo buồn phẫn nộ; Thấy người bị mất mát, lòng khoan

82 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

khoái sung sướng. [Nóng giận] cũng có nghĩa là phô phang thế lực, khinh rẻ cả người lẫn vật. Tà kiến còn gọi là Si: Chẳng tin làm lành được phước, làm ác mắc tội; nói là không có nhân quả, chẳng có đời sau; khinh miệt hiền thánh, hủy kinh giáo của Phật. Thập Thiện này bao gồm hết thảy mọi sự. Nếu có thể tuân hành Thập Thiện thì không

ác chi chẳng dứt được, không điều lành chi chẳng tu. Tôi sợ kẻ sơ tâm chẳng thể hiểu rõ nên nay nêu đại lược hai việc: a. Một là nên hiếu thuận phụ mẫu, chẳng trái, chẳng nghịch, thuận chiều uyển chuyển, khuyên cho cha mẹ nhập đạo, bỏ mặn ăn chay, trì giới, niệm Phật, cầu sanh Tây phương liễu thoát sanh tử. Nếu cha mẹ tin nhận thì không điều lành nào lớn hơn nữa! Nếu như cha mẹ nhất quyết chẳng làm theo thì cũng chớ ép buộc làm vì sẽ mất đạo Hiếu; chỉ nên đối trước Phật thay cha mẹ sám hối tội lỗi; đó mới là điều nên làm. Với anh em thời hết dạ; với vợ chồng thời tận kính; với con cái thời cực lực giáo huấn khiến chúng tốt lành. CNn thận chớ kiêu hãnh quá đáng đến nỗi thành sai trái. Đối với xóm giềng làng xóm nên hòa mục, nhún nhường. Vì họ nói nhân quả, thiện ác khiến họ đổi ác, hướng lành. Đối với bằng hữu thời tận tín; với tôi tớ thì từ ái. Đối với việc công cũng tận tâm hết sức như làm việc tư. Hễ thấy người quen biết thì nếu như gặp cha bèn nói về lòng từ; gặp con liền nói về hiếu. b. Về làm ăn thì dẫu đó vốn là chuyện cầu lợi nhưng cũng chẳng nên tăng giá, gạt gẫm người khác. Nếu phong hóa này được thạnh hành ở một làng, một ấp thời tiêu được cái họa loạn chưa nảy mầm, đến nỗi hình phạt thành ra vô dụng thì có thể nói là ngoài đồng tận trung, trong nhà tận chánh vậy.

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 83

52. Lời khuyên chơn thành về việc tránh sát sanh Nhân có các thiện tín đề xướng phóng sanh, gìn tiếc thân mạng nhằm vãn hồi sát kiếp; kẻ chẳng chấp nhận liền đến cật vấn rằng: “Kìa những kẻ góa bụa, cô độc, bần cùng, hoạn nạn đâu đâu cũng có, sao chẳng chu cấp? Lại cứ miệt mài cứu giúp giống dị loại chẳng liên quan gì đến mình? Há chẳng phải là lầm lạc đối với những điều hoãn, gấp, nặng, nhẹ như vậy hay sao?” Đáp: Ông chưa hiểu duyên do đức Như Lai dạy người tránh giết hại, phóng sanh. Đó là vì người, vật dẫu khác nhưng Phật tánh vốn đồng. Loài vật vì ác nghiệp nên bị luân hồi trong dị loại; ta do nghiệp lành nên may mắn được làm thân người. Nếu chẳng biết xót thương cứ mặc tình ăn nuốt thì đến ngày nào đó ta hết phước mà tội chúng đã hết thì khó tránh khỏi phải đền trả từ đầu nhằm thỏa mãn miệng, bụng của chúng. Phải biết rằng đại kiếp đao binh đều do sát nghiệp đời trước cảm thành. Nếu không có sát nghiệp thì dù thân mình có gặp phải giặc cướp, chúng cũng sẽ khởi tâm lành nên mình chẳng bị tru lục. Vả lại, đối với các thứ tai vạ ngang trái như: ôn dịch, nước, lửa, nếu giới sát, phóng sanh thì ít bị mắc phải. Bởi thế, ta biết được rằng: bảo vệ sanh mạng chính là tự bảo hộ mình. Tránh giết thì mới khỏi bị trời giết, quỷ thần giết, đạo tặc giết, các thứ đến báo oán giết. Đối với những kẻ góa bụa, cô độc, bần cùng, hoạn nạn cũng đều tùy phận, tùy sức để chu cấp cho, chứ đâu có phải là người giới sát, phóng sanh tuyệt chẳng hề làm công đức ấy? Mà những người góa bụa ấy tuy thật rất đáng thương, nhưng còn chưa đến nỗi lâm vào tử địa. Đối với loài vật chẳng cứu chuộc mạng, đành lòng đứng nhìn chúng bị lên chảo, lên thớt để thỏa mãn cái miệng, cái bụng ư?

84 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

Người ấy lại nói: “Loài vật vô tận, thả được bao nhiêu?” Đáp: - Ông phải biết là một việc phóng sanh thật ra là để mọi người phát khởi tâm lành tối thắng giữ gìn sanh mạng loài vật. Cốt là ở ý niệm thôi không giết hại nữa, trong tâm thương xót chẳng nỡ ăn

nuốt. Nếu đã chẳng ăn nuốt thì sẽ thôi không bắt bớ; mặc cho hết thảy loài vật trên cạn, dưới nước tự tại bay chạy, bơi lội trong chỗ sống của chúng. Thành thử, chẳng phóng sanh mà phóng sanh khắp cả. Há chẳng phải là cả thiên hạ trở thành một cảnh hay không? Giả sử, chẳng thể khiến cho ai nấy cũng đều được như vậy thì nếu dẫu chỉ một người chẳng đành ăn thịt là vô lượng sanh mạng trên cạn, dưới nước đã khỏi bị giết chóc. Huống hồ là trên đời chẳng phải là chỉ có mỗi một người chẳng ăn thịt đó ư! Giới sát lại còn là dứt sạch cái nhân góa bụa, cô độc, bần cùng, hoạn nạn của hết thảy người trong hiện tại lẫn vị lai, khiến họ được hưởng cái duyên trường thọ vô bịnh, phú quí, an vui, cha con đoàn viên, vợ chồng giai lão. Đấy chính là đã sắp sẵn cái hạnh cứu giúp trọn khắp khiến cho vị lai đời đời, kiếp kiếp, ai nấy trọn chẳng bị các khổ: góa bụa, cô độc, hưởng cái vui sống lâu, giàu có... há chẳng phải là toàn nước được hưởng phúc hay chăng? Có nên bỏ lỡ không? Ông hãy nghĩ kỹ! Việc kiêng giết hại, phóng sanh xét đến rốt ráo thì là vì loài người, chứ nào phải chỉ nhằm lợi lạc cho loài vật mà ông cho là điên đảo nơi sự hoãn, gấp, nặng, nhẹ vậy! Đức lớn của trời đất gọi là Sanh. Đạo lớn của Như Lai là Từ. Người, vật tuy khác nhưng tâm tánh giống nhau. Đối với cả phàm trần ba thừa, sáu nẻo, Như Lai đều xem như con một. Vì cớ sao? Vì tất cả đều sẵn đủ Phật tánh, đều có thể thành Phật. Hãy khoan bàn tới ba cõi; lục

phàm là thiên, nhân, a tu la, súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục, tuy là cao thấp khác biệt rất xa, khổ vui sai khác, nhưng đều là [những kẻ] chưa đoạn được hoặc nghiệp, chưa thoát khỏi sanh tử. Phước trời nếu hết liền bị đọa xuống; tội trong địa ngục nếu tiêu bèn lại sanh lên, như thể bánh xe lăn lần lượt lên cao, xuống thấp. Nay ta may được thân người, lẽ ra phải nên sắp bày phương cách chu đáo nhằm giữ gìn tiếc thương mạng loài vật thì mới hợp với đức hiếu sanh của trời đất, thể hiện lòng nhân trắc Nn trong tâm ta. Đó là vì các loài vật với ta cùng sanh trong khoảng trời đất, cùng hưởng sự dưỡng dục của trời đất, cùng biết tham sống, cùng biết sợ chết. Đối với xương khô, kẻ nhân còn vơ lấy đem chôn; đối với cỏ cây còn để mọc dài chẳng chặt; huống hồ là chỉ vì để ngon miệng, sướng bụng mà đành bắt các loài vật trên cạn, dưới nước phải chịu cái khổ dao cắt, nấu, chiên hay sao! Nên biết là từ vô thỉ đến nay, các loài vật ấy cũng đã từng ở vào địa vị tôn quý, oai quyền hiển hách nhưng chẳng biết mượn oai quyền để vun bồi cái đức; ngược lại, họ cậy oai quyền tạo nghiệp khiến cho ác nghiệp chất chồng, đọa trong dị loại: miệng chẳng nói được, tâm không trí lự, thân không kỹ thuật. Mắc phải nạn ấy thì dẫu thịt mềm bị [kẻ khác] cưỡng ăn, nhưng oán hận tích kết lại khiến cho đời đời kiếp kiếp luôn nghĩ đến chuyện báo oán. Người nào nếu đã chẳng nghĩ đến nỗi khổ bị giết hại của các loài vật thì há chẳng sợ cái oán nghiệp thâm kết, thường bị chúng giết hại lại hay sao? Lại cũng chẳng sợ do vì mình tàn hại loài vật, trời sẽ đoạt phước thọ của mình ư? Nếu ai mong muốn quyến thuộc quây quần, thọ mạng dài lâu, thân tâm an lạc, các duyên như ý thì phải nên phát lòng đại bi, hành hạnh phóng sanh khiến cho trời đất, quỷ thần đều xót thương tấm lòng thành thật thương

yêu loài vật của ta thì những điều ta mong muốn mới sẽ đạt được. Nếu cứ cậy mình có tiền tài, mình sẵn trí lực rồi bày đủ các cách bắt lấy loài vật cốt sao thỏa thuê miệng, dạ của mình, chẳng đếm xỉa nỗi thống khổ của chúng; há có còn đáng coi là người cùng đứng chung với trời, đất thành tam tài chăng? Ta cùng bọn chúng cùng ở trong sanh tử, từ vô thỉ đến nay chắc chắn chúng đã từng là cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái của ta; ta cũng đều từng là cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái của chúng. Bọn chúng cũng từng ở trong loài người hoặc trong dị loại, đều bị ta giết; ta cũng đều hoặc ở trong loài người hoặc trong dị loại, đều bị chúng giết; làm kẻ thân, người oán, sanh ra nhau hay giết nhau. Lặng im mà nghĩ, thẹn chẳng muốn sanh. Chóng gấp cải đổi còn e quá trễ; huống là cam đành giữ thói cũ, chấp mãi ý tưởng mê muội: trời sanh ra các loài khác là để cho con người ăn uống!

53. Lược giải về Tam Chuyển Tứ Đế Pháp Luân Trước tiên, nói về tướng chuyển, tức là: đây là Khổ, tánh bức bách; đây là Tập, tánh chiêu cảm; đây là Diệt, tánh có thể chứng; đây là Đạo, tánh có thể tu. Hai là khuyên tu chuyển, tức là: đây là Khổ, ông nên biết; đây là Tập, ông nên đoạn; đây là Diệt, ông nên chứng; đây là Đạo, ông nên tu. Ba là chứng chuyển, tức là: đây là Khổ, ta đã biết; đây là Tập, ta đã đoạn; đây là Diệt, ta đã chứng; đây là Đạo, ta đã tu. Khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây phương chỉ cốt ở chỗ giản minh, trực tiếp, chẳng cần phải dẫn rộng pháp môn Tứ Đế, nhưng vì muốn chỉ bày rõ về 2 phương diện tự lực và Phật lực, hai thứ rốt ráo sanh tử khó và dễ nên

đặc biệt lấy Tứ Đế làm luận cứ so sánh. Khi đã hiểu được nghĩa này thì có còn đành chịu bỏ Phật lực để chuyên cậy vào tự lực hay chăng? Ở đây, chỉ lược giải ý nghĩa; trong phần so sánh sẽ giảng thêm khi giải thích ý nghĩa. Tam Chuyển Tứ Đế pháp luân đây là do lúc Phật mới thành Chánh Giác, nơi vườn Lộc Dã, đức Phật vì các ông Kiều Trần Như - bọn họ là những người theo Phật đi tu như: Át Bệ, Bạt Đề, Thập Lực Ca Diếp, Câu Lợi - mà nói pháp môn này. Những người đó nghe xong đều đắc quả A La Hán. Khi ấy, Tăng bảo hiện hữu trong thế gian. Tứ Đế là bốn pháp Khổ, Tập, Diệt và Đạo; bốn pháp thảy đều chơn thật chẳng dối, trọn chẳng có lầm lạc. Chuyển nghĩa là xoay vần truyền thọ. Luân là ví dụ. Ví như trong đời, bánh xe hay nghiến nát hoặc vận tải các vật. Phật dùng pháp này giảng cho chúng sanh; chúng sanh tu tập theo đó liền có thể phá trừ phiền não hoặc nghiệp; ấy là nghĩa Nghiến Nát. Khi hoặc nghiệp đã phá thì liền có thể tự chứng lý chơn thật bất sanh bất diệt Niết Bàn, đấy là nghĩa Chuyên Chở. Do những nghĩa ấy nên gọi là Pháp Luân. a. Trước hết, giảng về Tướng Chuyển, nghĩa là chỉ bày tánh tướng của Tứ Đế như thế nào để biết lợi hại, hầu quyết định lấy hay bỏ. Trong câu "Đây là Khổ, tướng bức bách": chữ "đây" chính là chữ chỉ cho cái khổ quả đang chịu; nghĩa là: cái chánh báo sắc thân này cùng với y báo quốc độ. Nếu nói về phương diện sắc thân thì cứ hễ có sắc thân này ắt phải có sanh, lão, bịnh, tử, khổ vì thương yêu mà phải xa lìa, khổ vì oán ghét phải gặp gỡ, khổ vì cầu mà chẳng được, khổ vì năm ấm lừng lẫy, tức là tám điều khổ. Tám điều khổ này dù phú quí hay bần tiện ai nấy đều cùng có. Ngoài ra, do nghiệp báo nên mỗi người còn phải cảm lấy

những cái khổ riêng biệt. Do các khổ ấy bức bách phiền loạn cả thân lẫn tâm nên cả một đời người chẳng được tự tại. Trong câu 'Đây là Tập, tánh chiêu cảm', chữ "đây" chỉ cho cả hai thứ: Kiến Hoặc và Tư Hoặc. Hai thứ hoặc này chính là căn bổn sanh tử, danh tướng rất nhiều, chẳng thể nói trọn. Nói vắn tắt, Kiến Hoặc và Tư Hoặc chính là tham sân si do thấy cảnh mà khởi lên cũng như tham sân si tự khởi lên tuy không thấy cảnh. Phiền não tuy nhiều nhưng chẳng ngoài ba thứ tham, sân, si. Tập có nghĩa là tụ tập. Do vì có hai thứ Hoặc ấy nên có thể tụ tập hết thảy phiền não, chiêu cảm hết thảy khổ báo. Do khởi các tâm thiện, ác nên liền tạo các nghiệp thiện, ác... Có nghiệp thời ắt phải chịu báo cho nên mãi luân hồi trong đường thiện, ác nơi tam đồ, lục đạo; muôn kiếp chẳng thoát ra được. Trong câu "Đây là Diệt, tánh chứng được", chữ "đây" chỉ cho việc diệt cái Khổ và Tập vừa nói ở trên, đạt được lý thể Bất Sanh Bất Diệt. Do tu đạo Giới, Định, Huệ nên dứt được cái nhân sanh tử là tham, sân, si. Do đấy, chẳng còn phải chịu quả khổ luân hồi sanh tử nữa, chứng được Niết Bàn bất sanh, bất diệt. Vì thế, gọi là Diệt. Diệt là không. Đã chẳng có sanh thì sẽ cũng chẳng có diệt; bất sanh bất diệt mà cưỡng gọi là Diệt. Ví như mây, sương mù che lấp hư không; một cơn gió mạnh nổi lên khiến mây mù bị tiêu trừ, hư không sẵn có nhân đấy sẽ hiển hiện. Lúc mây mù che ngăn, hư không vốn chẳng hề diệt. Lúc mây mù tan, hư không vốn chẳng hề sanh. Bổn thể của hư không là luôn thường hằng bất biến. Tướng sáng, tối, thông, tắc thật là cách biệt nghìn trùng. Hiểu rõ điều này rồi mà chẳng phát tâm tu đạo để chứng Diệt thì thật chẳng đúng vậy. Lý ấy ai cũng có đủ, nếu chịu tu đạo thì

không có ai là chẳng đạt được; bởi thế mới nói là "tánh có thể chứng". Trong câu "Đây là đạo, tánh có thể tu", chữ "đây" chỉ Giới - Định - Huệ. Phật pháp tuy là vô lượng vô biên nhưng hoàn toàn nằm gọn trong ba thứ Giới, Định, Huệ. Đạo có nghĩa là thông được; tức là: dựa vào Giới, Định, Huệ này mà tu thì ắt sẽ có thể đoạn được cái nhân sanh tử là tham, sân, si, chẳng thọ cái quả sanh tử luân hồi trong tam đồ, lục đạo, đích thân đạt được Niết Bàn bất sanh, bất diệt vốn sẵn có trong tự tâm. Nhưng tâm ta cũng vốn sẵn đủ đạo Giới, Định, Huệ này; chứ chẳng phải là chẳng tu thì ta tuyệt nhiên chẳng có; còn nếu tu thì Giới Định Huệ ấy cũng chẳng phải từ bên ngoài đến. Bởi vậy mới nói là "tánh có thể tu" Bốn pháp này đều trước hết nêu lên cái quả, sau mới trình bày cái nhân. Khổ là quả của Tập; Tập là nhân của Khổ. Diệt là quả của Đạo; Đạo là nhân của Diệt. Nói như vậy là để cho biết Khổ mà đoạn Tập, hâm mộ Diệt nên tu Đạo vậy. b. Thứ hai, Khuyên Tu Chuyển là đã biết tánh tướng, lợi hại; nhưng nếu chẳng chơn thật tu trì thì chẳng thể đạt được lợi ích ấy, xa rời khỏi họa hại đó nên Phật khuyên rằng: "Đây là Khổ ông nên biết; đây là Tập, ông nên đoạn; đây là Diệt, ông nên chứng; đây là Đạo, ông nên tu". Muốn rời khổ quả thì trước hết phải đoạn Tập nhân; muốn chứng Diệt lý thì phải tu đạo phNm trước. c. Ba là Tác Chứng Chuyển. Trước khi chư Phật xuất thế, không hề có giáo nghĩa này; nay đức Phật nói ra sợ có kẻ hoài nghi nên ngài nêu ra điều chính mình đã trải qua để làm chứng cứ, bèn nói là: 'Đây là Khổ, ta đã biết. Đây làTập, ta đã dứt. Đây là Diệt, ta đã chứng. Đây là Đạo, ta đã tu". Muốn biết con đường dưới núi, cần phải

hỏi người qua lại; Phật là người qua lại, lời ngài nhất định đáng nên tuân theo. Vì thế, năm người nghe [khi ấy] đều chứng quả A La Hán. Năm người này đều do vì túc căn đã chín, lại thêm được oai thần của Phật gia bị nên mới được như thế. Nếu căn cứ trên đa số tùy ý đắc chứng mà luận thì sự chứng đắc khó, dễ sai khác rất lớn. Bậc Sơ Quả đã đoạn kiến hoặc, còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần trở lại nhân gian rồi mới chứng Tứ Quả. Nhị Quả một lần sanh thiên, một lần sanh trong nhân gian mới chứng Tứ Quả. Tam Quả sanh khắp trong năm cõi Bất Hoàn Thiên rồi chứng Tứ Quả, hoặc sanh trong hết thảy các cõi trời Tứ Không. Thời gian thọ sanh ấy chẳng thể tính đếm dễ dàng. Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả tuy phải tốn thời gian lâu xa như thế mà vẫn chưa đoạn được kiến hoặc. Tuy khó khăn bội phần ngần ấy nhưng quả A La Hán vẫn còn thuộc về Tiểu Thừa, đạt đến địa vị Bồ Tát còn phải lâu xa hơn nữa. Nếu có thể hồi Tiểu hướng Đại thì mới vào được Bồ Tát vị, tấn tu dần dần cho đến khi thành Phật. Đây là xét về mặt nương vào Giới, Định, Huệ của tự lực để liễu thoát sanh tử, thật là khó khăn, thật khó như lên trời. Vì thế, Như Lai đặc biệt mở ra một pháp môn Tín, Nguyện, Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ để hàng Bồ Tát chứng Đẳng Giác lẫn phàm phu gây tạo ác nghiệp cùng ngay trong hiện đời được vãng sanh Tây phương. Xét theo giáo lý phổ thông mà luận, phàm phu đủ cả hoặc nghiệp, tuyệt chẳng có cơ hội dứt hết sanh tử; nhưng chỉ có pháp môn Tịnh Độ: nếu đủ lòng tin chơn thật, nguyện thiết tha, thành tâm trì Phật hiệu thì liền có thể nương nhờ Phật từ lực, mang nghiệp đi vãng sanh. Một phen được vãng sanh thì chẳng còn có hoặc nghiệp nữa vì Tây phương cảnh duyên thù thắng như lò luyện

lớn, một nhúm tuyết chưa rớt đến bên trong đã bị tiêu mất, cũng như kiếp hỏa đốt sạch thế giới, tìm tro còn chẳng được. Cả ba thứ: Phật lực, Pháp lực, Chúng Sanh Tâm lực đều chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, chỉ có mỗi pháp môn này là có thể ban cho lợi ích đặc biệt. Phải nên biết rằng pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn thành thỉ thành chung vô thượng của mười phương tam thế hết thảy chư Phật: trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh. Đời lắm kẻ quen thói chẳng suy xét kỹ, cứ cho là đây chỉ là pháp môn đặt ra cho bọn ngu phu, ngu phụ, còn mình là bậc thượng sĩ tự tại nên chẳng chịu thuận tu tập theo, đành nhường cho kẻ ngu phu, ngu phụ nương nhờ vào Phật lực được vãng sanh Tây phương liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Còn bậc trí tự lực thì trí lực chẳng thể đối phó nổi hoặc nghiệp; khi hoặc nghiệp chưa hết thì chẳng thể tránh khỏi thọ sanh trong tam đồ, lục đạo. Đem so tam đồ, lục đạo với kẻ hạ hạ phNm vãng sanh Tịnh Độ thì đã khác nhau một trời một vực, huống hồ là so với bậc thượng thượng phNm! Kẻ ngu phụ, ngu phụ đáng bị xem thường, nhưng há có nên xem thường kẻ ngu phu, ngu phụ niệm Phật cầu sanh Tây phương hay chăng? Xem thường họ tức là xem thường pháp phổ độ trên là thánh, dưới là phàm của mười phương chư Phật! Tự mình lầm, lại làm người khác lầm lạc rất lớn, chẳng đáng sợ lắm thay, chẳng đáng hãi lắm thay!

54. Lược giải về Tứ Liệu Giản (tức Tịnh Độ Quyết Nghi luận) Thuốc không quý tiện, thuốc trị lành bịnh là thuốc hay. Pháp không hơn, kém, pháp khế hợp căn cơ là diệu. Thuở xưa, căn tánh con người thù thắng, tri thức như rừng, hễ tu một pháp liền đều có thể chứng đạo. Người đời nay, căn tánh kém cỏi, tri thức hiếm hoi, nếu bỏ Tịnh

Độ thì chẳng nhờ vào đâu để được giải thoát. Tôi tự thẹn nhiều đời, nhiều kiếp, ít gieo căn lành, phước mỏng, huệ cạn, chướng nặng, nghiệp sâu; lúc đang cầu học hỏi lại chẳng gặp thiện hữu, chưa được nghe đạo truyền tân (7) của thánh hiền, lậm cái độc của Hàn, Âu (8) phế Phật. Học vấn chưa thành, nghiệp lực đã hiện ra trước. Từ đấy, bệnh nặng cả mấy năm, chẳng làm gì được. Nghĩ kỹ thiên địa quỷ thần chiếu soi như thế, cổ kim thánh hiền đông nhiều đến thế, huống chi là Phật vốn tự chẳng có quyền lực để ép người thuận theo; ắt là nhờ vào vua thánh, tôi hiền hộ trì nên đạo Phật mới có thể lưu truyền khắp thiên hạ vậy. Nếu quả thật đúng như lời họ Hàn, họ Âu: Phật pháp trái nghịch thánh đạo, tổn hại Trung Quốc thì chẳng những riêng vua thánh, tôi hiền xưa nay chẳng dung thứ cho Phật pháp tồn tại nơi đời mà thiên, địa, quỷ thần cũng tru diệt chẳng còn sót từ lâu rồi; nào phải đợi Âu, Hàn dùng lời hư vọng để bác bỏ nữa! Đạo quân tử nói trong sách Trung Dung, kẻ ngu phu, ngu phụ còn có thể biết được, hành được; còn như cái đạo đạt đến mức cùng cực thì ngay cả thánh nhân cũng có điều chẳng hay biết, chẳng lãnh hội nổi. Ông Âu, ông Hàn tuy hiền, nhưng còn kém xa thánh nhân rất nhiều thì làm sao biết được những điều thánh nhân còn chẳng biết chẳng hay! Phật pháp nào có phải là pháp mà phàm tình, trí thế gian suy lường được nổi. Tôi bèn nhanh chóng sửa đổi tâm trước, xuất gia làm Tăng, tự lượng sức mình: nếu chẳng nương vào sức thệ nguyện của đức Như Lai thì quyết khó có thể ngay trong đời này thoát khỏi sanh tử. Từ ấy, chỉ niệm Phật, chỉ cầu Tịnh Độ. Từ nhiều năm qua, tôi đã lạm dự vào chốn giảng pháp, nhiều phen tham vấn các bậc Thiền Đức, chẳng qua là muốn phát minh Đệ Nhất Nghĩa Đế Tịnh Độ để làm tư lương thượng phNm

vãng sanh mà thôi. Hận rằng sức lực yếu ớt nên hạnh khó dũng mãnh; nhưng tôi tín, nguyện kiên cố, chẳng phải chỉ các sư giảng Thiền trong đời không lay chuyển nổi tôi chút nào mà dẫu cho chư Phật hiện thân dạy tu pháp khác, tôi cũng chẳng chịu bỏ pháp này nhận lấy pháp khác, trái nghịch cái tâm ban đầu. Vì túc nghiệp gây chướng ngại nên tôi trọn chưa đạt được nhất tâm bất loạn để đích thân chứng được Niệm Phật Tam Muội, thẹn thùng vô kể. Một ngày nọ có một Thượng Tọa, học Thiền tông đã lâu, kiêm thông giáo lý, mắt xem bốn biển rỗng không, thề chứng Nhất Thừa, noi gương Thiện Tài tham học khắp các tri thức, đến Loa Sơn gõ cửa thất tôi. Khi ấy, tôi vừa xem tập Di Đà Yếu Giải thấy văn sâu lý thẳm, chẳng tiện cho kẻ sơ cơ, mông muội nên muốn thâu thập những giáo lý của tông Thiên Thai để viết lời giải thích, ngõ hầu giúp bậc sơ học dễ bề tiến tu, chứ chẳng dám bắt chước cổ đức hoằng xiển đạo mầu mà chỉ toan tạo thắng duyên cho hậu học. Mừng có vị Thượng Tọa ấy đến nên tôi liền tặng ông ta một cuốn Yếu Giải, rồi thuật ý muốn viết lời giải thích. Nhân đấy, Thượng Tọa bảo tôi: - Một cuốn Yếu Giải tôi trước đã từng xem, thấy trong ấy viết rằng: “Tạng sâu Hoa

Nghiêm, cốt tủy kín nhiệm của Pháp Hoa, tâm yếu của hết thảy chư Phật, kim chỉ nam cho vạn hạnh của Bồ Tát đều chẳng ra khỏi kinh này". Như vậy là chẳng phải là đề cao mà là chèn ép Tông (Thiền), Giáo (các tông phái khác), quá khen Tịnh Độ, báng chánh pháp luân, khiến chúng sanh nghi lầm. Chẳng hiểu đại sư Ngẫu Ích đã có cái học thức thiên cổ hy hữu sao lại không trực chỉ nhân tâm, hoằng dương Chỉ Quán. Trái lại, ngài chấp vào thứ kiến giải ấy khiến kẻ ngu phu, ngu phụ dùng đó như bùa hộ thân, chỉ mong hàng Tăng, tục

trong đời giữ một pháp buông bỏ vạn hạnh; lấy vũng nước, bỏ cả biển rộng, cùng bước vào nẻo mê, vĩnh viễn quay lưng với đường chánh, đoạn diệt giống Phật, tội ngập cả trời. Muốn báo ân Phật thì trước hết nên hủy diệt sạch sách này, sao ngài còn tính viết lời giải thích để giúp cho sách được lưu thông vậy! Tâm giận ngùn ngụt, như đối diện cừu thù. Tôi đợi cho ông ta bình tĩnh lại, thong thả bảo rằng: -Ông coi lời giải thích này của ngài Ngẫu Ích là tội lỗi quá nặng; ấy là chỉ biết ngọn, nhánh, chứ chẳng biết đến cội gốc, như con chó khờ chạy theo hòn đất, như con ngỗng chúa chẳng chọn sữa. Phải biết là cái lỗi ấy chẳng do cuốn Yếu Giải này của ngài Ngẫu Ích mà thật là do Phật Thích Ca, Phật Di Đà, mười phương chư Phật và ba kinh Tịnh Độ, kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, các kinh Đại Thừa và các vị đại Bồ Tát, tổ sư: Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh v.v... Nếu ông có thể làm đại pháp vương trừng trị tội ấy thì lời ông sẽ được cả thế gian phụng hành; bằng không thì là kẻ dân ngu nơi rừng núi vọng xưng hoàng đế, tự chế pháp luật, bội phản luật vua: đã chẳng ra gì còn lại bị diệt môn tru tộc vậy. Ông nói như thế là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, ngay đời này sẽ đọa A Tỳ địa ngục thọ khổ bao kiếp, trọn không có lúc thoát ra. Cậy chút phước trong quá khứ, tạo khổ báo muôn đời. Hạng người được tam thế chư Phật gọi là đáng thương xót chính là ông vậy. Ông ta giật mình, nói: - Thầy bảo tội nơi đức Thích Ca, Di Đà v.v... Sao mà lại trái nghịch lý thường đến như thế? Xin thầy giải thích cho. Nếu lý ấy thật sự thù thắng, tôi đâu dám chẳng tuân theo?

Tôi bảo: - Như Lai vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện trong đời. Đại sự nhân duyên vừa nói đó chính là muốn cho chúng sanh khai, thị, ngộ, nhập tri kiến của Phật, thẳng đến khi thành Phật mà thôi; đâu còn có gì khác nữa đâu! Khốn nỗi chúng sanh căn tánh có lớn nhỏ, mê có cạn sâu, chẳng thể tỏ bày trực tiếp bổn hoài của Phật. Do đó, đức Phật mới thuận theo căn cơ đặt bày giáo pháp, đối bịnh phát thuốc, vì lẽ thật mà bày ra phương tiện quyền biến, khai quyền hiển thật; [chỉ một pháp] Nhất Thừa mà bèn nói ra các thuyết. Giả như có kẻ thiện căn thành thục thì sẽ làm cho họ nhanh chóng lên được bờ kia; còn đối với kẻ ác nghiệp sâu dày, sẽ khiến họ dần dần thoát khỏi trần lao, rủ lòng tiếp dẫn; khéo khuyến dụ dần dần. Dẫu có dùng các ví dụ như trời, đất, mẹ cha... cũng chẳng diễn tả nổi chút phần [từ ân của Phật]. Hơn nữa, do hết thảy pháp môn đều nhờ vào tự lực. Dẫu là kẻ túc căn thâm hậu triệt ngộ tự tâm, nhưng hai thứ: kiến hoặc, tư hoặc vẫn còn sót chút ít chưa hết nên vẫn y như cũ sanh tử trong luân hồi chưa ra được khỏi! Huống hồ là kẻ đã thọ thai ấm, đối cảnh liền sanh chấp

trước, từ giác đến giác thì ít nhưng từ mê vào mê lại nhiều. Bậc thượng căn còn như vậy, đối với kẻ trung căn, hạ căn còn biết nói sao nữa! Đoạn kiến hoặc giống như cắt dứt dòng sông rộng bốn mươi dặm, huống hồ là tư hoặc! Liễu sanh thoát tử há có dễ đâu! Do vậy, [các pháp môn khác] chẳng thể độ trọn ba căn, tuyên dương bổn hoài của Phật; chỉ có một pháp Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ, chuyên cậy vào hoằng thệ nguyện lực của Phật Di Đà là chẳng cần biết đến thiện căn thành thục hay chẳng thành thục, ác nghiệp là nặng hay nhẹ; cứ hễ sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật thì lúc lâm chung sẽ quyết định được Phật Di Đà thùy từ tiếp dẫn, vãng sanh

Tịnh Độ. Người thiện căn thuần thục sẽ nhanh chóng viên thành Phật quả; kẻ ác nghiệp nặng nề cũng được dự vào dòng thánh. Đấy chính là đạo cốt yếu để độ sanh của tam thế chư Phật, là pháp mầu nhiệm để thượng thánh lẫn hạ phàm cùng tu. Do vậy, các kinh Đại Thừa đều tuyên bày pháp quan yếu này; lịch đại tổ sư không vị nào chẳng tuân hành. Ông tự phụ Thiền, Giáo, bảo xằng rằng hoằng dương Tịnh Độ là báng chánh pháp luân, là đoạn diệt giống Phật, đủ chứng tỏ ông đã bị ma dựa vào thân, táng tâm bịnh cuồng, nhận mê là giác, chỉ chánh bảo tà, là chủng tử địa ngục vậy! Trong kiếp xưa, đức Thích Ca, đức Di Đà từng phát đại thệ nguyện độ thoát chúng sanh. Một vị thì hiện nơi uế độ, dùng cái uế, dùng điều khổ để chiết phục và thúc đNy chúng sanh tiến tu; một vị an cư Tịnh Độ, lấy tịnh, lấy lạc để nhiếp thọ hòng đào luyện chúng sanh. Ông chỉ biết là ngu phu, ngu phụ vẫn có thể niệm Phật nên đến nỗi miệt thị Tịnh Độ, sao chẳng xét suy: trong phNm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, sau khi ngài Thiện Tài đã chứng ngộ gần bằng chư Phật, Phổ Hiền Bồ Tát bèn dạy ngài phát mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu viên thành Phật quả. Nhân đấy, khuyên dạy khắp Hoa Tạng hải chúng hay sao? Trong toàn thể Hoa Tạng hải chúng, chẳng có một ai là phàm phu, Nhị Thừa, mà đều là bậc Pháp Thân Đại Sĩ ở địa vị bốn mươi mốt cùng phá vô minh, cùng chứng pháp tánh. Các ngài đều có thể nương vào bổn nguyện luân mà hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật. Hơn nữa, trong biển Hoa Tạng có vô lượng Tịnh Độ, nhưng các ngài đều hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới thì phải biết là Vãng Sanh Cực Lạc chính là huyền môn để thoát khổ, là đường

tắt để thành Phật. Vì vậy, tự cổ chí kim, trong tất cả tùng lâm dù Thiền hay Giáo, không nơi nào là chẳng sớm chiều trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây phương. Ông đã tham bái khắp các tùng lâm, ắt hẳn hằng ngày cũng tu tập, thế sao lại sanh hủy báng đến thế! Sách Nho có nói: “Tu tập mà chẳng xem xét, dùng hằng ngày mà không biết”, há không phải là nói đến hạng người như ông hay sao? Hơn nữa, Hoa Nghiêm là vua của các kinh, vua trong Tam Tạng; chẳng tin Hoa Nghiêm thì là nhất xiển đề. Dẫu cho chẳng đọa vào A Tỳ ngay khi còn sống thì khi báo hết sẽ quyết định rớt vào Vô Gián. Tôi muốn thoát khổ nên cầu sanh Tịnh Độ, ông muốn được khổ nên hủy báng Hoa Nghiêm. Ông cứ giữ cái chí của ông, tôi hành cái đạo của tôi. Tướng quân chẳng xuống ngựa, ai nấy tự ruổi theo đường mình. Đạo đã khác thì chẳng thể bàn luận được! Ông đi đi, tôi chẳng

muốn trò chuyện với ông nữa! Ông ta đáp: - Đạo quý ở chỗ hoằng thông, hễ nghi thì cần phải đoạn nghi., sao thầy lại cự tuyệt đến thế? Tôi thường nghe Tỳ Lô Giá Na Như Lai ở khắp hết thảy chỗ, nơi đức Phật ở gọi là Thường Tịch Quang; chỉ cần chứng được pháp thân thì đương xứ chính là Tịch Quang Tịnh Độ. Sao lại phải dùng cái tâm sanh diệt bỏ Đông lấy Tây mới coi là được vậy? Tôi đáp: - Ông nói sao dễ dàng quá! Tịch Quang Tịnh Độ tuy chính là đương xứ; nhưng nếu chẳng phải là đoạn trí đã đạt đến rốt ráo, đã viên chứng pháp thân Tỳ Lô thì chẳng thể đích thân thọ dụng triệt để nổi! Các địa vị như: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Đẳng Giác, cả bốn mươi mốt địa vị trong Viên Giáo vẫn là phần chứng. Nếu ông đã chứng được Tỳ Lô pháp thân thì nói đương xứ chính là Tịch Quang cũng chẳng hại gì; còn nếu chưa

được như thế thì dẫu có nói đến thức ăn cùng tính đếm của cải vẫn chẳng thể tránh khỏi bị chết vì đói lạnh được! Ông ta hỏi: - Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà là điều trong Tông môn thường nói chẳng lẽ là sai lầm hay sao? Tôi nói: - Thuyết đó của nhà Thiền chuyên chỉ về lý tánh chứ chẳng bàn đến sự tu. Vì sao vậy? Nhà Thiền muốn cho người ta trước hết biết đến cái lý phàm, thánh, chúng sanh và Phật tu chứng, chẳng dính mắc nhân quả. Sau đấy mới y theo lý đó mà phát khởi tu nhân hòng chứng quả, siêu phàm nhập thánh. Đấy chính là mặt sự: chúng sanh chứng thành Phật đạo. Sao ông lẫn lộn sự và lý, tri kiến điên đảo đến thế! Ông lại bảo bỏ Đông lấy Tây là sanh diệt, nhưng chẳng biết chấp Đông bỏ Tây lại là đoạn diệt. Phàm còn chưa chứng Diệu Giác thì có ai thoát khỏi thủ, xả? Ba a tăng kỳ kiếp chọn lựa hạnh nghiệp, trăm kiếp tu nhân, thượng cầu, hạ hóa, đoạn hoặc chứng chơn, có việc gì chẳng phải là thủ xả đâu? Phải nên biết là do đức Như Lai muốn cho hết thảy chúng sanh mau chứng đắc pháp thân và Tịch Quang, cho nên Phật mới đặc biệt khuyên trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây phương vậy! Hỏi: - Sách Hoa Nghiêm Hợp Luận của Táo Bá Lý Trưởng Giả nhận định Tây phương Tịnh Độ chỉ [dành cho] hàng phàm phu còn có một phần chấp tướng, chưa tin nổi thật lý của Pháp Không. Nếu chuyên ức niệm cõi ấy thì tâm sẽ được tịnh một phần, sẽ được sanh Tịnh Độ. Pháp đó là Quyền pháp chứ chẳng phải Thật pháp; vì sao Hoa Tạng hải chúng lại cùng nguyện vãng sanh? Ngài Táo Bá chứng thánh quả ngay trong hiện đời, thần thông trí huệ chẳng thể nghĩ bàn; nhất quyết ngài phải là Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm thị hiện thì lời ngài nói nhất định chẳng sai lầm quyết chẳng sai lầm!

Đáp: - Tuy ngài Táo Bá là Bồ Tát thị hiện, nhưng khi ấy kinh Hoa Nghiêm chưa được truyền đến [Trung Hoa] trọn vẹn, ngài chẳng dự đoán được nên mới lập thuyết như vậy. Xét ra, ngài Táo Bá tạo luận vào năm Khai Nguyên đời vua Đường Huyền Tông. Sau khi viết xong luận, ngài liền nhập diệt; phải hơn năm mươi năm sau, mãi đến năm Trinh Nguyên thứ mười một đời vua Đức Tông, vua nước Ô Trà ở Thiên Trúc mới dâng bộ Hoa Nguyên Phổ Hiền Hạnh Nguyện PhNm gồm bốn mươi cuốn bằng Phạn văn. Đến năm Trinh Nguyên thứ mười bốn, kinh mới dịch xong để lưu thông. Ba mươi chín quyển trước tương ứng với phNm Nhập Pháp Giới [của bản Hoa Nghiêm] tám mươi cuốn, nhưng văn nghĩa [trong bản Hoa Nghiêm bốn mươi quyển] có phần tường tận

hơn. Trong cuốn thứ tám mươi, ngài Thiện Tài nương vào sức oai thần lực ngài Phổ Hiền, sở chứng đã ngang với đức Phổ Hiền nên ngài Phổ Hiền bèn đọc cho nghe bài kệ khen ngợi công đức thắng diệu của Như Lai. Tuy kinh văn đến đây đã hết, nhưng chưa có phần kết nên pháp hội vẫn chưa kết thúc. Bởi vậy, mới có phNm Hạnh Nguyện. Trong cuốn thứ bốn mươi, ngài Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương để khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng khiến cho họ hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới; nói xong, Như Lai khen ngợi, đại chúng phụng hành. [Đến đây], kinh văn mới hoàn bị. Vì lẽ đó, cổ đức mới đem quyển này đặt nối theo sau tám mươi quyển kia để kẻ hậu học đều được thọ trì toàn bộ bản kinh vậy. Cổ đức cho rằng một pháp Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ chỉ Phật với Phật mới biết trọn vẹn, bậc Đăng Địa Bồ Tát còn chẳng biết nổi ít phần, chính là ý này. Pháp Tịnh Độ gồm tóm trọn hết thảy bậc thượng căn lợi khí chẳng

còn sót vậy. Kinh Đại Tập dạy: ‘Đời mạt pháp ức ức kẻ tu hành, hiếm một ai đắc đạo. Chỉ nương theo pháp Niệm Phật thì mới thoát khỏi sanh tử’; như vậy, pháp Tịnh Độ cũng thâu nhiếp hết thảy thiên nhân, lục đạo cụ phược phàm phu chẳng còn sót gì! Ông tin ngài Táo Bá mà chẳng tin phNm Hạnh Nguyện và kinh Đại Tập, tức là tuân theo cáo thị oai quyền một thuở của quan huyện, trái nghịch sắc chỉ của hoàng đế muôn đời chẳng đổi. Sao mà chẳng biết tôn, ty, khinh, trọng đến như thế ấy! Hỏi: - Nếu đã là hải chúng thị hiện, sao lại phải đợi có kinh mới biết? Đáp: - Hoằng dương Phật pháp thật chẳng phải là việc dễ! Cần phải có chứng cứ thì mới gây được lòng tin. Một bộ kinh Hoa Nghiêm siêu việt các kinh, chẳng thể không có dẫn chứng mà tự lập thuyết được! Hỏi: - Lúc kinh Niết Bàn chưa truyền đến Trung Hoa, sao ngài Đạo Sanh đã đề xướng trước là Nhất Xiển Đề cũng có Phật tánh. Há có nên bảo là ngài Táo Bá chẳng bằng ngài Đạo Sanh ư? Đáp: - Xiển Đề nguyên là chúng sanh mà hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh thì sao riêng Xiển Đề lại chẳng có? Bậc có trí thức đều có thể dự đoán được điều này; còn chuyện vãng sanh sẽ viên mãn Phật quả thì các kinh tuyệt chưa tuyên nói, ai dám tự ý xướng xuất nên giáo nghĩa đó? Điều thứ hai là sự và lý tuyệt đối chẳng mâu thuẫn nhau nên chẳng thể dẫn trường hợp này làm chứng. Còn về sở chứng của hai vị thì chẳng phải điều bọn phàm phu thấp sát đất ta biết được nổi, dám đâu hý luận! Phải biết là Bồ Tát hoằng pháp hoặc thuận hoặc nghịch, dùng các thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Biết đâu ngài Táo Bá thị hiện không biết cốt là để đôn đốc sự tin tưởng nơi người đời sau.

Hỏi: - Các sư Thiền tông đa số chê bỏ Tịnh Độ, đó là vì lẽ gì? Đáp: - Các sư Thiền tông chỉ truyền Phật tâm nên tất cả ngôn thuyết đều quy hướng về đấy. Ông đã tham Thiền nhiều năm mà còn chẳng biết lẽ này thì cái hiểu biết của ông đều là ác tri kiến phá hoại Thiền tông vậy. Hỏi: - Tôi còn đang là phàm phu sát đất, dám đâu lung lăng. Đấy thật là lời lẽ của chư Tổ, quyết có thể lấy làm bằng chứng. Lục Tổ nói: “Người Đông phương tạo tội niệm Phật cầu sanh Tây phương. Người Tây phương tạo tội niệm Phật cầu sanh cõi nào?” Ngài Triệu Châu nói: “Lão tăng niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày”.

Phần nhiều các sư Thiền tông có những câu nói thế ấy thì thầy lại bảo sao đây? Đáp: - Lục Tổ trực chỉ hướng thượng để cho người ta biết giữ lấy tự tâm, còn ông lại chẻ văn giải nghĩa, biện luận pháp môn tu trì; đấy là coi cái yên của người cưỡi lừa chính là cái cằm của người cưỡi, lầm lẫn quá thể! Ông phải biết là người ở Tây phương đã hết sạch kiến hoặc và tư hoặc, tiến lên phá được trần sa hoặc và vô minh hoặc. Họ chỉ có tấn tu, tuyệt không có việc tạo tội. Tổ nói "kẻ ấy cầu sanh cõi nào?" là nếu trong lúc ấy mà chưa đoạn được kiến hoặc, tư hoặc thì nương nhờ Phật từ lực, kẻ đới nghiệp vãng sanh sẽ được sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ. Một phen đã sanh trong cõi kia rồi thì hai hoặc: kiến và tư sẽ triệt để tiêu diệt, giống như quăng miếng tuyết vào lò lửa lớn, tuyết chưa rơi đến nơi đã biến mất. Thân cận người đức hạnh thì ý niệm thô lậu sẽ tiêu hết. Nếu như kiến hoặc, tư hoặc đã hết sạch thì sẽ sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ; phá được một phần vô minh thì sanh vào Thật Báo Vô Chướng Ngại Tịnh Độ. Khi vô minh hết sạch, phước huệ viên mãn thì

sẽ sanh Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Tại cõi này hiện chứng như thế thì tại cõi kia tấn tu cũng sẽ như thế. Sao ông quá lo họ không có chốn để sanh về để rồi tự chướng mình, chướng người, chẳng chịu cầu sanh? Nghe nói [người khác] ăn bị mắc nghẹn nên bèn bỏ cả ăn đến nỗi chết mất thì đúng là kẻ si trong thiên hạ, ông đừng có giống như vậy! Ông chỉ biết một câu của ngài Triệu Châu: "Một chữ Phật, ta chẳng thích nghe" mà chẳng dẫn luôn câu kế tiếp. Ông tăng hỏi: "Hòa thượng có vì người không?" Triệu Châu nói: "Phật, Phật!" Ông chỉ muốn căn cứ vào câu 'Niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày' mà chẳng dựa theo câu: "Hòa thượng nhận của cúng dường của đại vương như thế, sẽ dùng gì để báo đáp?" Triệu Châu nói: "Niệm Phật". Lại chẳng y theo câu: "Tăng hỏi: 'Mười phương chư Phật, lại có thầy chăng?' Triệu Châu nói: 'Có'. Hỏi: 'Thầy của chư Phật là gì?' Triệu Châu đáp: 'A Di Đà Phật, A Di Đà Phật'. Ông bảo phần nhiều các sư Thiền tông nói như thế, nhưng chẳng biết lời đáp tương ứng căn cơ được gọi là cơ phong, gọi là chuyển ngữ. Hỏi ở nơi đáp, đáp ở nơi hỏi. Ông chẳng biết phản chiếu hồi quang, tham cứu nơi chính mình, chỉ một bề nhai bã hèm, chạy theo đất cục, bao giờ mới thấy tánh được! Tôi xuất gia hơn ba mươi năm, luôn nghe chư Tăng nhắc một câu "Niệm Phật súc miệng ba ngày', còn câu "lấy Phật, Phật để độ người", "dùng niệm Phật báo ân", "A Di Đà Phật là thầy chư Phật" tuyệt chưa từng nghe có ai nhắc đến một lần. Ôi! Những câu trên đều cùng từ một miệng thốt ra, nếu đã cho câu trước là thật đáng tin thì câu sau cũng phải là thật đáng tin, cớ sao chỉ chấp nhận lời tổn, còn lời ích lại bỏ đi! Một thuận, một

chống, tự mâu thuẫn nhau. Phàm lời nói của ngài Triệu Châu đều quy về bổn phận; câu 'Phật chẳng thích nghe' cùng câu 'Niệm Phật báo ân' đều là chuyển ngữ. Nếu có thể ngay trong những câu đó mà biết được tự tâm thì mới biết rằng đạo của ngài Triệu Châu vượt khỏi thường tình, ý nghĩa vượt ngoài ngôn ngữ, thì sẽ siêng năng niệm Phật suốt cả ngày còn thấy là chưa đủ vậy! Nếu như đã không được đích thân gặp ngài Triệu Châu thì sao chẳng lấy việc Niệm Phật làm sự tu trì, há có nên chấp lấy câu bác Phật

làm căn cứ! Hễ niệm Phật thì ngay trong đời này sẽ thoát khỏi luân hồi, trong tương lai quyết định thành Phật. Còn nếu nương theo lời bác Phật thì là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng; hiện đời tội nghiệp chất như núi, phước huệ băng tiêu, khi mạng chung sẽ vĩnh viễn đọa trong A Tỳ chịu khổ nhiều kiếp. Lẽ lợi hại, được mất như thế ấy thật là một trời, một vực. Người đời nay toàn là hạng phước mỏng, huệ cạn, nghiệp nặng, chướng sâu; đối với điều được lợi ích thì khủng khỉnh nghe; đối với điều khiến mình bị tổn hại lại toàn thân rạp lạy. Lời chư Tổ đáp theo căn cơ thảy đều như thế, chẳng phiền phải giải thích cặn kẽ. Ông bảo là lời chơn thành của Tổ quyết có thể dùng làm bằng chứng thì sao chẳng tuân theo lời ngài Bách Trượng: "Tu hành thì niệm Phật là ổn đáng!" Sao ông cũng lại chẳng tuân những quy củ ngài Bách Trượng đã lập: cầu thọ cho vị tăng mắc bệnh, tống tiễn, thiêu hóa vị tăng đã mất, [những quy củ ấy] chẳng phải đều là hồi hướng vãng sanh Tịnh Độ đó ư? Có nên bảo là: Ngài Bách Trượng chỉ muốn cho kẻ chết được vãng sanh, chứ chẳng muốn kẻ sống cầu sanh hay sao! Sao ông chẳng thuận theo tổ thứ mười bốn ở trời Tây là ngài Long Thọ Bồ Tát: Như Lai huyền ký Bồ Tát sẽ vãng sanh, khôi phục kinh Hoa

104 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

Nghiêm từ long cung. Ngài tạo nhiều bộ luận để riêng khen ngợi Tây phương như luận Tỳ Bà Sa khen ngợi Tịnh Độ là đạo dễ tu chóng đến đó ư! Sao ông lại chẳng tuân theo tổ thứ mười hai là Mã Minh Bồ Tát: Trong phần cuối của luận Khởi Tín, ngài có dạy phương tiện tối thắng khiến người niệm Phật cầu sanh Tây phương thường hầu Di Đà, trọn chẳng thối chuyển? Sao ông lại chẳng làm theo Nhị Tổ A Nan, Sơ Tổ Ca Diếp kết tập Tam Tạng và các kinh Tịnh Độ? Nếu Tịnh Độ chẳng đáng là pháp, là có hại cho đời thì các ngài há chẳng phân biệt tốt xấu vẫn giữ lại khiến cho hậu thế tạo tội hay sao? Thêm nữa, các kinh Đại Thừa đều khen ngợi Tịnh Độ, chỉ có kinh Tiểu Thừa là không có lấy một chữ nhắc đến. Há nên bảo các kinh Đại Thừa chẳng đáng là pháp sao? Hơn nữa, lúc đức Phật nói kinh Di Đà, sáu phương hằng sa số chư Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài khuyên tin kinh này; ông có nên nói là sáu phương chư Phật cũng khiến người mắc tội hay sao? Nếu như ông bảo chẳng thể không tin các vị Lục Tổ, Triệu Châu... thì cũng chẳng thể chẳng tin các ngài Long Thọ, Mã Minh, A Nan, Ca Diếp, Thích Ca, Di Đà, sáu phương chư Phật, các kinh Đại Thừa! Nếu bảo chư Phật, chư Tổ, các kinh đều chẳng đáng tin thì sao lại tin lời Lục Tổ, Triệu Châu...? Thấy gần mà chẳng thấy xa, biết nhỏ chẳng hay lớn, giống như kẻ nhà quê chỉ nể thế lực ông huyện, chẳng biết oai đức hoàng đế; trẻ nhỏ thấy tiền đồng bèn chộp lấy, gặp ma ni bảo châu chẳng thèm đoái hoài. Ông lại có biết bài Tứ Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh chỉ bày lẽ có không, lợi hại, được mất của Thiền và Tịnh hay chăng? Ngài Vĩnh Minh là hóa thân của Phật Di Đà, há lẽ nào ngài đành để người khác mắc tội báng chánh pháp luân,

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 105

đành khiến chúng sanh nghi lầm, đoạn diệt Phật chủng hay sao? Ông ta đáp: - Bài Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh quá chi ly, chẳng đáng để làm khuôn phép, vì sao vậy? Ông ấy nói: Có Thiền, có Tịnh Độ, ví như cọp mọc sừng, hiện đời làm thầy người, đời sau làm Phật, Tổ. Nếu đúng như lời ông ta nói thì phần đông các Thiền giả hiện tại đều khán

câu Người Niệm Phật Là Ai? Lại có vị trụ trong Niệm Phật Đường niệm Phật bao năm, họ có đều hiện đời là thầy của người ta, kiếp sau liền thành Phật, Tổ đâu? Lại nói: "Không Thiền có Tịnh Độ, muôn người tu muôn người đỗ, nếu gặp Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ?" Nay kẻ ngu phu, ngu phụ chuyên niệm danh hiệu Phật đâu đâu cũng có; chưa thấy mấy kẻ khi lâm chung hiện các tướng lành, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây phương. Bởi vậy, tôi biết là Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh là pháp chẳng đầy đủ! Tôi nói: - Sao ông hấp tấp nuốt trộng quả táo, chẳng nếm mùi vị của nó như thế. Liệu Giản của tổ Vĩnh Minh chính là cương tông của Đại Tạng, là khuôn phép tu trì. Trước hết phải nhận thức đích xác thế nào là Thiền, thế nào là Tịnh? Thế nào là hữu, thế nào là vô? Rồi mới phân tích theo lời văn thì sẽ biết mỗi một chữ đều như trời tạo, đất dựng, không chữ nào chẳng xác đáng, không chữ nào có thể thay đổi được! Trong vòng mươi năm lại đây, tôi thấy lời lẽ các sư giảng Thiền đều giống hệt lời của ông, chẳng có chút gì khác. Kiến thức như thế thì đúng là Thiền cùng Tịnh Độ mỗi ngày một suy tàn. Hỏi: - Sao gọi là Thiền, Tịnh cùng với hữu, vô, cúi xin dạy rõ cho! Đáp: - Thiền chính là Chơn Như Phật tánh vốn sẵn có của chúng ta. Trong nhà Thiền gọi đó là cái "bổn lai diện

mục trước lúc cha mẹ chưa sanh ra"; nhưng nhà Thiền chẳng nói rõ ra, chính là để người khác tham cứu tự chứng ngộ lấy nên mới nói như vậy. Đó chính là tâm thể thuần chơn, không năng, không sở, tức tịnh, tức chiếu vậy, linh tri ly niệm vậy (Linh tri ly niệm nghĩa là trọn chẳng có ý niệm nhưng luôn nhận thức rõ ràng cảnh vật hiện tiền). Tịnh Độ là tín nguyện, trì danh, cầu sanh Tây phương, chứ chẳng phải chỉ nói đến Duy Tâm Tịnh Độ, Tự Tánh Di Đà. "Có Thiền" là tận sức tham cứu, niệm tịch, tình vong, thấy thấu suốt cái bổn lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh. "Có Tịnh Độ" là chơn thật phát Bồ Đề tâm, sanh tín, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây phương. Thiền và Tịnh Độ chỉ là ước theo giáo, ước theo lý. Còn "có Thiền" và "có Tịnh Độ" là ước theo căn cơ, ước về tu. Về giáo lý thời hằng nhiên như thế; Phật chẳng thể tăng, phàm chẳng thể giảm. Xét về căn cơ, tu hành thì phải nương vào giáo để khởi hạnh; hành cho đến khi chứng ngộ tột cùng lý, sao cho mình thiệt được, thiệt có. Hai điều ấy (Thiền Tịnh và Có Thiền Có Tịnh) xét về văn từ tuy tương tự nhưng thật ra rất khác nhau, phải suy xét kỹ càng chớ có lẫn lộn. Nếu như tham Thiền nhưng chưa ngộ hoặc ngộ chưa triệt để thì đều chẳng được gọi là Có Thiền. Nếu như niệm Phật nhưng chỉ chấp duy tâm, không có tín, nguyện; hoặc có tín nguyện nhưng chẳng chơn thành, thiết tha, lơ lơ là là, làm cho lấy có; hoặc hạnh tuy tinh tấn nhưng tâm mến luyến trần cảnh, hoặc cầu đời sau sanh trong nhà phú quý để hưởng vui ngũ dục, hoặc cầu sanh lên trời để hưởng phước lạc cõi trời, hoặc cầu đời sau xuất gia làm Tăng, nghe một ngộ cả ngàn, được đại tổng trì, hoằng dương pháp đạo, phổ lợi chúng sanh thì đều chẳng được gọi là Có Tịnh.

Hỏi: - Xuất gia làm Tăng hoằng pháp lợi sanh lại có lỗi chi mà cũng bị loại trừ? Đáp: - Nếu đã đoạn kiến tư hoặc, đã liễu sanh tử, nương theo nguyện Đại Thừa thị hiện sanh

trong đời trược, thượng hoằng hạ hóa độ thoát chúng sanh thì được. Còn nếu tuy có trí nguyện nhưng chưa đoạn được kiến, tư hoặc thì dẫu cho lúc ban đầu thọ sanh chẳng mê, cũng lại khó giữ [không mê] trọn đời, nhiều đời. Tuy có thể hoằng pháp nhưng chưa chứng vô sanh, tình chủng vẫn còn nên khi gặp cảnh đối duyên sẽ khó tránh khỏi bị mê hoặc. Kẻ đã mê theo cảnh mà còn có thể mau giác ngộ thì trong cả vạn người chẳng có được một, hai; từ mê vào mê, chẳng thể tự độ, trọn kiếp trầm luân thì thật là vô số! Vì nghĩa ấy, đức Như Lai mới dạy người vãng sanh Tịnh Độ, gặp Phật, nghe pháp, chứng vô sanh nhẫn. Sau đó, nương theo Phật từ lực và tâm nguyện của mình trở vào Sa Bà độ thoát chúng sanh. Đấy chính là có tiến chẳng thoái, có được không mất vậy. Chưa đoạn kiến tư hoặc mà trụ trong cõi này hoằng pháp thì các tông khác còn chấp nhận, chứ Tịnh Tông dứt khoát ngăn cấm. Đời lắm kẻ cho rằng tham Thiền là Có Thiền, niệm Phật là có Tịnh Độ; như vậy thì chẳng những đã không hiểu Thiền, Tịnh mà còn chẳng hiểu văn nghĩa, cô phụ tấm lòng đại từ bi của ngài Vĩnh Minh Cổ Phật, cắt đứt con đường tắt thoát khổ cho hành nhân đời sau. Tự mình lầm, làm người lầm, há chẳng là gây hại quá sức hay sao? Đấy chính là nhận lầm hướng la bàn, sai suyển hào ly thì xa cách đến một trời một vực vậy. Ông ta nói: - Tôi đã tạm hiểu ý nghĩa của Thiền, Tịnh và có - không; xin thầy giảng giải rành mạch lời văn sâu nhiệm của cả bốn bài kệ cho! Tôi nói:

108 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

Có thiền, có tịnh Tịnh Độ. Như cọp mọc thêm sừng. Hiện tại làm thầy người, Đời sau làm Phật, Tổ Nghĩa là: Người ấy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập Kinh tạng, hiểu trọn vẹn các pháp môn Quyền, Thật của Như Lai; nhưng trong các pháp lại chỉ chọn lấy một pháp Tín Nguyện Niệm Phật để làm chánh hạnh tự lợi, lợi người. Bậc thượng phNm thượng sanh đọc tụng Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa như đã nói trong Quán Kinh chính là hạng người này vậy. Người ấy có đại trí huệ, có đại biện tài; tà ma, ngoại đạo nghe tên vỡ mật. Người ấy như cọp đeo thêm sừng oai mãnh không chi sánh bằng. Đối với kẻ đến học sẽ thuyết pháp tùy theo căn cơ: Thấy nên dùng Thiền Tịnh Song Tu để tiếp dẫn thì sẽ dùng Thiền Tịnh Song Tu tiếp độ; chỉ nên dùng chuyên tu Tịnh Độ để tiếp dẫn thì sẽ dùng chuyên tu Tịnh Độ tiếp độ. Chẳng luận thượng, trung, hạ căn không ai là chẳng được nhuận trạch, há chẳng phải là bậc đạo sư của trời, người hay sao? Đến lúc lâm chung, người ấy được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phNm; trong khoảng khảy ngón tay hoa nở gặp Phật, chứng vô sanh nhẫn; thấp nhất thì cũng chứng bậc Sơ Trụ trong Viên giáo; cũng có người đốn siêu các địa vị, đạt đến bậc Đẳng Giác. Bậc Sơ Trụ trong Viên giáo đã có thể hiện thân làm Phật trong trăm ngàn cõi, huống hồ là các địa vị kế tiếp đó lại càng lần lượt thù thắng hơn; nhất là địa vị Đẳng Giác thứ bốn mươi mốt! Vì vậy Tổ mới nói: Đời sau làm Phật Tổ.

Không thiền có Tịnh Độ. Vạn người tu, vạn đỗ.

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 109

Nếu gặp Phật Di Đà, Lo gì chẳng khai ngộ Nghĩa là: Hành nhân tuy chưa minh tâm, kiến tánh, nhưng đã quyết chí cầu sanh Tây phương. Do vì trong kiếp xưa, đức Phật đã

phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con; nếu chúng sanh thật sự có thể [nhớ Phật] như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật thì sẽ cảm ứng đạo giao, liền được đức Phật nhiếp thọ. Vì ra sức tu Định, Huệ nên được vãng sanh. Kẻ ngũ nghịch, thập ác lúc lâm chung bị các sự khổ bức bách bèn sanh lòng hổ thẹn lớn lao, xưng niệm danh hiệu Phật đến mười tiếng hoặc chỉ một tiếng thì ngay trong lúc lâm chung, họ đều sẽ được Phật hóa thân tiếp dẫn vãng sanh. Đấy há chẳng phải là vạn người tu, vạn đỗ hay sao? Những kẻ đó tuy niệm Phật chẳng lâu nhưng do niệm Phật cực kỳ mãnh liệt nên có thể đạt được lợi ích lớn lao ấy, chẳng nên so với kẻ tu hành lơ lơ là là mà luận là niệm nhiều hay ít. Đã sanh về Tây phương thì tuy gặp Phật, nghe pháp có nhanh, chậm chẳng đồng, nhưng đều đã cao dự dòng thánh, trọn chẳng thối chuyển. Tùy theo căn tánh sâu, cạn, hoặc tiệm hay đốn mà chứng các quả vị. Đã được chứng quả thì cần gì bàn đến khai ngộ nữa. Ấy chính là: Nếu gặp Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ vậy.

Có Thiền không Tịnh Độ, Mười tu, chín lần chần, Ấm cảnh nếu hiện tiền, Chớp mắt đi theo nó. Nghĩa là: Hành nhân tuy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, nhưng kiến, tư, phiền não chẳng dễ đoạn trừ, phải trải qua nhiều kiếp trui luyện mới trừ sạch hết chẳng sót, mới có thể xuất ly phần đoạn sanh tử. Người

chưa đoạn một mảy nào thì chẳng cần bàn đến! Còn nếu dẫu chỉ còn một mảy chưa đoạn sạch hết thì lục đạo luân hồi vẫn y như cũ khó thoát. Biển sanh tử sâu thẳm, đường Bồ Đề xa vời; còn chưa về được đến nhà thì đã mạng chung! Người đại ngộ mười người hết chín đều như vậy. Cho nên mới nói: Mười người, chín lần chần. Lần chần (ta đà) là chần chờ. Ấm cảnh là cảnh của trung ấm thân; tức là những cảnh được hiển hiện trong khi lâm chung bởi nghiệp lực thiện, ác trong đời này và bao kiếp. Một khi những cảnh ấy hiện ra, trong chớp mắt sẽ liền đi theo nghiệp lực thiện, ác nào mạnh mẽ nhất để đi thọ sanh trong đường thiện hay ác; chẳng thể làm chủ tình thế dẫu chút mảy may nào! Giống như người mắc nợ, chủ nào mạnh sẽ kéo đi trước. Tâm tình lắm mối đa đoan, chỗ nào nặng hơn thì sẽ rớt vào đấy. Ngũ Tổ Giới Nhiễm sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công đều là do lẽ trên vậy. Bởi thế mới nói: Ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó. Chữ Ấm: âm và nghĩa đồng với chữ Âm, nghĩa là che đậy; tức là: do nghiệp lực này che lấp nên chơn tánh chẳng thể hiển hiện. Chớp mắt (ế) nghĩa là nháy mắt, chớp mắt. Có người hiểu chữ Ta là lầm, Ấm Cảnh là ngũ ấm ma cảnh, chung quy vì chẳng hiểu chữ Thiền và chữ Có nên đến nỗi giảng nói hồ đồ như vậy. Lẽ nào những bậc đại triệt đại ngộ mười người tu chín người lạc đường đi theo ngũ ấm ma nên bị ma dựa phát cuồng? Phàm những kẻ bị ma dựa phát cuồng đều là kẻ chẳng biết giáo lý, chẳng minh tự tâm, là giống tăng thượng mạn, tu mù luyện đui mà thôi. Sao chẳng biết hay dở, lại đem gán cho bực đại triệt đại ngộ! Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể chẳng biện luận rõ.

Không Thiền không Tịnh Độ. Giường sắt và cột đồng. Vạn kiếp cùng muôn đời. Không một ai nương dựa. Có kẻ bảo không Thiền, không Tịnh tức là vùi đầu tạo nghiệp ác,

chẳng tu pháp lành. Lầm to, lầm to! Dù pháp môn vô lượng nhưng chỉ có Thiền và Tịnh là thích hợp cho các căn cơ hơn hết. Hành nhân chưa được triệt ngộ, lại chẳng cầu sanh, lơ lơ là là tu các pháp môn khác, Định - Huệ đã chẳng thể quân bình để đoạn hoặc chứng chơn, lại chẳng nương vào Phật từ lực để mang nghiệp vãng sanh; đem công đức trọn đời tu trì để cảm lấy phước báo sanh trong trời, người. Hiện đời đã không chánh trí thì đời sau ắt sẽ theo phước chuyển chìm đắm trong ngũ dục, tạo đủ các ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp sẽ khó thoát ác báo. Khi một hơi thở chẳng hít vào được nữa thì liền đọa địa ngục, rành rành sẽ ở trong bao kiếp dài lâu nằm lăn nơi giường sắt, ôm ấp cột đồng để đền trả lòng tham thanh sắc, giết hại sanh mạng v.v... các thứ ác nghiệp. Tuy chư Phật, Bồ Tát rủ lòng xót thương, nhưng do ác nghiệp ngăn chướng, người ấy vẫn chẳng thể được huởng lợi ích. Người xưa nói: “Người tu hành nếu chẳng chánh tín, cầu sanh Tây phương, tu hành đủ các việc thiện khác thì gọi là kẻ oán đời thứ ba”, chính là ý này. Ấy là vì đời nay tu hành, đời sau hưởng phước; vì ỷ phước làm ác nên liền bị đọa lạc. Đạt được cái vui giả tạm trong đời kế mà muôn kiếp phải vĩnh viễn chịu khổ. Ví dù nghiệp địa ngục tiêu thì lại chuyển sanh làm quỷ, súc; muốn có lại được thân người thì thật là điều khó nhất trong những điều khó. Vì vậy, Phật lấy tay chấm đất rồi hỏi A Nan rằng: “Đất trong tay ta là nhiều, hay đất trong đại địa là nhiều?” A Nan bạch Phật: “Đất trong đại

địa nhiều”. Phật nói: “Được thân người như đất trong tay, mất thân người như đất trong đại địa”. [Xét theo lời Phật] thì muôn kiếp, ngàn đời, không một người nương dựa vẫn là lời luận rất gần vì câu ấy còn hạn cuộc vào âm vận của bài kệ. Ôi, hết thảy pháp môn chuyên cậy vào tự lực; pháp môn Tịnh Độ chuyên nhờ Phật lực. Trong hết thảy pháp môn, phải trừ sạch hoặc nghiệp thì mới liễu sanh tử; còn trong pháp môn Tịnh Độ: do đới nghiệp vãng sanh liền dự dòng thánh. Đại sư Vĩnh Minh sợ đời chẳng hiểu biết nên mới đặc biệt viết ra Liệu Giản để chỉ bày cho tương lai. Liệu Giản đáng gọi là chiếc bè báu nơi bến mê, là đạo sư nơi đường hiểm. Đáng tiếc người đời chỉ đọc lướt qua, chẳng chịu nghiên cứu kỹ. Có phải là do chúng sanh ác nghiệp đồng phận nên xui khiến thế chăng? Ông ấy nói: - Tôi xưa tội gì mà mê mất chơn thuyên, xưa có phước gì nay được nghe lời xuất yếu? Xin được ghé dự vào Tăng chúng, cầm nắm bình, khăn (9). Tôi bảo: - Tôi nào có đức gì mà dám nhận lời ấy. Những lời tôi nói đều là tuân theo ý chư Phật, chư Tổ. Nếu ông có thể ngưỡng tín Phật, Tổ, hoằng dương Tịnh Độ thì không đức gì chẳng báo được, không tội gì chẳng diệt được. Xưa ngài Thiên Thân Bồ Tát lúc ban đầu báng Đại Thừa, sau hoằng dương Đại Thừa để chuộc lỗi. Nếu ông có thể noi theo dấu chân ngài thì tôi nguyện xả thân cúng dường. Thượng tọa bèn lễ Phật, phát nguyện rằng: - Con tên là... từ nay trở đi chuyên tu Tịnh nghiệp, chỉ cầu khi lâm chung vãng sanh thượng phNm, gặp Phật, nghe pháp, đốn chứng vô sanh. Sau đấy, chẳng rời An Dưỡng, vào khắp mười phương, dùng các thứ phương tiện: nghịch, thuận, Nn, hiển để hoằng thông pháp này, độ thoát chúng sanh

đến tột cùng vị lai chẳng hề gián đoạn. Hư không có tận, con nguyện vô cùng. Nguyện Phật Thích Ca, Phật Di Đà, Thường Trụ Tam Bảo thương xót tấm lòng ngu thành của con, cùng rủ lòng nhiếp thọ. Tôi bảo: - Về sự, Tịnh Độ là đại nhân duyên; về lý, Tịnh Độ là bí mật tạng. Ông có thể tin nhận phụng hành được thì chính là lấy sự trang nghiêm của chư Phật để tự trang nghiêm. Thượng Tọa dạ dạ lui ra. Nhân đấy chép lại cuộc vấn đáp này để khuyên bảo người chưa biết đến pháp này.

A Di Đà Phật bách tụng (Một trăm bài kệ tán thán A Di Đà Phật) Xưa kia, ngài Triệt Ngộ thiền sư dùng các giáo nghĩa trong tông thừa viết ra một trăm bài kệ niệm Phật, văn từ và nghĩa lý đều viên diệu khiến người khác khai ngộ được tự tâm. Bạn tôi là Hòa Thượng Dật Nhân khi sưu tập các pháp ngữ Tịnh Độ xưa nay để soạn quyển Tây Phương Công Cứ này liền căn cứ vào các nghĩa trọng yếu trong nhân địa, quả vị của đức Phật A Di Đà mà soạn thành trăm bài tụng, mỗi bài bắt đầu bằng câu A Di Đà Phật, ngõ hầu tạo lợi lạc cho kẻ sơ cơ. Những bài tụng này khen ngợi đức A Di Đà trong lúc tu nhân đã bỏ nước xuất gia, phát ra bốn mươi tám nguyện, tu trọn lục độ vạn hạnh cho đến khi viên mãn ba Giác, chứng được mười ba danh hiệu. Sau đấy, còn khen ngợi sơ lược về sự trang nghiêm của cõi nước, Phật từ độ khắp, lợi ích của pháp môn Tịnh Độ. Dẫu văn từ nghĩa lý kém xa một trăm bài kệ niệm Phật của Tổ Triệt Ngộ, nhưng những lời nguyện và danh hiệu trong những bài tụng này rất có ích, giúp cho kẻ sơ cơ dễ bề ghi nhớ nên tôi đặc biệt đăng kèm vào đây.

114 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

Thích Ấn Quang ghi

1. A Di Đà Phật,
Nhân địa quả vị
Công đức khó nêu
Đành tạm điểm xuyết
2. A Di Đà Phật
Vô lượng kiếp trước
Làm kim luân vương
Nhân từ thương dân
3. A Di Đà Phật
Xem thường phù vinh
Bỏ nước lìa ngôi
Mong chứng Đại Hùng
4. A Di Đà Phật
Lễ Thế Tự Tại
Xả tục xuất gia
Pháp giới mãi nhờ
5. A Di Đà Phật
Pháp hiệu Pháp Tạng

Nêu lên một pháp
Bao hàm vô lượng
6. A Di Đà Phật
Đối Phật phát nguyện
Đại bi hoằng từ
Ân đức trọn khắp
TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 115

7. A Di Đà Phật
Đệ nhất đại nguyện:
Nguyện trong nước tôi
Không tam ác đạo
8. A Di Đà Phật
Đệ nhị đại nguyện:
Nước tôi thọ hết
Chẳng đọa ác đạo
9. A Di Đà Phật
Đệ tam đại nguyện:
Trời, người nước tôi
Thân chơn kim sắc
10. A Di Đà Phật
Đệ tứ đại nguyện:
Trời, người nước tôi
Hình dáng giống nhau
11. A Di Đà Phật
Đệ ngũ đại nguyện:
Trời, người nước tôi
Đều biết túc mạng
12. A Di Đà Phật
Đệ lục đại nguyện:
Trời người nước tôi
Thiên nhãn thấy khắp
13. A Di Đà Phật Đệ thất đại nguyện:

116 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

Trời người nước tôi Thiên nhĩ nghe khắp

14. A Di Đà Phật
Đệ bát đại nguyện:
Trời, người nước tôi
Đều biết tha tâm

15. A Di Đà Phật
Đệ cửu đại nguyện:
Trời người nước tôi
Thần túc vô ngại
16. A Di Đà Phật
Đệ thập đại nguyện:
Trời người nước tôi
Chẳng tham chấp thân
17. A Di Đà Phật
Đại nguyện mười một:
Trời người nước tôi
Trụ Định, chứng Diệt
18. A Di Đà Phật
Đại nguyện mười hai:
Thân tôi quang minh
Chẳng có hạn lượng
19. A Di Đà Phật
Đại nguyện mười ba:
Thân tôi, thọ mạng
Chẳng có hạn lượng
TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 117

20. A Di Đà Phật
Đại nguyện mười bốn:
Thanh Văn cõi tôi
Chẳng tính nổi số
21. A Di Đà Phật
Đại nguyện mười lăm:
Người nước tôi thọ
Dài ngắn tùy nguyện
22. A Di Đà Phật
Đại nguyện mười sáu:
Trời người nước tôi
Chẳng nghe tiếng ác.
23. A Di Đà Phật
Đại nguyện mười bảy:
Chư Phật khen ngợi
Danh hiệu của tôi
24. A Di Đà Phật
Đại nguyện mười tám:

Chí tâm tin ưa
Mười niệm ắt sanh
25. A Di Đà Phật
Đại nguyện mười chín:
Phát tâm vãng sanh
Lâm chung tiếp dẫn
26. A Di Đà Phật

118 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

Đại nguyện hai mươi: Muốn sanh nước tôi Không ai chẳng thỏa

27. A Di Đà Phật
Đại nguyện hăm mốt:
Trời, người nước tôi
Đủ băm hai tướng
28. A Di Đà Phật
Nguyện hai mươi hai:
Sanh về ắt chứng
Nhất sanh bổ xứ
29. A Di Đà Phật
Nguyện hai mươi ba:
Bồ Tát lúc ăn
Cúng khắp chư Phật
30. A Di Đà Phật
Nguyện hai mươi bốn:
Bồ Tát cúng Phật
Đồ cúng tùy ý
31. A Di Đà Phật
Nguyện thứ hăm lăm:
Bồ Tát thảy đều
Diễn thuyết diệu trí
32. A Di Đà Phật Nguyện thứ hăm sáu: Bồ Tát đều đắc

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 119

Thân Na La Diên

33. A Di Đà Phật
Nguyện thứ hăm bảy:
Nước tôi vạn vật
Thảy đều nghiêm tịnh
34. A Di Đà Phật

Nguyện thứ hăm tám:
Bồ Tát đều biết
Đạo thọ cao rạng
35. A Di Đà Phật
Nguyện hai mươi chín:
Bồ Tát tụng kinh
Đều đắc huệ biện
36. A Di Đà Phật
Nguyện thứ ba mươi:
Bồ Tát huệ biện
Chẳng có hạn lượng
37. A Di Đà Phật
Nguyện ba mươi mốt:
Nước sạch như gương
Soi thấy mười phương
38. A Di Đà Phật
Nguyện ba mươi hai:
Cung điện, lầu, quán
Bảo hương diệu nghiêm.
120 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

39. A Di Đà Phật
Nguyện ba mươi ba:
Được quang minh chiếu
Thân tâm nhu nhuyễn
40. A Di Đà Phật
Nguyện ba mươi bốn:
Nghe danh hiệu tôi
Đắc vô sanh nhẫn
41. A Di Đà Phật
Nguyện ba mươi lăm:
Gái nghe tên tôi
Thoát khỏi thân nữ.
42. A Di Đà Phật
Nguyện ba mươi sáu:
Bồ Tát nghe tên
Ắt thành Phật đạo
43. A Di Đà Phật
Nguyện ba mươi bảy:
Nghe danh hiệu tôi

Trời người cung kính
44. A Di Đà Phật
Nguyện ba mươi tám:
Nước tôi y phục
Nghĩ tới liền có
45. A Di Đà Phật Nguyện ba mươi chín:

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 121

Dân chúng hưởng vui Đều như lậu tận

46. A Di Đà Phật
Nguyện thứ bốn mươi:
Cây báu trong nước
Hiện các cõi Phật
47. A Di Đà Phật
Nguyện bốn mươi mốt:
Nghe danh hiệu tôi
Các căn chẳng khuyết
48. A Di Đà Phật
Nguyện bốn mươi hai:
Nghe danh hiệu tôi
Đắc tịnh giải thoát
49. A Di Đà Phật
Nguyện bốn mươi ba:
Nghe danh hiệu tôi
Được phước thắng diệu
50. A Di Đà Phật
Nguyện bốn mươi bốn:
Bồ Tát tùy nguyện
Đầy đủ cội đức
51. A Di Đà Phật
Nguyện bốn mươi lăm:
Nghe danh hiệu tôi
Đắc các tam muội
122 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

52. A Di Đà Phật
Nguyện bốn mươi sáu:
Bồ Tát tùy nguyện
Đều nghe diệu pháp
53. A Di Đà Phật

Nguyện bốn mươi bảy:
Nghe danh hiệu tôi
Được bất thối chuyển
54. A Di Đà Phật Nghe danh hiệu tôi: Đắc tam pháp nhẫn

55. A Di Đà Phật
Phát thệ nguyện xong
Đất động trời kinh
Phật, thánh hoan hỷ
56. A Di Đà Phật
Nguyện tuy bốn tám
Nhưng trong mỗi nguyện
Số đến trần sát
57. A Di Đà Phật
Thệ nguyện không ngằn
Dọc khắp ba đời
Ngang trọn mười phương
58. A Di Đà Phật Từ bi khó lường

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 123

Đức vượt thiên địa Ân hơn cha mẹ

59. A Di Đà Phật
Riêng dạy Tịnh tông
Cửu giới chúng sanh
Thảy đều kính tuân
60. A Di Đà Phật
Khởi vô duyên từ
Khiến khắp phàm thánh
Cùng chứng Bồ Đề
61. A Di Đà Phật
Vận đồng thể bi
Cửu giới chúng sanh
Cùng được dắt dìu
62. A Di Đà Phật
Lúc còn tu nhân
Tu trọn vạn hạnh
Hòng thỏa sơ tâm
63. A Di Đà Phật
Tu hạnh Tịnh Độ
Nhất tâm hư tịch

Tam nghiệp thanh tịnh
64. A Di Đà Phật
Tu hành Thí Độ
Trong ngoài đều xả
Tâm không chỗ trụ
124 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

65. A Di Đà Phật
Tu hành Giới Độ
Dứt trì lẫn phạm
Chơn tánh triệt ngộ
66. A Di Đà Phật
Tu hành Nhẫn Độ
Ngã kiến đã không
Còn chi thuận, chống
67. A Di Đà Phật
Tu hành Tấn Độ
Nhất niệm chẳng sanh
Vạn hạnh trọn vẹn
68. A Di Đà Phật
Tu hành Thiền Độ
Động tịnh thể ly
Chẳng vướng tịch, động
69. A Di Đà Phật
Tu hành Trí Độ
Ngũ uNn đều không
Chẳng phân mê, ngộ
70. A Di Đà Phật
Viên thí tứ nhiếp
Bình đẳng tiếp dẫn
Thượng, trung, hạ căn
71. A Di Đà Phật

TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 125

Tu trọn vạn hạnh Ân đẫm cửu giới Không đâu chẳng trọn!

72. A Di Đà Phật
Sở hành vô ngại
Trong hết thảy pháp
Được đại tự tại
73. A Di Đà Phật

Viên mãn tam Giác
Thượng thánh hạ phàm
Đồng lên Cực Lạc
74. A Di Đà Phật
Hiệu Vô Lượng Thọ
Nhân dân cõi ấy
Thọ cũng vô số.
75. A Di Đà Phật
Hiệu Vô Lượng Quang
Sanh trong Lạc Bang
Quang chẳng lường được!
76. A Di Đà Phật
Hiệu Vô Biên Quang
Chiếu khắp, nhiếp trọn
Ba đời, mười phương
77. A Di Đà Phật Hiệu Vô Ngại Quang Sơn hà đại địa

126 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

Không chi ngăn ngại

78. A Di Đà Phật
Hiệu Vô Đối Quang
Chư Phật chẳng bằng
Huống là hơn được!
79. A Di Đà Phật
Hiệu Viêm Vương Quang
Quang minh thanh lương
Rạng rỡ sáng ngời
80. A Di Đà Phật
Hiệu Thanh Tịnh Quang
Lìa trọn không, hữu
Tỏ rõ thường chơn
81. A Di Đà Phật
Hiệu Hoan Hỷ Quang
Triệt chứng thường lạc
Trọn không hoặc ương
82. A Di Đà Phật
Hiệu Trí Huệ Quang
Tột chơn, sạch hoặc
Chiếu khắp mười phương

83. A Di Đà Phật
Hiệu Bất Đoạn Quang
Tam đức viên chứng
Đoạn, Tục đều mất
TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 127

84. A Di Đà Phật
Hiệu Nan Tư Quang
Cửu giới chúng sanh
Ai tán dương nổi
85. A Di Đà Phật
Hiệu Vô Xưng Quang
Trừ mười phương Phật
Ai diễn tả nổi?
86. A Di Đà Phật
Siêu Nhật Nguyệt Quang
Một quang chiếu khắp
Từ tế vô ương
87. A Di Đà Phật
Tịnh Độ hoằng khai
Chúng sanh cô độc
Lên liên hoa đài
88. A Di Đà Phật
Độ sanh niệm thâm
Dùng Quả Địa Giác
Làm tâm tu nhân
89. A Di Đà Phật
Ân đức vô biên
Mười phương tam thế
Đều được vỗ về
90. A Di Đà Phật Cõi nước trang nghiêm

128 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

Chánh báo, y báo Đều lìa cơ hiềm

91. A Di Đà Phật
Mở cửa lầu gác
Ai đến đều vào
Há riêng Thiện Tài!
92. A Di Đà Phật
Khí hậu điều hòa

Trọn không nóng lạnh
Núi cao, sông dài!
93. A Di Đà Phật
Lý sự thậm thâm
Gồm Thiền, Giáo, Luật
Dứt xưa, tuyệt nay!
94. A Di Đà Phật
Tay vàng luôn xòe
Tiếp mọi căn cơ
Chẳng hề lỡ thời
95. A Di Đà Phật
Bạch hào tướng quang
Chiếu kẻ chơn tu
Chẳng thiếu cơm, áo
96. A Di Đà Phật
Tâm này là Phật
Tâm này làm Phật
Chấp đó chẳng tu
TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ 129

Là giống địa ngục!

97. A Di Đà Phật Như trăng giữa trời in khắp dòng nước Diệu khôn diễn tả!

98. A Di Đà Phật
Lò lớn, mảnh tuyết
Vô biên tội chướng
Ngay đấy tiêu diệt
99. A Di Đà Phật
Tu trì diệu đế
Nhiếp trọn sáu căn
Tịnh niệm tiếp nối
100. A Di Đà Phật
Vạn pháp bao la
Tựa hồ biển cả
Như thuốc Già Đà
130 TRÙNG ĐÍNH TÂY PHƯƠNG CÔNG CỨ

Trùng Đính Tây Phương Công Cứ hết (Phật lịch 2545, ngày 28 tháng 06 năm 2001, Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa kính dịch) (1) Gởi tiền kho kiếp sau (ký khố lai sanh): Một hình thức mê tín của dân Tàu, đốt giấy tiền vàng bạc gởi tiền xuống âm phủ để chết đi có cái tiêu dùng dưới âm cung. (2) Bất tiếu: Con không được như cha gọi là bất tiếu. Con

hư cũng gọi là bất tiếu. Tiếu nghĩa là suy vi, hư hỏng, mất mát. (3) Đây là dựa theo ý câu nói của La Thiện Uy đời Ngũ Đại: “Hợp lục châu, tứ thập tam huyện thiết bất năng chú thử thác” (Đem sắt cả sáu châu, bốn mươi ba huyện đúc không nổi lỗi lầm ấy), ý nói lỗi to lắm. Tổ Ấn Quang viết: Chánh sở vị tụ vạn quốc cửu châu chi thiết, dã đào bất thành thử nhất cá đại thác. (4) Ba vị Tăng, Trần, Vương đều là bậc danh thần đời Tống. Ông họ Sử đầu đời nhà Thanh đỗ trạng nguyên. Bốn vị này đều tin Phật, nhưng ông Trần Trung Tú hiểu đạo sâu sắc hơn cả. Do đời trước họ đều là cao tăng, nên tuy ở trong phú quý chẳng lầm nhân quả vậy (chú thích của ngài Ấn Quang) (5) Chơn đễ: đối xử phải đạo, hòa thuận với anh chị em trong nhà gọi là đễ. (6) Dẫn khánh: một pháp khí thường bằng đồng có cán, thường đánh lên để giữ nhịp khi đảnh lễ trong các chùa miền Trung, Nam. Ta chỉ gọi là Khánh; Tàu gọi là dẫn khánh để phân biệt với đại khánh (tức là chuông gia trì) và nại khánh (cái chuông nhỏ, còn được gọi là điếu chung, treo ở phía trên trống tán, thường được đánh nhịp với trống khi xướng tụng phạm tán) (7) Truyền tân: Củi tuy cháy hết mà lửa vẫn được tiếp nối. Đây là hình ảnh dùng để ví cho sự truyền thừa học thuyết, đạo pháp giữa thầy trò. (8) Hàn Dũ, Âu Dương Tu là những nhà Nho kịch liệt bài xích Phật giáo (9) Cầm nắm bình, khăn: ý nói hầu hạ như thị giả hầu thầy. (*) An Sĩ tiên sinh là một vị cư sĩ nổi tiếng đời Thanh. Ông tên thật là Châu Mộng Nhan (1656-1739), người xứ Côn Sơn, tên tự là An Sĩ, hiệu là Hoài Tây Cư Sĩ. Ông thông hiểu pháp môn Tịnh Độ. Các trước tác của ông rất đặc sắc vì khéo dung hội những quan điểm của Nho, Đạo, Thích để hướng dẫn quần chúng hướng về Phật đạo, chuyên tu pháp môn Tịnh Độ. Các tác phNm của ông

được in chung thành một bộ mang tên là An Sĩ Toàn Thư. Bộ này gồm các tác phNm: Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn Quảng Nghĩa (giải thích rộng ý nghĩa bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân), Vạn Thiện Tiên Tư, Dục Hải Hồi Cuồng và Tây Quy Trực Chỉ. Cuốn Tây Quy Trực Chỉ được xem là một tác phNm giá trị trong các văn bản Tịnh Độ. (**) Ý của Tổ Sư từ phương Tây đến: Đây là một cách diễn tả khác câu thoại đầu thường dùng để tham công án trong nhà Thiền: “Như hà thị Tổ Sư Đông lai ý?”(Tổ Sư đến phương Đông là có ý gì?) Chữ Tổ Sư ở đây chỉ Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.